

NGỤ NGÔN

ĐOẢN QUỐC SỸ

Sưu tập

LUẬN VỀ THỂ NGỤ NGÔN

Chúng ta hãy tuần tự xét ba vấn đề sau đây về thể ngụ ngôn :

- Nguồn gốc thể ngụ ngôn Đông Tây
- Vấn đề chính danh
- Tác dụng của thể ngụ ngôn

I.

NGUỒN GỐC THỂ NGỤ NGÔN ĐÔNG TÂY

Nói về thơ ngụ ngôn ta thường nghĩ ngay đến Esope, La Fontaine của Tây phương và thâm tâm thường như có khuynh hướng chấp nhận ngay thủy tổ thể thơ ngụ ngôn là Esope. Song le trước khi sang vấn đề chính danh, nếu ta quan niệm ngụ-ngôn theo nghĩa thật rộng, thì bài ngụ ngôn cổ nhất còn truyền lại tới ngày nay lại là của Trung-hoa. Vậy cho hợp lý chúng ta phải nói về ngụ ngôn Đông phương đã, sau đó hãy xét sang Tây-phương.

A. NGỤ NGÔN ĐÔNG PHƯƠNG

Chúng ta tuần tự xét từ Trung-Hoa qua Ấn-Độ rồi nước Việt nhà.

1. Ngụ ngôn Trung-Hoa

Theo Nguyễn Trọng Thuật trong một bài báo đăng trong Nam-Phong tạp chí của ông thì lối văn ngụ ngôn trong văn học sử thế giới có lẽ là có sớm nhất ở Trung Quốc, đó là bài thơ “Quạ Kia” của Ông Châu-công trước Tây lịch ước hơn một ngàn năm.

Nguyên vua Vũ-Vương là anh ông Châu-Công đánh bại vua Trụ lấy được thiên hạ của nhà Thương, rồi thương tình phong cho con của vua Trụ là Vũ-Canh ở một xứ nhỏ và cho hai em là Quản-Thúc và Sái-Thúc đến giám đốc. Ít lâu sau Vũ-vương chết, con là Thành-vương còn nhỏ lên nối ngôi, Châu-Công làm Thủ-tướng. (Chính ông là người đã thay mặt Trung-quốc tiếp đãi lần đầu sứ thần nước ta). Thấy Vũ Vương mất rồi, Quản-thúc với Sái-thúc bèn mượn tiếng Vũ-Canh dấy lên làm phản, phao ngôn đi rằng : “Châu-Công muốn lợi dụng thằng bé con”. Châu-Công phải đi đánh giết được Quản-Thúc và Vũ-Canh mà xem ý Thành-vương cũng còn chưa tin bụng mình mới làm ra bài thơ “Quạ Kia” đưa về cho Thành-vương để tỏ lòng ưu quân ái quốc của mình, mượn lời con chim mẹ bảo con quạ
“Mày đã bắt mất con tao, mày đừng phá nhà tao nữa”. Chim mẹ ví vào Ông, con quạ ví Vũ-Canh, chim con bị giết ví Quản Thúc, tổ chim ví quốc gia nhà Châu.

Bản dịch toàn bài “Quạ Kia” như sau (bản dịch cũng của Nguyễn Trọng Thuật).

Quạ kia đã bắt con ta,
Thôi đừng phá hủy cửa nhà ta chi.
Biết bao bú mớm bù trì,
Thương con ai cũng lòng kia khác nào.

Hôm nay trời chửa mưa dầm
Bẻ cành dâu để ta khuân về nhà
Khuân về chằng buộc nhà ta,
Dưới kia ai dám lân-la nhòm hành.

Ta đi tha rác mọi nơi,
Ta đi tìm kiếm lấy mồi chắt-chiu,
Chân nam đá với chân chiêu,
Miệng khô vì nổi dùm kiu cửa nhà,

Ta kêu réo rất gần xa,
Đuôi ta cụp lại cánh ta xập xòe.
Vì chưng gió lật mưa đê,
Cửa nhà lay chuyển chĩnh e rã rời.

Xuống đến đời Đông Châu, nghĩa là từ Xuân Thu đến Chiến-Quốc, hơn bốn trăm năm thời cực xoay dần ra cái thế liệt quốc cạnh tranh, học thuật tự-do, tư tưởng tự do, ngôn luận tự do, nhân đó triết học, văn học phát triển mạnh, các phái học giả đua nhau nào lập thuyết, nào du thuyết để răn khuyên người đời, do đó lối văn ngụ ngôn càng phồn thịnh dữ, mà Trang tử và Mạnh tử là hai kiện tướng lừng danh về loại văn này.

Từ đời Tần trở về sau lối văn ngụ ngôn có sút kém.

2. Ngụ-ngôn Ấn-Độ :

Trong kinh-sách Phật-giáo vẫn theo lời Nguyễn Trọng Thuật – thì những bài dụ (ngụ-ngôn) là để dễ bề cảm hóa đám chúng sinh bình dân, trình độ trí thức kém. Song những bài dụ đó thiên về tư tưởng xuất thế, khác hẳn với tư tưởng gần nhân sinh xã-hội của loại ngụ ngôn khác. Tỷ như câu chuyện dụ-ngôn về người đời :

“Có một người bị bốn con cuồng tượng đuổi chạy đến cái hố sâu vô để, miệng hố có cái dây leo thông xuống. Người ấy bám dây lần xuống, đến nửa chừng, trông xuống thì thấy những giống độc ác, trông lên thì thấy có hai con chuột đến gặm cái dây.” Người ấy chỉ về người đời, bốn con cuồng tượng ví bốn cái nghiệp nó khu bách người ta, cái dây ví với đời người; hai con chuột gặm ví ngày tháng mòn mỏi, dưới hố ví nơi sa đọa. Nghĩ đến đời người như thế còn có thú gì mà không tu hành giải thoát.

Thật ra không phải chỉ về sau trong kinh sách nhà Phật mới có những dụ ngôn (như tập Jataka kể lại những chuyện tự hằng hà sa số kiếp tái sinh của Đức Phật), mà ngay sinh thời đức Thích-ca, Ngài cũng vẫn thường dẫn những chuyện về muông thú cỏ cây để các tín đồ dễ hiểu những lời thuyết giáo của Ngài.

Nhưng có lẽ nguồn gốc dụ ngôn cổ nhất của Ấn-độ phải kể tới thập cổ thư viết bằng chữ Phạn Panchatantra (Ngũ Thư). Những truyện dụ ngôn trong thập cổ thư này thường rất dài, mắc mứu đan dệt truyện nọ vào với truyện kia như kiểu những truyện trong “Ngàn Một Đêm Lẻ”. Còn nội dung cũng mang đậm màu sắc một lời khuyên hiền triết hơn là cái nhìn dí dỏm về nhân sinh.

Cũng những dụ ngôn trong Panchatantra, bản dịch sang tiếng Ả-rập mang nhan đề là : “Dụ ngôn của Pithpai”. Chính Pithpai được coi như ông tổ của thể dụ ngôn Ấn-độ, nhưng tiểu sử của ông rất mờ mịt, chẳng biết ông sống vào thời nào và ở nơi nào tại Ấn-độ. Người ta chỉ biết ông là một nhà tu hành và đã từng làm phò tá vua Dabchélim (?)

3. Dụ-ngôn Việt Nam :

Vẫn cùng một bài báo đăng trên Nam-phong tạp chí kể trên, ông Nguyễn Trọng Thuật đã có công nghiên cứu khá đầy đủ về thể dụ ngôn của nước Việt nhà.

Văn dụ ngôn Việt-Nam ta có đủ hai thể văn vần và văn xuôi và hai thứ chữ Hán ngữ và Việt ngữ. Thể văn này xem chừng như có từ đời Trần Mạt mà thịnh hành ở thời văn học thịnh đạt của nhà Hậu-Lê.

a. Về Hán ngữ :

Những chuyện bằng Hán ngữ đề là tản văn cả, như truyện “Con Long với con Hồ” tả hai con thi sức khoe tài rồi đối đáp với nhau, thúc kết thì bên con Long là nhân, mà bên con Hồ là bạo (khuyết danh).

Truyện “Cóc Đi Thi” của Lê quý Đôn, tương truyền tác giả định bĩ một ông quan nào đó trong triều mà làm ra. Truyện hài hước đại ý nói cóc theo loài thủy tộc lên cửa Long-môn thi, Long-vương thấy lạ hỏi : “Cái quái vật gì mà bụng to da kẹch thế này?” Rồi đạp cổ cóc xuống.

Ba truyện sau đây đều khuyết danh như truyện “Con Long Với Con Hồ” trên.

“Truyện Con Gà, Con Mèo và Con Chó” ý là cho văn cũng không kém gì vũ nên nói : Mèo kể công bắt chuột thì chó kể công giữ trộm, gà kể công dậy sớm đánh thức con nhà chủ để dùi mài kinh sử cho thành tài.

“Truyện Súc-Vật Hội-Nghị” có ý trêu giớ kẻ lười, lược rằng : Trâu hội cả gà, chó, mèo và lợn lại mà bảo : “Anh gà kia thức thời thì cho chiêm nghiệm thời tiết; chú chó kia mạnh bạo thì cho giữ nhà; chú mèo nọ tài bắt chuột thì cho giữ thóc; còn tên lợn này ăn no ngủ kỹ thì chờ cho béo tốt rồi ăn thịt.” Lợn kháng nghị không chịu. Trâu rằng : “Biết sớm muộn, mi không bằng gà; giữ kho,

không bằng mèo; coi trộm, không bằng chó, lại ăn hại như thế không mổ để làm gì?” Lợn hỏi lại : “Thế còn ông thì sao?” Trâu nói : “Ta hết sức cày ruộng để nuôi chúng bay!”

Còn “Truyện Con Ve và Con Ruồi Tranh Luận” thì cực tả con ve là bậc thanh cao mà con ruồi là kẻ tham ô.

b. Về Việt ngữ:

Thoạt hãy nhìn vào một số bài ca dao có dáng dấp ngụ-ngôn :

*Con gà cục tác “lá chanh”
Con lợn ủn ỉn “mua hành cho tôi.”
Con chó khóc đứng khóc ngồi,
“Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.”*

Lá chanh chuyên để ăn với thịt gà luộc, hành chuyên để sào nấu với thịt lợn và riềng để nấu với thịt chó. Thì ra đời chỉ toàn đòi lấy cái chết.

*Con mè mà trèo cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mè.*

Thì ra kẻ hèn thì cục cung mong được phụng sự kẻ mạnh mà kẻ mạnh vẫn rình bắt chứ có tha đâu.

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi, ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông sẽ sáo măng.
Có sáo thì sáo nước trong
Đừng sáo nước đục đau lòng cò con.*

Ý tả cái lòng không dám quên ai tế độ; nhưng giả sử vào trường hợp bị ngờ mà phải chết, thì cũng xin cho chết một cách trong sạch để khỏi đau lòng.

Còn một bài nữa nói về vợ chồng chim chích nhưng ngụ tả tình trạng gia đình kẻ bình dân. Bài này dài, lược chuyện như sau : “Vợ chồng chim chích nở được bốn con. Chồng dặn vợ ở nhà nuôi con, chồng đi kiếm mồi. Sau vợ thương chồng vất vả đòi đi kiếm thay, không ngờ lạ thung lạ thổ, suốt ngày không được gì. Tới lúc trời nhá nhem tối, thấy trong cái hoa sen con nhện bèn nhảy vào. Không may hoa sen cụp lại bị giam cả đêm, mãi đến sớm hôm sau mới về. Chồng ngờ là say đắm hoa nguyệt, vợ chim chích phải giải bày :

Tôi mà phụ dẫy chồng con

Thì xin lên đỉnn núi non tôi thề

Ông Hoa Bằng Hoàng-Thúc-Trâm trong một bài đăng trên tạp chí Tri-tân cũng coi ca dao là tị-tố của lối văn ngụ ngôn, ngoài hai bài “Con gà cục tác lá chanh” và “Con Mèo mày trèo cây cau”, ông còn dẫn chứng một bài khác :

*Con cò chết rũ trên cây
Cò con mở sách xem ngày làm ma.
Cà cuống uống rượu la-đà
Chim ri riu-rít bò ra chia phần.*

Ý tả cái phong tục hủ lậu nơi dân gian. Ở đây tác giả vô danh của ngụ-ngôn Việt-Nam chỉ dùng ngòi bút tả chân khiến độc giả tự kết luận lấy

Cũng gần với ý coi ca dao có liên hệ mật thiết tới nguồn gốc ngụ ngôn, Nguyễn văn Ngọc, trước ông Hoàng Thúc Trâm đã viết trong bài tựa cuốn Đông-Tây Ngụ-ngôn (1927) như sau :

“Người ta có thể nói được rằng gốc tích ngụ ngôn bắt đầu có từ khi cái trí con người biết mượn lời bóng bẩy để diễn tư tưởng của mình. Ngụ ngôn cổ không kém gì những câu tục ngữ, ca dao rất cổ. Tục ngữ, ca dao có biết bao nhiêu câu thực đã như những lời kết luận của các bài ngụ ngôn lấy ra còn dư lại:

Và Nguyễn văn Ngọc cũng đã đem ca dao ra minh chứng, thí dụ :

*Quạ mà đã biết quạ đen,
Có đâu quạ dám mon men tới cò.*

Hay là :

*Mèo tha miếng thịt thì đòi,
Kểnh vồ con lợn, mắt coi chừng chừng.*

Lắm khi không cần phải diễn giải, toàn thể bài ngụ ngôn như tự sẵn có, không di dịch được một chữ nào :

*Con trai mày há miệng ra,
Cái cò nó mổ, muốn tha thịt mày.
Cái cò mày mổ cái trai,
Cái trai quặp lại, muốn nhai thịt cò.*

Và mấy câu ca dao sau này Nguyễn văn Ngọc cũng coi là một thể ngụ ngôn :

*Cái bóng đi chợ cầu Canh,
Cái tôm đi trước, củ hành đi sau.*

*Con của lịch thệch theo hầu
Cái chày rớt xuống vỡ đầu con của.*

Nguyễn văn Ngọc đã giảng như sau : “Có phải đúng như một lũ chết dẫm chỉ đua nhau làm đồ ăn cho người ta nấu, người ta rang, người ta đập cho vỡ đầu ra, mà cũng không biết gì, vẫn còn rủ nhau, đưa nhau vào chỗ chết.

Trên đây là nói đến loại ngụ ngôn ca dao cùng những ngụ ngôn đoản thiên khác của Việt-Nam nhà, đề cập đến loại tràng thiên tất nhiên chúng phải kể đến Truyện Trinh-Thử, Truyện Trê Cóc và Lục Súc Trang Công lời văn thuần thực, tự nhiên, với những cách ngôn, thành ngữ quen thuộc hàng ngày của người bình dân.

B. NGỤ NGÔN TÂY PHƯƠNG

1. Ngụ ngôn Hy Lạp

Ở Tây phương, những chuyện ngụ ngôn cổ nhất còn được truyền lại là những chuyện ngụ ngôn của Esope, người Hy Lạp, sinh vào khoảng thế kỷ thứ VII hay thứ VI trước Tây lịch. Ngụ ngôn Esope được truyền khẩu như vậy trong một thời gian khá lâu, rồi Phèdre, nhà thi sĩ La-mã viết lại thành thơ vào khoảng thế kỷ đầu Tây lịch, rồi tới Babrius, nhà thơ Hy Lạp, viết lại thành thơ Hy Lạp vào thế kỷ thứ ba; sau cùng Planude, một vị thầy tu ở Costantinople, sưu tập và cho ấn hành tập “Ngụ ngôn Esope” vào khoảng đầu thế kỷ 14, tập này về sau trở thành nguồn gốc chính cho nhiều tập ngụ ngôn khác của Âu-châu.

2. Ngụ ngôn Pháp :

Từ thế kỷ 12 trở đi thế ngụ ngôn đã phồn thịnh tại Pháp với nữ sĩ Marie de France, rồi kế tiếp vào khoảng thế kỷ 12-14 xuất hiện Sự-tích Con chồn Xảo-quyệt- Roman de Renard. Truyện này được truyền tụng khắp Âu-châu. Sang thế kỷ 16, vẫn ở Pháp, xuất hiện thêm một số nhà viết ngụ ngôn nữa như : Barthéleny Aneau, Gilles Corrozet, Guillaume Guérout, Guillaume Haudent; nhưng phải đợi đến thế kỷ thứ 17 nước Pháp mới sản xuất được một nhà thơ ngụ ngôn chói lọi nhất Âu châu là Jean de la Fontaine. Ông đã mang nghệ thuật thơ ngụ ngôn của Tây phương lên đến tuyệt đỉnh. Đó là những bài ngụ ngôn Esope, hay những truyện cũ tự thời trung cổ được ông sáng tác lại, hoặc những truyện do chính ông sáng tác. Sang thế kỷ 18 văn học Pháp còn ghi thêm mấy nhà ngụ ngôn này nữa : Claude Joseph Dorat, Alesis Piron, Jean Pierre Claris de Florian, nhưng không ai vượt được La Fontaine.

3. Ngụ ngôn Đức :

Tại Đức vào thế kỷ 13 đã có người viết ngụ ngôn, rồi chuyện con chồn xảo quyệt cũng rất được phổ biến trong dân gian – Reinecke Fuchs- nhưng phải đợi đến thế kỷ 18 Đức mới có những nhà viết ngụ ngôn nổi tiếng như Christian Bellert, Gotthold Ephraim Lessing và Friedrich von Hagedorn (tất cả đều chịu ảnh hưởng đậm đà La Fontaine)

4. Ngụ ngôn Anh :

Tại Anh quốc, truyện ngụ ngôn nổi tiếng sớm nhất được truyền tụng là truyện Nonne Prestre's Tale (Lời kể của một nữ tu sĩ) trong tập Canterbury Tales (Truyện thành Canterbury) của nhà thơ thiên tài thời trung cổ Chaucer (1346-1400). Truyện The Churl and the Bird (Bác nhà quê và con chim) của John Lydgate là một truyện ngụ ngôn điển hình cho thế kỷ 15.

Hai tập ngụ ngôn của John Gay ấn hành vào tiền bán thế kỷ 18 được coi là thành tựu nhất của thể ngụ ngôn Anh-quốc.

5. Ngụ ngôn tại một số quốc gia Âu-châu khác :

Ở Tây-Ban-Nha có Tomás de Iriarte y Orsopes – tác giả tập ngụ ngôn *Fabulas Literaries* (1782).

Ở Nga, sang thế kỷ 19 có Ivan Andreevich Krylov, những tập ngụ ngôn dí-dỏm của ông đã lần lượt được ấn hành vào những năm 1809, 1811, 1816.

Tất nhiên chúng ta còn phải kể tới Hans Christian Andersen của Đan-Mạch, phần lớn truyện cổ tích thần tiên ông viết đều có ý hàm ngụ.

Tại Hoa-kỳ, những nhà viết ngụ ngôn gần đây tạm kể có Ambrose Bierce (*Fantastic Fables*, 1899), John Erskine (*Cinderella's Daughter*, 1930), James Thurber (*Fables for our Times*, 1940), William Saroyan (*Fables*, 1941)

II.

VẤN ĐỀ CHÍNH DANH

Trên đây danh-từ ngụ-ngôn được dùng theo nghĩa thật bao quát ! Chúng tôi đề-nghị hãy cùng giáo sư Đỗ-Khánh-Hoan tác-giả *Lịch-Sử Văn-Học Anh-Quốc* dùng danh từ “Ngụ-từ” hay “Ngụ-ngữ” cho ý nghĩa bao quát nhất của ngụ ngôn (tiếng Anh, Allegory; tiếng Pháp, Allégorie)

Tỉ như tập thơ ngụ-từ *The Faerie Queene* của Edmund Spenser (Anh) viết ra để ca ngợi ánh vinh quang của triều đại Elizabeth I; mỗi hiệp sĩ phụng sự Nữ-hoàng đều tượng trưng cho một trong những đức tính sau đây : Thành-Thực , Tiết-Độ, Trong-Sạch, Thân-Thiện, Công-Bằng, Thanh-Lịch.

Truyện *Gulliver's Travels* – Gui-li-ve du-ký – của Jonathan Swift cũng là một truyện ngụ-từ nhưng thiên về phúng thích.

Nếu truyện ngụ-từ (văn vần hay văn xuôi) bao giờ cũng dài và chứa đựng nhiều tình tiết, thì ngụ-ngôn và dụ-ngôn ngắn gọn hơn nhiều.

Ngụ ngôn và dụ ngôn chỉ có điểm dị biệt sau này :

Ngụ ngôn là những câu chuyện hoàn toàn do trí tưởng tượng nhào nặn, không thể xảy ra ở cõi đời này được (các giống vật hay bất động vật được nhân cách hóa). Còn dụ ngôn cũng là bài ngụ ngôn ngắn, nhưng dừng ngay sự việc xảy ra – hay đúng hơn, có thể xảy ra – trong đời sống hàng ngày, khiến người đọc do đấy mà liên tưởng đến điều đích thực tác giả muốn nói. Tỉ dụ truyện “Người lãng tử hồi hương” trong Kinh Thánh là một dụ ngôn muốn chứng tỏ lòng độ lượng hải hà của Thượng-đế đối với thế nhân tội lỗi.

Chúng ta đừng lầm với minh dụ hay ẩn dụ chỉ là những các sử dụng từ hoa để ví von bóng gió.

Minh-dụ (A. Simile; P. Comparaison) là có ví von hẳn hoi, tỉ như câu ca dao của ta :

*Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

Ẩn dụ (A. Metaphor ; P. Métaphore) là cách chỉ nói bóng thoi, người đọc hay người nghe tự lĩnh hội lấy ý, tỉ như câu ca dao khác :

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Và cũng đừng lầm với lối biểu trưng (A. Symbol P. Symbole) là cách dùng hình ảnh tượng trưng vừa ngắn gọn vừa rõ rệt mà không hề có ý ví von gì hết. Tỉ như khi ta nói “Đoàn thập tự quân” thì hình ảnh thập-tự tự nó đã khiến chúng ta hiểu là thuộc về “Cơ-đốc-giáo” rồi.

III.

TÁC DỤNG CỦA THỂ NGỤ NGÔN :

Chúng ta đã biết ngụ ngôn là câu chuyện ngắn dí dỏm kể bằng văn xuôi hay văn vần có ý hàm ngụ một lời răn thực tế, hay chứng minh một chân lý phổ quát nào. Nhân vật trong những bài ngụ ngôn thường là các loài vật – đôi khi là bất động vật – được nhân cách hóa.

Tuy văn ngụ ngôn linh hoạt dí dỏm, dễ hiểu đọc lên hào hứng sáng khoái (chính vì thế mà sáng tác văn thơ ngụ ngôn không phải là chuyện dễ), tuy ngay tự thuở các dân tộc hai bên Âu, Á chưa đọc lẫn sách vở của nhau, lối văn đó ở đâu cũng đã đầy đủ thể tài, vậy mà trong dư luận thức giả vẫn có người cho đó là lối văn vu khoát, không phải là lối bút pháp tín thực đáng đem và nhà trường để dạy dỗ. Ở Đông-phương ngày xưa thì có bài “Chiến cổ” giễu ông Mạnh Tử, trích ngay ý hai truyện ngụ ngôn của ông mà đặt hai câu thơ riếu rằng :

*Khất cái yên năng hữu nhị kê?
Lân nhân an đắc hứa đa kê ?
(Thằng ăn mày sao có hai vợ ?
Hàng xóm lấy đâu được lắm gà?)*

Ở Tay phương, J.J Rousseau trích ngay bài ngụ ngôn “Con quạ và con cáo” của La Fontaine mà rằng “Cáo mà biết nói? Quạ mà gọi bằng ông ư? ,,,” (Nguyễn trọng Thuật, bài báo đã dẫn).

Thật ra dư luận trên quả đã quá câu nệ. Cổ kim Đông, Tây, lối văn ngụ ngôn đời nào cũng thịnh hành. Từ nhà lập thuyết, nhà du thuyết, nhà chính trị đến nhà tôn giáo hết thầy đều dùng thể ngụ ngôn để dễ bề khuyên răn, chuyên chở đạo lý.

Ôn- như Nguyễn văn Ngọc bình về ngụ ngôn như sau :

“...Lối văn ngụ ngôn không phải là lối văn khinh thường, trò trẻ, xưa nay nhiều nước, bất cứ ở phương Đông hay phương Tây, bất cứ về đời thái cổ hay trung cổ đều sản xuất ra biết bao nhiêu bài ngụ ngôn. Mà mỗi bài ngụ ngôn đã sản ra ấy là một khối văn có thể lưu truyền, một tấn kịch có thể biểu diễn cho cả mọi người cùng nghe, cùng xem được.

Nên chi, con trẻ ở các trường mà cũng đem những bài ngụ ngôn làm bài học thuộc lòng được, thì người lớn đọc ngụ ngôn cũng không hẳn là mất thời giờ vô ích. Cái thể ngụ ngôn đã có hứng thú về mặt văn chương, mỹ thuật, cái thể ấy lại còn bổ ích về mặt luân thường đạo lý nữa. Ngụ ngôn đã chế bớt cho đời được bao nhiêu tính dữ, ngụ ngôn tất khuyến khích cho đời được vô số điều hay.

Cái hay và cũng là cái khó trong việc sáng tác thể ngụ ngôn chính là ở chỗ hư đó mà thực đó, vật đó mà người đó, giản dị ngây ngô đó mà linh hoạt dí dỏm đó.

Các tác giả Mỹ Edna Johnson, Evelyn R.Sickels, Frances Clarke Sayers trong cuốn Anthology of Children’s Literature (Tuyển tập văn-chương nhi-đồng) cũng có ghi về thể ngụ ngôn như sau :

“Bài ngụ ngôn như một vở kịch ngắn, các súc vật là vai chính, tia chân lý lóe sáng, tất cả những thứ đó có sức hấp dẫn kỳ diệu sự chú ý của các em, và những bài ngụ ngôn như vậy nào có khác gì những viên sỏi xinh lấp lánh mà ta lượm được trên bãi biển rồi cất vào túi như một kho lưu trữ những kinh nghiệm đã qua để khi cần đến là có thể đem ra đối chiếu tức thì.”

Và ý kiến trên đây cũng là ý kiến của chúng tôi dùng để làm lời kết luận bài này. Ngoài ra chúng ta còn không quên ở Đông cũng như ở Tây xưa thể ngụ ngôn còn dùng trong việc can gián người trên “nói gió mà tránh lòng mây”. Trong trường hợp này kẻ nói không lo bị tội mà kẻ nghe có thể lấy đấy làm răn.

(Ngôn chi giả vô tội, văn chi giả túc dĩ giới.)

I.

NGỤ NGÔN CỔ TRUNG HOA và VIỆT-NAM

Mười một bài ngụ ngôn cổ của Trung Hoa và Việt-Nam sau đây (9 bài của Trung Hoa, 2 bài của Việt Nam) đều do Đờ Nam Tử Nguyễn trọng Thuật dịch thoát đăng ở Nam-Phong tạp-chí số 123 (1927), rồi in thành sách nhan đề Thơ Ngụ Ngôn, Chân Phương Aán-Quán, Hà-Nội 1928.

1.

CON VE CON BỌ NGỰA
CON CHIM CHÍCH VÀ CÁI HỔ SÂU
(Ngô Việt Xuân Thu)

Vua Phù Sai nước Ngô ngày trước,
Hay đem binh đi cướp nước người,
Vậy nên thái-tử can ngài,
Diễn ra một kịch mượn lời can khuyên
Tay cầm nỏ áo xiêm lấm ướn,
Từ ngoài vườn dạo bước vào đền.
Vua cha bèn hỏi sự-duyên,
Thái tử đem việc tâu lên bệ rằng :
“Con vừa mới ở trong vườn nọ
Cảm một điều cũng có nghĩa hay :
Con ve đậu ở cành cây
Ngâm-ngạ tự-đắc chốn này đã yên.
Con bọ-ngựa giơ liền rón-rén,
Nấp cành bên chực chém chết ve.
Bọ ngựa có ý xum-xoe,
Hay đâu chim chích nhằm-nhè sau lưng.
Chim chích đứng không từng động cựa,
Định mổ con bọ ngựa nuốt phăng,
Ngờ đâu lại có hạ thần,
Nấp xa gương nỏ đang nhằm bắn chim.
Hạ thần mãi không nhìn sau trước,
Cái hổ sâu nhổ trượt chân vào.
Ướt xiêm lấm cả áo bào,
Vội vàng vác nỏ chạy nhào về đây.”
Vua cha phán : “Ấy mà thật dại,
Tham lời không nghĩ hại về sau.”
Phán thôi Thái-tử liền tâu :
“Ở đời cái dại biết đâu là chừng.
Kìa nước Lỗ lễ-văn nho giáo,
Nước Tề toan cường-bạo diệt đi;
Ngờ đâu Ngô đến tức thì,
Đánh Tề những muốn thu về nước Ngô.
Nay nước Vệ là thù bên cạnh,
Không đánh Ngô mộ lính đi đâu ?
Đó là lợi trước hại sau,
Ở đời cái dại biết đâu là chừng.”
Vua cha quở : “Xí ! thằng ương dở,
Đừng lảm lời để lỡ việc ta.”

Tạ từ Thái-tử lui ra,
Không lâu câu chuyện ấy mà nghiệm ngay.

2.

THẦN SÔNG VỚI THẦN BỂ
(Sách Trang Tử)

Thần sông nọ ngắm trông sông nước,
Không đâu đâu nước được như mình,
Cõi bờ mặc sức tung-hoành,
Bao-la khắp chốn thị thành thôn quê.
Trên nguồn suối một bề qui-thuận,
Dưới kênh ngòi đều phận con em;
Hồ đầm xá kể bọn hèn,
Họa chẳng có Bể đọ xem thế nào.
Ra bờ bể trông vào làn nước,
Thấy phát-phơ thần Nhược, thần Dương.
Trùng trùng sóng nước mênh-mang,
Thuộc quyền thần Nhược chủ-trương gần bờ.
Ngoài xa nữa mờ mờ sóng bạc,
Cõi thần Dương man-mác liền trời.
Tuyệt với tíт khắp mù khơi,
Không còn nhìn nhận đâu nơi bến bờ.
Thần Sông lúc bấy giờ kinh dị,
Vái hai thần tự nghĩ than thân :
Ở nhà mình cứ tự-cặng,
Ra ngoài nào có thãm bằng ai đâu !”

3.

CON BỌ NGỰA VỚI CÁI BÁNH XE
(Hàn-thị ngoại truyện, diễn sách Trang-tử)

Vua Tề-trang đi xe ra cửa,
Thấy một con bọ ngựa đứng bên;
Bánh xe sắp tới đề lên,
Nó chạy không kịp giờ liền ra oai.
Tên đánh xe thưa : “Ngài coi đó,
“Con bọ kia có rõ đại không?
“Đại đâu đại lạ đại lùng
“Thà rằng chịu chết còn hòng chém xe.”
Vua Tề-trang không nghe lời nịnh,
Ngài vội-vàng truyền “Tránh xe đi !
“Con bọ này giỏi đó mi,
“Nó dù van lạy xe mi tha nào.”

Vua Tề-trang thật hào-hiệp lắm,
Con bộ ngựa cũng chẳng hèn gì.
Bên đấc thế, bên lâm nguy,
Bên thì có lượng, bên thì có gan.

4.

LÃO NGƯỜI NƯỚC TỔNG VỚI RUỘNG LÚA
(Sách Mạnh-Tử)

Lão người nước Tống một hôm,
Đi ra đồng áng thăm nom lúa nhà,
Thấy lúa kém lúa người ta
Vội-vàng cầm cổ lúa mà kéo lên.
Hết ruộng dưới đến ruộng trên
Một mình huỳnh-huých liên-miên tới ngày.
Chạy về bảo vợ con hay :
“Này, ta phải bữa hôm nay mệt nhoài.
“Thương lúa chẳng nỡ bỏ hoài,
“Giúp cho chóng lớn ở ngoài đồng ta.”
Sáng mai con cái chạy ra,
Thì lúa đã nở như là rơm khô.
Lẽ thường nhỏ mới có to,
Vội-vàng muốn chóng, muốn cho nhọc mình.

5.

THẰNG ĂN CẤP GÀ
(Sách Mạnh-Tử)

Ở đời biết lỗi khó thay,
Biết lỗi mà dám bỏ ngay mới là.
Có một thằng ăn cấp gà,
Ngày một con, tháng đủ ba mươi ngày.
Người ta bảo nó rằng : “Mày
“Làm điều bất nghĩa nghề này không nên.”
Thằng ăn cấp trả lời liền :
“Từ nay mỗi tháng ta xin một gà,
“Chẳng bao tháng lại ngày qua,
“Hể sang năm mới là ta xin chừa.”
Ấy thằng nói mới hợm chừa,
Biết xấu sao chẳng bây giờ chừa ngay?
Ông Mạnh-tử nói chuyện này,
Ví chuyện giảm thuế qua ngày lần-khôn.

6.

ANH CHÀNG NƯỚC TỀ VỚI HAI NGƯỜI VỢ
(Sách Mạnh Tử)

Sĩ phu đời chiến-quốc kia,
Đêm đi van lạy ngày thì kiêu-căng.
Ông Mạnh ghét những thằng vô-sĩ,
Đặt chuyện này ngụ ý cười chê;
Anh chàng hai vợ nước Tề,
Sáng thì đi mất, tối về no say.
Ngày nào cũng như ngày hôm đó,
Khoe rằng chơi dặt chỗ sang giàu.
Nay quan lớn giữ đánh châu,
Mai cụ lớn ép ngồi hầu tiệc-xuân.
Người vợ cả phân-vân trong trí.
Hỏi vợ hai : “Dì nghĩ làm sao,
“Chàng khoe những bạn quan cao,
“Mà ta chẳng thấy quan nào đến đây ? “
Người vợ cả sáng mai theo hút,
Liệu chiều đi lẫn-lút đằng sau;
Được ông chồng cứ bước mau,
Khắp vùng chẳng thấy quan đâu chuyện-trò.
Sau đến một cái gò bên trại.
Có người vừa “tạ bái” một mâm.
Đức ông chồng đứng xin ăn,
Nhưng đồ “thừa huệ” xem chừng chứa no.
Ông chồng lại lò-dò đi nữa,
Vợ cả bèn sắp ngựa chạy về.
Hai vợ ngồi khóc đầu hè :
“Thằng chồng ta nó để bia miệng cười.
“Đời phú quý ra đời khất-cái,
“Chị em ta phận gái biết sao ?”
Nhưng chồng có biết đâu nào,
Xăm-xăm ngoài ngõ đi vào vênh-vang.

7.

CON TRAI VỚI CON CÒ
(Chiến Quốc Sách)

Bên sông Dịch-thủy ngày xưa,
Trai cò hai chú đều vừa đi ăn.
Trai há miệng định nhằm kiếm miếng.
Cò tới nơi mổ nghiêng ngay vào.
Trai đau quặt mỏ lại mau,
Kẹp cò mổ dẫu thế nào không tha.

Cò đau mỏ rút ra không tuột,
Lại ấn thêm vào ruột chú trai.
Trai đau cứ kẹp chặt hoài,
Chẳng ai là chịu nhường ai lúc này.
Trai rằng : “Giữ hai ngày không thả,
“Thì thằng cò chết là không sai”.
Cò rằng : “Chỉ nay với mai,
“Trời không mưa xuống thằng trai khô ròn”.
Đang đối đáp om-xòm bên bãi,
Lão thuyền chài hút-hải đi qua,
Cười thâm : “Trời để dành ta!”
Bắt trai, cò bỏ rỏ mà tếch ngay.
Tô-Đại đặt chuyện này ngày trước,
Ví Triệu, Yên hai nước giao-công;
Trai cò thế bất tương dung,
Nước Tần bên cạnh là ông thuyền chài.

8.

NGƯỜI BIỆN TRANG VỚI HAI CON HỔ
(Chiến Quốc Sách)

Biện-Trang nhân lúc đi đâu,
Gặp hai con hổ cắn nhau giữa đường.
Đương vật lộn và đương cào cắn,
Tên người nhà toan sấn vào đâm.
Biện-Trang giữ lại can ngăn :
“Để yên ta hẵng dừng chân đợi chờ.
“Nếu mà vội bây giờ thì dại,
“Tất hai con quay lại cắn ta,
“Chi bằng ta tạm lùi ra,
“Rồi đâm có một, thế mà được hai.”
Quả nhiên đợi một vài phút nữa,
Thì một con ngã ngửa nằm trơ,
Một con đau mệt lờ-ờ,
Biện-Trang lập tức liền giơ gươm vào,
Đâm con mệt té nhào xuống cỏ,
Được đôi hùm có khó gì đâu.
Đó là một chước rất sâu,
Của người Trần-Trần xưa tâu vua Tần.
Ví Hàn, Ngụy hai quân giao chiến,
Thì Tần đừng vội tiến quân sang,
Chờ cho chiến cục hồ tàn,
Đâm hùm dùng kế Biện-Trang trên này.

9.

ÔNG LÃO TRÊN CỬA ẢI VỚI CON NGỰA

Một ông lão ở trên cửa ải,
Đương cái khi thời đại nhà Tần.
Nhà ông cũng đủ bát ăn,
Nuôi được con ngựa đáng trăm nén vàng.
Bỗng đâu ngựa lạc đàn đi mất,
Người trong làng tấp nập hỏi thăm.
Ông rằng "Cùng chữa biết chừng,
"Mất ngựa mà đã hẳn rằng hoạ đâu?"
Ngờ đâu đến hôm sau thấy ngựa,
Nó rủ về con ngựa cực hay.
Người làng ai cũng mừng thay,
Ông rằng : "Đã chắc việc này phúc chưa?"
Cậu con ông rất ưa ngựa mới,
Ngày hôm nào cũng cưỡi hung-nhắng,
Thế nào ngựa ngựa què chân,
Người làng kéo đến ân cần xót-xa.
Ông rằng : "Có chi mà nhăn-nhó,
"Cháu gãy chân may có phúc lành"
Quả nhiên vua đắp Tràng-thành,
Dài hơn muôn dặm giễu quanh biên thuỳ.
Trai-tráng bắt phải đi phu hết,
Gãy chân tay, ốm, chết biết bao.
Con ông què được "miễn-dao",
Nhà ông con một phúc nào còn hơn.
Ấy hoạ phúc vô-môn là thế,
Chắc chi mà vội kể dở hay,
Dở hay chắc tại lòng này.

10.

HỘI NGHỊ SÚC VẬT

(Văn Cổ Việt-Nam, khuyết danh, bài viết vào đời Hậu Lê, đầu bài là : "Đại Ngưu Ngôn")

Trong súc-vật trâu công nghiệp nhất,
Đứng đầu ra cắt đặt chức quyền.
Đạt từ mời các hội-viên,
Gà, mèo, chó, lợn họp phiên hội-đồng.
Trâu rằng : "Cứ phép trong xã-hội,
Công không quên mà tội không tha.
Biết thời tiết có bác gà,
Tư thiên giữ chức liệu mà báo tri.
Bắt chuột, chú mèo kia thiện nghệ,

Giữ thóc kho chớ để hư hao.
Đêm hôm thức nhắc ra vào,
Tuần phòng cậu chớ ai nào dám ra.
Còn tên lợn ăn no lại ngủ,
Chờ béo rồi đem mổ thịt ăn.”
Lợn còn kháng-nghị cãi rằng :
“Tôi làm gì tội thì phân cho tường.”
Rằng : “Thức thời, mi nương gà nọ,
Phòng gian phi, thua chớ đêm tắm.
Coi kho, kém mẫn tài-năng,
Ngu lười ở bản lại ăn hại đời.
Sống vô ích cho thời cho thế,
Không giết đi thì để làm chi?”

11.

CON VE VỚI CON NHẶNG

(Văn Cổ Việt-Nam bài này đầu đề là : “Vũ Trùng Giốc Thắng”

Áo the lướt-thướt phong-phanh,
Ấy ve thi-sĩ trên cànng ngâm vang.
Áo lam biếc dát vàng mũ đỏ,
Nhặng đại gia nhặng-nhố chạy vào.
Ai ô-trọc ai thanh-cao,
Cùng nhau tranh luận biết bao nhiêu lời,
Nhặng hỏi trước : “Sao người rên-rỉ?”
Ve đáp : “Ta chỉ vị thương đời”.
Nhặng rằng : “Sao chẳng thức thời
Nghêu-ngao đồ xác nay đời ai ưa.
Càng dãi nắng dầm mưa càng đại,
Đời đang vui sao lại ngâm sầu ?”
Ve rằng : “Quý khách ở đâu”
Nhặng rằng : “Từ chốn nhà lầu ra chơi
Từng dự khắp mọi nơi yến tiệc,
Miếng đỉnh chung trải hết trân cam”
Ve: “Bác nhẩn-tâm làm.
Thế thì bác hưởng giàu sang đáng rồi.
Xưa những chỗ tanh hôi dơ bẩn.
Ai mà không phải lẫn cho xa.
Bác thì luôn lọt vào ra.
Những nơi như thế mới là no say.
Chỗ thành-quách chẳng may thất-thủ.
Ai không thường “bộc lộ” gớm-ghê
Bác thì càng được no-nê,

*Quý hồ thích khẩu chẳng hề động tâm.
Bác lấy thế làm hâm làm mộ,
Ta ngậm hơi cam lộ làm ngon
Tuyết sương chi há hao mòn,
Tiêu hao mấy tiếng hú hồn non sông.
Ai nghe mặc ai không cũng mặc,
Thú cỏ hoa tự đắc một mình.”
Nhặng nghe ve nói bất bình,
Thẳng bay về chỗ mảnh mảnh trước hiên.*

II.

NGỤ NGÔN MỚI VIỆT-NAM

Thơ Ngụ Ngôn Nguyễn Trọng Thuật

Cuốn “Thơ Ngụ-ngôn” của ông xuất bản năm 1928 tại Hà-nội chia làm 2 quyển. Quyển nhất gồm những bài do chính ông sáng tác, quyển hai gồm những bài ngụ ngôn cổ của nước Tàu và nước ta do ông diễn giải.

Vũ-Ngọc-Phan đã nhận xét về thơ ngụ ngôn của Đờ-Nam-Tử: “Những bài ngụ ngôn do ông soạn phần nhiều lời trúc-trắc, ý không rõ ràng và những loài vật ông chọn không tiêu biểu được những đức tính ông định khuyến khích người đời.”

Soạn giả đã nhọc công tìm kiếm mà không được đọc cuốn “Thơ Ngụ-ngôn” xuất bản năm 1928 trên. Tuy nhiên tìm đọc lại một số những bài ngụ-ngôn của ông đã đăng trên Nam-phong tạp-chí trước khi in thành sách thì thấy rằng lời phê bình của tác giả Nhà Văn Hiện Đại có phần xác-đáng lắm.

Trên đây đã giới thiệu một số ngụ-ngôn cổ Hán, Việt do ông diễn giải, dưới đây xin tuyển chọn hai bài ngụ ngôn do chính ông sáng tác (Nam phong số 120, tháng 7, 1927).

Có thể nói Nguyễn-trọng-Thuật cùng Nguyễn-văn-Ngọc và Nam-Hương là ba nhà viết ngụ-ngôn mới sớm nhất, sau khi ta thực sự tiếp xúc với trào lưu văn học Tây phương do việc người Pháp tới đặt nền đô hộ lên nước Việt nhà.

12.

THẦY GIÁO VÀ CẬU GIÁP

*Yêu người ta bằng mình ta vậy.
Đạo Chúa trời thường dạy con chiên.
Đạo Nho, Đức Khổng cần quyền,
Sự mình không muốn chớ nên đả người.
Ví giữ được hai lời Thánh huấn*

Thì ai còn oán hận chi nhau.
Chỉ vì đọc trước quên sau,
Muôn dân máu lụt, năm châu khói mù.
Xem một cậu học trò bị phạt.
thì suy ra giao ác việc đời.
Học đường đang lúc giờ chơi,
Giáp tát mặt bạn rồi cười lính ngay.
Bạn tức giận thưa thầy sự thể,
Thầy dạy rằng : “Hãy để tội cho.”
Ngày kia đông mặt học trò,
Gọi Giáp thầy mới dạy cho một bài.
Giơ tay ra bạt tai một chiếc,
Hỏi luôn rằng : “Có biết đau không?”
Thầy tát thế có bằng lòng,
Thì con cứ thực nói cùng thầy hay!”
Giáp nhăn-nhó rằng : “Thầy xử tệ.
Tát đau tôi, mất thể diện tôi.”
Rằng : “Thầy cũng biết lỗi rồi.
Vì con phải thí nghiệm thôi đó mà.
Trời sinh ai cũng da cũng thịt
Cũng tính tình cảm biết khác nao.
Mình đau mình nhục làm sao,
Người đau nhục thế, ai nào khác ai.
Con có nhớ tát người hôm nọ?
Hắn có đau và có nhục chẳng?
Từ nay phải nhớ luôn rằng :
Muốn không ai tát thì đừng tát ai.
Học thực nghiệm bằng mười học sách,
Nghĩ kỹ xem chớ trách thầy nhe !”
Giáp vâng lời dạy lui ra,
Biết thầy dạy phải nhưng mà còn đau.

13.

HAI MẸ CON VỚI MIẾNG SẮT

Bà mẹ đứng xem con đang học,
Coi ra chiều khó nhọc ươn oai.
Bà đưa cho miếng sắt dài,
Rằng : “Đem ra đá mà mài thành kim.”

Cậu cầm lấy vừa nhìn vừa ngại,
Bà giục luôn cậu phải đem ra.
Mài rằm ba cái qua loa,
Rằng : Con mài dẫu đến già không xong.

*Bà khẽ nói con trông xuống đá,
Có thấy gì dính đá hay không?
Cậu rờ tay xuống thưa rằng:
Có ít hạt sắt sáng chưng đây rồi.*

*Bà cười nói : Con ơi coi đó,
Sắt đã mòn, mài nhỏ khó chi.
Thành kim cũng chẳng lâu gì,
Suy ra đến sự học kia khác nào.
Con chăm chỉ hôm nào cũng thế,
Làm thánh hiền cũng dễ đấy con.*

Thơ Ngụ Ngôn Nguyễn Văn Ngọc

Đồng Tây Ngụ Ngôn của Nguyễn Văn Ngọc xuất bản năm 1927. Quyển sách mang nhan đề này vì tác giả đã mượn những đề tài ngụ ngôn bất kể của Đông phương hay của Tây phương mà đem phô diễn theo tiếng Nam, cố giữ cho hợp với tinh thần tiếng Nam.

Tiếp thay quyển Thơ Ngụ Ngôn của Nguyễn Trọng Thuật, soạn giả không tìm thấy. Năm bài ngụ ngôn của Ôn-như tiên sinh sau đây là trích trong : “Ngụ Ngôn”, Tứ Dân Văn Uyển, tháng Mười , 1935.

14.

ĐẦU ĐUÔI CON RẮN

*Một hôm đuôi rắn bảo đầu :
“Mày nhường tao trước, mày sau xem nào ...”
Đầu rằng : “Mày nói lạ sao !
Vẫn tao đi trước, tranh tao làm gì?”
Nói rồi, đầu cứ bò đi,
Cái đuôi uốn khúc bám ghì cội cây.
Đầu e đuôi nó làm ngày,
Đành nhường đuôi trước khỏi rày đua tranh.
Nào ngờ tấp-tễnh đi nhanh,
Đuôi không có mắt, cuốn quanh chạy liều.
Bò trên sườn núi cheo-veo,
Rơi vào hố lửa lăn queo rẫy hòai.
Lò than lửa bốc rục giờ,
Cháy mình rắn, cháy cả hai đuôi đầu.
Vì không mắt, lại lau-chau,
Mình ngu lại muốn đứng đầu kẻ khôn.
Dắt nhau vào chỗ chết chôn,
Thằng mù làm hại thằng còn con người.*

15.

CON KIẾN

Một con trâu

Đi cày về

Con kiến bâu

Trên sừng coi ti toe

Cả bọn kiến

Lấy làm ghê

Hỏi rằng : “Chị

Đi đâu mà le-te?”

-“Ơi chao ! Ra các chị không biết:

Tôi đi cày về xiết bao nặng-nề”

16.

NGƯỜI BUÔN CHẶN

Chú lái buôn chẵn cưỡi con lạc-đà,

Qua nơi đồng cát, đàng còn xa.

Không may lạc đà bị chết khát,

Tiếc của anh ta lột lấy da.

Coi da quý báu, giặt đầy tở,

Gìn-giữ đừng cho nước thấm qua.

Đầy tở vâng như lời chủ dặn,

Giữa đường bỗng gặp cơn mưa sa,

Lấy chẵn bọc kéo da đà ướt,

Da đà không ướt, ướt chẵn hoa.

Chẵn bị nước mưa, thành nát hồng

Bao nhiêu vốn liếng đi đời ma.

Rõ tham một mảnh, bỏ cả gói,

Chú lái buôn chẵn sao dại mà.

17.

NGƯỜI MƯỜNG VÀ CON BÊ

Một người Mường có con bê nhỏ,

Cơ nghiệp nhà trồng có con bê.

Rừng sâu khuất nẻo đi về,

Vẫn từng lo cạp bắt bê của mình

Ngày đem mé rừng xanh thả cỏ,

Thường cầu thần ủng hộ con bê.

Hôm cầu : Bà Chúa Rừng Huê

Hôm cầu : Thần Núi chở-che phù-trì.

Hôm thì khẩn : Thổ-kỳ, Thổ-địa,
Hôm thì kêu : chư vị bách linh.
Con bê nhờ phúc yên bình,
Ngày ngày quen thú cỏ xanh rừng hồng.
Mường gặp buổi xa vùng đời bước
Thả bê rồi khẩn trước chư linh
Các thần trên cõi rừng xanh
Thần Đa, thần Gạo, thần Sanh, thần Đề.
Khẩn hết cả thần Khe, thần Đống.
Hưng-đạo-vương, Phù-đổng thiên-vương.
Mười hai bà Chúa, bà Nàng,
Ông Sùng-sỏ-sắt, ông Cường-bạo-quân.
Nguyện tất cả vạn Thần, thiên Phật,
Niệm Di-đà, La-mật, Thích-ca.
Khẩn rằng : “Nay phải đi xa,
“Các ngài gìn-giữ cửa nhà hộ con.
“Con bê nọ may còn sống sót,
“Cọp không lòi ăn lột là hơn”.
Khẩn rồi vái lạy giang sơn,
Thả bê ăn cỏ, nhơn-nhơn tìm ngàn.
Kịp ngày tốt, bàng-hoàn trở lại,
Thì con bê đã phải cọp xơi.
Tan-tành thịt nát xương rơi
Phanh thây móng vuốt làm mồi răng nanh.
Bởi Mường khẩn, chư linh trì hộ,
Nên ông này chắc có bà kia.
Thành ra có một con bê,
Không ai nhòm đến, phò về cọp tha.
Thật nhiều sãi, chùa nhà ai đóng,
Kìa cha chung ai giọng khóc thương.
Ngán thay cho nỗi anh Mường,
Quá lời khẩn hết Thành-hoàng, Thổ-công.

18.

SƯ TỬ VÀ CON CHIM NON

Vua sư-tử vuốt nanh lẫm-liệt,
Các thú cầm len-lét sợ oai.
Gầm lên một tiếng lưng trời,
Quanh vùng cọp nép, nửa vời chim sa.
Một hôm bắt voi ngà ăn thịt,
Miếng giòn, toan nhá hết cả xương.
Ngờ đâu nhai nuốt vôi-vàng,

Chiếc xương mắc ngạnh nằm ngang dưới hầu.
Vua sư-tử lắc đầu há họng,
Chợt chim con bay bỗng xa khơi.
Răng : “Ơi hỡi ! hỡi chim ôi !”
Mi vào miệng chúa tìm tòi gỡ xương,
Hết lòng cấp cứu lương phương,
Được mời, sau chúa sẽ nhường cho luôn.”
Chim nghe nói bay lượn vào cổ,
Gậy mổ liền rút mổ xương ra.
Khen : “Sao thuốc học giỏi mà!
Ơn này chúa giả đến già dám quên.”

Vua sư-tử sau liền khỏi bệnh,
Các chim bay, thú mạnh tìm ăn.
Cao lương, mỹ vị vô ngần,
Chim con vội đến kể ân trước, đòi.
Sư-tử bảo : “Ta nòi sợi thịt,
“Từng ăn tanh, uống huyết đã quen.
“Như mày chút phận nhỏ-nhen,
“Lọt vào miệng, lại đề tuyền cho ra.
“Mày không biết ta tha là tốt,
“Nên nay còn sống sót mạng kia.
“Ơn ta chưa chút giả về,
“Lại còn nỏ mổ chi bề kể ơn?”
Chim nghe nói nguồn cơn năn-nỉ,
Sư-tử còn nhất vị không nghe.

Chim đành phải chịu một bề,
Phận mình bé mọn, dám hề gậy răng
Bèn chấp cánh về rừng nín lặng,
Chờ đến khi giờ vắng non cao.
Vua đang giờ giấc rừng đào,
Liền đưa mổ sắc mổ vào con người.
Sư-tử chết rầy-rời kêu rộ,
Hỏi : “Sao mày dám mổ mắt ta?”
Con chim đậu chót ngành hoa,
Răng : “Xưa ông hứa những là làm sao?
“Tôi sờ dĩ mổ vào con mắt,
“Không phải là oán vật thù riêng.
“Muốn ông kể cả thần thiêng,
“Nói lời vàng đá, giữ diềng chớ sai.
“Đòn đau, nhời phải nhớ nhời,
“Đừng như con bướm đậu rồi lại bay”

Thơ Ngụ Ngôn Nam Hương

Trong ba nhà thơ ngụ ngôn đồng thời này (Nguyễn-trọng-Thuật, Nguyễn-văn-Ngọc và Nam-Hương) phải công nhận thơ ngụ-ngôn Nam-Hương là toàn bích hơn cả. Ở lãnh vực này cũng như ở lãnh vực những bài hát trẻ em của ông, lời thơ luôn luôn gọn-gàng và trong sáng, ý thơ xây dựng, thật rất xứng đáng dùng làm sách giáo khoa.

Hai tập ngụ-ngôn Gương Thế Sự của Nam-Hương xuất bản vào những năm 1920-1921, còn sớm hơn những tập Đông-Tây Ngụ Ngôn của Nguyễn-văn-Ngọc và Thơ Ngụ-Ngôn của Nguyễn-trọng-Thuật.

Và soạn giả cũng không may mắn gì hơn với Gương Thế Sự, vì cũng không sao tìm thấy tác phẩm đó tại các thư viện lớn Sài Gòn. Những bài ngụ ngôn sau đây cũng chỉ là trích trong tập "Ngụ Ngôn Mới của Nam-Hương", Tứ-Dân Văn-Uyển, tháng 12, 1935. (Xin đọc Những Bài Hát Trẻ Em của Nam-Hương, quyển I, Cao Dao Nhi Đồng).

19.

PHƯỜNG CHÈO VÀ VỢ

Đêm thanh vắng, phường chèo nhủ vợ :

" Nay ở nhà, nghĩ nhớ những khi...

" Ngồi trên sân khấu uy nghi,

" Đóng vai thiên tử trị vì muôn dân;

" Cũng đủ cả quần thần thị vệ,

" Cũng tung hô vạn tuế thiên uy.

" Đường hoàng từ cái bước đi,

" Giống vua, thực chẳng khác gì mảy-may !

" Hồi tưởng lại đến nay còn thấy,

" Như tiếng mình lừng-lẫy gần xa."

Vợ nghe chồng nói, cười khà :

" Làm vua thực sự, hoặc là ăn thua.

" Chớ chàng đóng vai vua giống quá,

" Có khác gì đồ mã đốt đi.

" Giống mà không ích lợi chi,

" Chẳng thà đừng giống đờ khi người nhảm".

20.

LƯỚI CÀY VÀ LƯỚI ĐAO GẮM

Một thằng đại bợm xưa nay,

Đêm đêm vác cái lưới cày đi ra.

Thôi thì lấy của đốt nhà,

Một tay giết hại người ta đã nhiều.

Lưỡi cày đã chẳng tự kiêu,
Lại còn thô-lộ mấy điều tâm can.
“Trời sinh lòng tốt nết ngoan,
“Chẳng may gặp phải đũa gian làm thầy.
“Thật là phí một đời hay,
“Tủi thân càng nghĩ đêm ngày càng căm!”
Một người được lưỡi dao găm
Đem về bới đất giồng dăm, giồng hành,
Giồng mùi, giồng ớt, giồng chanh;
Chẳng bao lâu nữa đã thành vườn rau.
Dao găm đắc ý gặt đầu,
Cảm tình ngẫu hứng mấy câu tả tình.
“Ngồi mà ngắm cái thân mình,
“Con nhà trộm cắp nay thành lương dân
“Làm ăn rất đổi chuyên cần,
“Chẳng qua chỉ tại may chân gặp thầy !”

21.

CÁ MỰC VÀ CÁ TRÍCH

Một con cá mực đang bơi
Gặp đàn tôm ruốc muốn soi một mình.
Lo rằng hàng xóm chung quanh,
Họ mà trông thấy, họ tranh mất mồi.
Lòng tham chẳng nghĩ xa-xôi,
Đùn ra một chất tanh hôi lạ-lùng;
Làm cho mặt nước biển trong,
Đen ngòm như mực, chẳng trông thấy gì.
Mấy con cá trích đang đi,
Dừng chân đứng lại, thăm-thì cùng nhau:
“Giận thay! Cái giống to đầu!
“Râu hùm hàm én ngờ đâu đê hèn
“Chỉ vì chút lợi nhỏ-nhen,
“Làm cho cả nước tối đen như mù!”

22.

GẠCH VÀ NGÓI

Gạch hỏi ngói : “đôi ta dù khác,
“Mà giống nòi chất phác như nhau;
“Cớ sao bất cứ đâu đâu,
“Các cô cũng ở trên đầu chúng tôi?
“Hay trần thế lắm người tây vị,
“Khiến đôi mình kẻ quý người khinh.”

Ngói rằng : “Anh chữa thấu tình,
“Hai ta mỗi đứa một hình trời cho.
“Anh lực lưỡng, việc to gánh vác,
“Xây bức tường nhà gác nguy-nga.
“Mong manh như thể đàn bà,
“Che mưa đỡ nắng ấy là phận tôi”.

23.

DIỀU VÀ GIÓ

Diều vàng tắm tấp trên không
Nhìn qua xuống đám bụi hồng mà khinh.
Thấy người ta ngợi khen mình,
Lại càng lên mãi như hình không ai.
Gió bèn đến cạnh rủ tai :
“Công ta khó nhọc nghĩ hoài uổng thay!
“Vì ta mi mới lên đây,
“Mà giương thẳng cánh, mà bay giữa trời.
“Thế gian đứng dưới cõi đời,
“Ai ai cũng chỉ một lời : “Diều lên.”
“Đến khi trời lặng gió yên,
“Diều vàng đâm ngã bổ nghiêng xuống đồng.”
Trăm nghìn con mắt cùng trông,
Thấy người thất thế đem lòng trách ta:
Rằng vì gió yếu sui ra...
Không nhưng diều vẫn trên xa tuyệt vời!
Nhân tâm nghĩ cũng nực cười :
Công không kể đến, tội thời trưng ngay.

24.

LỆNH CHÚA ÔN

Mùa xuân tạnh ráo,
Nắng hạ nấu nung,
Ở dưới âm cung,
Chúa ôn nổi trống :
Truyền quan Đô-thống
Là lão Tử-thần
Dẫn đại tướng quân
Là thần Dịch-tả,
Điểm ba quân mã,
Lên phá cõi đời.

Nước uống chữa sôi,
Tiên phong đi trước !
Đánh nhau hay được,
Ruồi muỗi các người
Tràn khắp mọi nơi,
Tìm người truyền bệnh !
Quả xanh cũng mạnh,
Rau sống cũng tài
Trọng dụng cả hai,
Cho đi ủng hộ!
Sự Vô điều độ,
Có chí xa gần,
Giữ ở trung quân,
Cho làm mưu sĩ.
Sự Tin ma quỷ,
Tổn phí tiền nông,
Ấy cũng có công,
Cho đi tập hậu.
Đồ ăn chưa nấu,
Hoặc nấu dở dang,
Coi việc tải lương,
Tiếp ba quân sĩ,
Lệnh quân có thể,
Ai dám không tuân,
Bất cứ sơ thân,
Đem mà chính pháp !

25.

ĐÀM VÀ SÔNG

Một hôm đàm hỏi sông:
"Sao anh cứ chạy dòng?
"Anh chẳng xem tôi đó,
"Ở yên có được không?"
Sông nghe bèn đáp lại :
"Nhờ anh nói cũng phải;
"Nhưng tôi lại nghĩ rằng
"Ở dưng thường có hại.
"Như anh quen ở không,
"Mặt nước tuy có trong,
"Nhưng vì không chuyển vận
"Chất bẩn đọng trong lòng.
"Như tôi ưa sinh hoạt,
"Bèo nước trôi tan nát,

"Nhưng mà ruột sạch tinh,
"Là vì chảy lưu loét.
"Nước tôi bởi tự nguồn,
"Mặt trời chiếu thấu luôn,
"Da đỏ và người khỏe,
"Vui-vẻ chớ không buồn."

26.

VỢ CHỒNG CỐC

Cóc nghe dở dạ,
Nhảy tồm xuống ngòi,
Sinh đẻ xong-xuôi,
Lại lên ở cạn.
Đến kỳ, đến hạn,
Buồng trứng nở ra,
Đông-đục một nhà:
Thuần dân nòng nọc;
Trông không ra cóc,
Lại tựa cá trê;
Đến lúc bố về,
Nhìn con ngờ-ngợ,
Đem lòng nghi vợ,
Chạy thẳng lên quan,
Kiện gái lẳng loàn,
Quyết xin ly-dị.
Huyện quan chăm-chỉ,
Võng đến tận nơi,
Xem xét một hồi,
Trở về phân xử:
"Gái kia ở cũ,
"Đẻ rặt con người,
"Sự rõ mười-mươi.
"Hết đường chống cãi.
"Anh chồng lý phải
"Cho phép ly hôn;
"Cứ việc ôn-tồn,
"Kiếm người nối dõi."
Chị chàng nghe nói,
Chẳng chút kêu ca,
Lủi-thủi về nhà,
Chăn đàn trẻ dại.
Ngày qua tháng lại,
Vật đổi sao dời,

Nòng-nọc đứt đuôi,
Nhảy lên mặt đất;
Rõ-ràng cóc thật,
Chẳng phải trê nào !
Cả xóm xôn-xao
Đồn đi khắp huyện.
Cóc cha nghe chuyện,
Tìm đến thử coi;
Nhận rõ con rồi
Lại xin lỗi vợ :
"Trăm nghìn lạy vợ,
"Thương kẻ ngu hèn,
"Vì trót quá ghen,
"Ở không trọn nghĩa."
Lời nghe thắm thía,
Mụ cóc động tình,
Dùng hết bình sinh,
Mở mồm diễn thuyết :
"Xưa em vẫn biết,
"Quan xử bất công,
"Nên ở trong lòng,
"Tịnh không gần-ngại;
"Đợi sau phải trái,
"Đã có trời xanh,
"Soi-xét tấm thành,
"Công minh phân xử.
"Đó chàng coi thử
"Luật của người ta,
"Thấp kém bao xa
"Luật ông Tào-hóa."

27.

NGƯỜI SĂN PHƯỢNG HOÀNG

Ngày xưa có bác đi săn,
Leo lên núi đá, định "ăn" phượng hoàng;
Đi vừa đến chỗ rừng hoang,
Tiếng chim sỏ ước kêu vang bên mình.
Anh ta nhìn khắp chung quanh,
Thấy con vật quý đẽ nhành cây thông.
Đã toan lấy thế giương cung,
Thấy chim đang ngủ giấc nồng lại thôi.
Chim kia vội nói ra lời :
"Hỡi người tráng sĩ nghe tôi bảo này!

"Xét trong tất cả đời nay,
"Khó lòng gặp được một tay như chàng.
"Thật là can đảm giỏi-gian,
"Mới không thềm bắn phượng hoàng ngủ quên.
"Chẳng qua cùng bạn người tiên,
"Hai ta túc trái tiền duyên tự trời.
"Nhưng chàng còn phải đi chơi,
"Đi cho khắp cả mọi nơi hoàn cầu.
"Mười lăm năm nữa về sau,
"Hai ta sẽ lại gặp nhau chốn này.
"Trong khi dạo bước đó đây,
"Chắc gì chàng biết dở hay tỏ tường.
"Này là chiếc lá cành dương,
"Chàng nên giữ lấy đi đường mà coi.
"Ấy là cái kính soi đời,
"Trông qua sẽ biết ai người thực hư."
Chàng kia được phép cáo từ,
Lui về dưới núi, ngao du năm hồ...
Một đêm chàng gặp hai cô,
Mỗi cô một lối điếm tô khác người.
Chàng liền lấy lá ra soi,
Thấy hai con quái hại đời người ta:
Một con là quỷ dạ-xoa,
Còn con nho-nhỏ là ma-cà-rồng ...
Hôm sau, chàng gặp một ông,
Bụng bằng cái trống, rêu không nổi mình;
Hoá ra con một hiện hình,
Bấy lâu vẫn gậm cột đình của dân.
Chàng ta vào quán nghỉ chân,
Nhác trông một gã áo quần bảnh-bao,
Vẫn đi sui dục đồng bào,
Theo nhau kiện tụng cho hao tiền tài .
Chàng bèn lấy kính xem ai,
Thấy con hồ lớn mồm dài đẩy gang.
Chàng đang nghĩ-ngợi mơ màng,
Sau lưng bỗng thấy một chàng tuổi xanh,
Mặt to, mày rậm, mắt nhanh,
Nhìn ra thì chính là anh dê già.
Chàng đi một quãng đường xa,
Gặp người khoe sách có và bốn kho
Nhìn qua chiếc lá tiên cho,
Thấy con người ấy là bò trắng răng.
Giận đời chẳng xiết nói năng,
Bên mình lại thấy lão tăng qua đường.

Tiêu đồng quấy níp kim-cương,
Nhìn ra cho kỹ là phường hổ mang.
Chàng đi bước một lang-thang,
Không dè đến xóm bình khang bao giờ.
Gặp hai bà lão còn “tơ”,
Tìm chồng chẳng thấy đang ngư-ngẩn sầu.
Lá dương soi mãi hồi lâu:
Một đôi sư tử đua nhau thét gào.
Chàng qua một chỗ xôn-xao,
Thấy người diễn thuyết đứng cao lưng trời,
Bao hoa những chuyện “trời ơi”
Lá dương nhìn thấy là nòi khướu đen.
Bên mình lại thấy người chen,
Đám đông chật ních cũng len chân vào,
Để cho rơi mất hầu bao,
Nhìn ra thì thấy lông mao khắp mình.
Ấy là một chú cừu xinh,
Vi ngu-ngốc quá, người khinh kẻ cười.
Lân-la lại gặp một người,
Cho vay nặng lãi đến mười lăm phân.
Soi qua mảnh kính của thần,
Người kia bỗng thấy hiện thân đĩa sù.
Sau cùng thấy một thằng cu,
Nằm trong lòng mẹ nghe ru “hời hời” !
Ra đời mới biết bú thôi,
Soi gương còn thấy là người thế gian.
Chàng ta ngắm-nghĩ bàng-hoàng,
Chạnh lòng sức nhớ phượng hoàng trên non.
Toan lên tính cuộc vuông tròn,
Giật mình thành giấc mộng con ở đời.
Chàng ta tỉnh dậy mỉm cười,
Ngẫm lời tiên dạy, biết lời chẳng ngoa;
Rằng trong mỗi một người ta,
Có con vật vẫn hiện ra hàng ngày.

28.

NGỰA VÀ KIẾN

Ngựa ô bước một trên đàng,
Chốc lưng quấy một gói hàng khá to,
Vừa đi vừa thở phì-phò,
Liếc trông đàn kiến đang bò dưới chân.
Hỏi rằng : “Bớ lũ tiểu nhân !

“Chúng bay đàn-đúm nhau khuân vác gì?
“Mà như chẳng vất-vả chi,
“Hay là thần thánh phù trì chúng bay?”
Kiến rằng : “Nói để người hay,
“Chúng tôi tha đám trứng này như chơi;
“Là vì con của chúng tôi,
“Tuy rằng nặng nhọc mà coi nhẹ nhàng.
“Còn như người ngựa tải hàng,
“Hàng thiên hạ tải nên càng nặng thêm.
“Việc mình coi nhẹ như tên,
“Việc người như núi Tản-viên đè mình.”

29.

TRE VÀ TRÚC

Nhân một bữa tre than cùng trúc:
“Cơ màu này có lúc hết tre:
“Người ta chẳng biết kiêng dè,
“Làm nhà, làm cửa, đóng bè, cũng tôi.
“Nào đan rổ, đan thoi, đan sọt,
“Nào làm sào, làm cót, làm thang,
“Lại còn đan thúng, đan sàng ...
“Đã dẫn nhiều đến nổi tan-hoang cả vườn”
Trúc nghe nói cảm thương gạt lệ,
Nhủ tre rằng : “Nghĩ thế mà chi!
“Cuộc đời thay đổi luân ly,
“Tre già măng mọc, lo gì mai sau!”

30.

HỒNG VÀ BÀNG

Trong vườn, về phía góc tây,
Có cây bàng lớn với cây bích-hồng.
Hồng thì xinh-xắn dễ trông,
Bàng thì che mát một vùng chung quanh.
Hồng rằng : “Nhác thấy quan anh,
“Túi thân non nớt lá cành nhỏ-nhen.”
Bàng rằng : “Em dẫu đơn hèn,
“Bông hoa hồng thắm một phen ra đời,
“Hương bay ngào ngạt mọi nơi,
“Vườn này thêm vẻ tốt tươi cũng vì...”
Người đời lấy đấy mà suy,
Bé thì việc nhỏ, lớn thì việc to.

31.

MÁY BAY VÀ ĐÀN NHẠC

*Phi cơ cưỡi gió đèo mây,
Nhạc trông đàn nhạc đua bay nức cười :
“Chúng bay phỏng được mấy hơi,
“Cũng bay cũng lượn để đời cười cho !”
Nhạc rằng : “Anh cậy anh to,
“Tự anh làm được nên trò gì không?
“Chẳng qua nhờ sức phi công,
“Thả ra, xuống bể xuống sông đi đời.
“Ta tuy hèn mọn thế thôi,
“Đã từng đi khắp mọi nơi xa gần.
“Tự mình thân lập lấy thân,
“Làm ăn bay nhảy rộng chân hơn người.”
Mấy dòng nhắn nhủ, ai ơi !
Bước đường đã phải cậy người dắt đi,
Xin đừng lên mặt nữa chi!*

32.

LỬA VÀ GIÓ

*Lửa vừa mới bén lên,
Gió đâu đến đứng bên,
Phồng mồm toan thổi tắt,
Lửa bèn giở khoé vặt
“Tôi non-nớt nhường này,
“Nỡ nào bác quá tay!
“Xin hãy đi nơi khác,
“Lát nữa, tôi tiếp bác.”
Gió nghe hót gặt đầu,
Đứng lặng một hồi lâu.
Được dịp lửa hăng hái,
Từ phen leo lên mái.
Thấy mình đã “khoẻ quân”
Lửa thách gió lại gần.
Gió ùng ùng nổi giận,
Lấy gân mồm thổi rấn,
Nhưng càng thổi bao nhiêu,
Lửa càng bốc như diều...
Cửa nhà quanh vùng ấy,
Đều ra gio cả dãy.
Cái hại mới như đầu,*

Muốn trừ có khó đâu !
Nhưng nếu coi là bõn,
Để hại ngày một lớn,
Muốn trừ chỉ thêm lo,
Như cháy gặp gió to.

33.

THỊT VÀ XƯƠNG

Bộ xương nheo bắp thịt:

“Nếu chẳng có ta đây,
“Thì anh rơi rụng xuống,
“Như một đồng bùn lầy.
“Còn đâu là mặt mũi!
“Còn đâu là chân tay!
“Còn đâu là vẻ đẹp!
“Còn đâu là nét hay!

Bắp thịt ung dung đáp:

“Nếu anh chẳng đỡ-đần,
“Tôi đành thân vô dụng;
“Đâu có mặt cõi trần!
“Nhưng nếu tôi đây chẳng
“Gom-góp một đôi phần;
“Thì trơ xương với xấu,
“Anh cũng bất thành nhân”

34.

MÈO CÁI GIÀ ĐEO CHUỖI TRÀNG HẠT

Chuột con đứng thập thò cửa tổ.

Gọi mẹ ra xem mụ vãi mè.

Vừa mừng vừa gọi vừa reo :

“Mẹ ơi! Bà cụ Mãn đeo chuỗi tràng.

Miếng lấm-bấm cụ đang niệm Phật.

Bước khoan thai rõ thật hiền lành.

Từ rầy cụ đã tu hành.

Từ bi cụ chẳng sát sinh nữa rồi.

Góm chuỗi hạt quý ơi là quý.

Bằng minh châu hay mỹ ngọc gì?

Con ra “Bạch cụ” ngoài kia.

Con xem chuỗi hạt rồi đi kiếm mồi.

Chuột mẹ vội rằng : “Thôi con chớ

Chớ vội tin mà lỡ đày con”

*Chuột con tính trẻ bần chồn,
Không nghe lời mẹ chạy bon khắp nhà.
Mèo hấp tấp chồm ra vồ hụt,
Phúc bầy đời chú chuột tí hon.
Nguyên vì mèo nọ chui luồn,
Chui phải chuối hạ quàng luôn vào đầu.
Chớ mèo có tu đâu chẳng tá,
Mà chuột con vội-vã tin ngay.
Các em nhỏ nhớ lời này:
“Tin đạo đức giả có ngày khốn thân.”*

35.

CON MỐI VÀ CON KIẾN

*Con Mối trong nhà trông ra,
Thấy một đàn kiến đương tha cái mồi.
Mối gọi bảo : “Kiến ơi các chú,
Tội tình gì lao khổ lắm thay!
Làm ăn tìm kiếm suốt ngày,
Mà sao thân thể vẫn gầy thế kia.
Chúng ta đây chẳng hề khó nhọc,
Mà ồ ề béo trực, béo tròn.
Ở ăn ghế chéo bàn tròn
Nhà cao cửa rộng, tủ hòm thiếu đâu”.
Kiến rằng : “Trên địa cầu muôn loại;
Hễ có làm thời mới có ăn
Sinh tồn là cuộc khó khăn
Vì đàn vì tổ nên thân gầy gò
Các anh chẳng vun thu xứ sở,
Cứ đục vào chỗ ở mà xơi,
Đục cho rỗng hết mọi nơi,
Nhà kia đổ xuống đi đời các anh.”*

Cách-ngôn tục-ngữ ngụ-ngôn-hóa

Ngoài ra chúng ta còn thường được đọc trên các báo đây đó những bài ngụ-ngôn quảng diễn rất khéo léo những câu cách-ngôn tục-ngữ cửa miệng như “gần mực thì đen”; “ếch ngồi đáy giếng”; “lấy thúng úp voi”; hay :
“Chim chích mà gheo bồ nông,
Đến khi nó mổ lạy ông tôi chừa.”

Ba bài đầu của tác giả Nguyễn-tài-Năng, trích trong tuần san thiếu nhi Tuổi xanh (1961); bài “chim chích với bồ nông” khuyết danh.

36.

CON KẾT

*Kết thường học nói cả ngày
Gần người thô tục kết hay chửi thề
Được người đạo đức đem về,
Kết luôn vâng dạ mọi bề đáng khen.
Rõ là gần mực thì đen
Gần người bạn tốt ta bèn tốt theo.*

37.

CON ẾCH

*Giếng hang quanh-quẩn ngu dần
Ếch chưa biết được xa gần mấy nơi
Không cùng tiến bộ với đời
Ếch ngồi đáy giếng thấy trời bằng vung
Hay đâu đất rộng vô cùng,
Mênh-mông biển học vầy vùng mới nên*

38.

LẤY THÚNG ÚP VOI

*Trùm voi bằng thúng được đâu
Voi to thúng nhỏ hớ đầu lòi đuôi
Chớ hòng lấy thúng úp voi,
Xấu mà che đậy cũng lòi xấu ra.
Chi bằng em cứ thật-thà
Lỗi thì nhận lỗi rồi ta sửa mình.*

39.

CHIM CHÍCH VỚI BỒ NÔNG

*Lũy tre có chú bồ nông,
Rủi khi rét lạnh nghỉ không kiếm mồi.
Chích đâu lại đậu gần nơi,
Thoạt tiên chích đã rụng-rời chân tay.
Sau thấy nông đứng ngậy như tượng
Chích hoàn hồn bay lượn đến gần.
Dần-dà ra ý làm thân,
Mổ đuôi, kéo cánh, rửa chân, cưỡi đầu.*

*Nông thấy vậy giận dàu đem lại,
Mổ chích ta một cái đáng đời.
Chích đành lẫn khóc vang trời :
“Lạy ông tha thứ nay tôi xin chừa!”*

III.

NGỤ NGÔN ẤN ĐỘ

Trích trong Ngũ Thư (Panchatantra) và trong Ngụ-ngôn của Pidpai

40.

CON DÊ CỦA NGƯỜI BÀ-LA-MÔN

*Ba tên vô lại tinh khôn,
Khéo lừa mà được dê ngon ăn liền.*

Một người Bà-la-môn, tên Thân-Hữu, sống ở một tỉnh nọ đảm trách việc giữ ngọn lửa thiêng. Một hôm vào tiết tháng hai, gió thổi nhẹ, bầu trời vẩn-vụ mây và mưa rơi rả-rích, Thân-hữu tới một làng xin một con vật tế thần. Ông ta nói với một người : “Tôi muốn dâng lễ vào dịp thượng tuần này, xin ông cho tôi vật tế thần.” Ông được người đó tặng một con dê béo đúng như Thánh-kinh chỉ định. Thân-Hữu vắt dê về nhà nhưng dọc đường gặp phải ba tên vô lại. Chúng nhìn con dê mập trên vai Thân-Hữu, rồi thì-thăm với nhau : “Trời ơi, vào ngày mưa gió dầm-dề như hôm nay mà được con dê kia làm thịt ăn với nhau thì ấm lòng biết mấy. Anh em ta hãy mau tính kế đoạt con dê đó đi thôi.” Thế là một tên thay áo tiến ra gặp người Bà-la-môn : “Ồ, hỡi người Bà-la-môn, sao ông lại làm một chuyện làm-lẫn tức cười như thế nhỉ? Ông vắt con chó đơ-bẩn đó lên vai làm gì? Chẳng hay ông không nhớ tục ngữ có câu này ư:

*Chó sửa gâu gâu, gà gáy sáng,
Lạc đà, đao phủ, với lừa kia,
Chúng làm ô uế thân hình bạn,
Bỏ đi, gần gũi chúng làm chi!”*

Người Bà-la-môn nén giận nói : “Này, anh mù sao, nhìn dê mà ra chó vậy?” Tên vô lại nói : “Ông khỏi phải nổi giận như thế, xin cứ đi đi!”

*Người Bà-la-môn đi được một quãng nữa, tên vô lại thứ hai đón đường nói : “Trời, dù cho con bê chết kia có quý mấy đi ông cũng chẳng nên vắt lên vai như thế mới phải, bởi tục ngữ đã nói:
Người ngu cùng vật chết quay,
Ai mà mó phải rủi ngay tới mình.*

Người Bà-la-môn lại nổi sảng : “Nhà ngươi mù à, sao lại gọi con dê là con bê vậy ?” Tên vô lại bèn mát-mẻ đáp lại : “Xin ngài đừng giận vì tôi không biết nên nói vậy.”

*Nhưng khi người đó đi sâu vào rừng được một quãng thì tên vô lại thứ ba đón đường nói :
“Thưa ngài Bà-la-môn, ngài làm một việc không phải, sao ngài lại vắt con lừa trên vai vậy? Ngài không nhớ câu tục ngữ này ư:*

*Ai mà mó phải con lừa,
Vô tình, hữu ý, cũng thừa xấu xa.
Khi về tắm giặt phải lo,
Cọ-kỳ cho sạch vết như lổ-i-làm.
Vậy xin ngài hãy vứt ngay con vật ấy đi, đừng để ai nhìn thấy ngài vác nó nữa.”*

*Tới đây người Bà-la-môn nghĩ rằng quả thực mình đương vác con yêu tinh bốn chân, vội vứt xuống đất và hối-hả về nhà. Ba tên vô lại họp nhau lại làm thịt con dê ăn uống với nhau hỉ-hả.
Rõ thật là :
Ba tên vô lại tinh khôn,
Khéo lừa mà được dê ngon ăn liền.*

CHÚ THÍCH : Xin đọc thêm truyện sau này trích trong “Cổ Học Tinh Hoa” của Nguyễn văn Ngọc và Trần Lê Nhân:

TĂNG-SÂM GIẾT NGƯỜI

Ông Tăng-Sâm ở đất Phi, ở đấy có kẻ trùng danh với ông giết chết người.

Một người hút-hải chạy lại báo mẹ ông Tăng Sâm rằng : “Tăng Sâm giết người !” Bà mẹ nói : “Chẳng khi nào con ta giết người.” Rồi bà điềm nhiên dệt cửi.

Một lúc sau lại có người đến báo : : “Tăng Sâm giết người !”. Bà mẹ không nói gì, cứ điềm nhiên dệt cửi.

Một lúc nữa lại có người đến báo : “Tăng Sâm giết người !”. Bà mẹ sợ cuống, quăng thoi, trèo qua tường chạy trốn.

41.

BÁC NHÀ NGHÈO VÀ CHAI DẦU

Ngày xưa có một bác nhà nghèo sống kế bên một thương gia giàu-có chuyên bán dầu và mật ong. Thương gia là người láng giềng tốt, một hôm ông cho bác nhà nghèo một chai dầu; bác ta mừng lắm, đem cất lên trên kệ cao. Tới buổi chiều kia, nhìn chai dầu, bác ta nói to lên : “Ta biết chai dầu này mà! Nếu ta mang bán nó đi, ta sẽ mua được năm con cừu. Hàng năm cừu mẹ đẻ thêm cừu con, chả bao lâu ta sẽ làm chủ một đàn cừu. Ta bèn bán một số cừu đi lấy tiền cưới một cô vợ. Cưới vợ rồi tất nhiên ta sẽ có con trai. Chà, thằng bé mới kháu khỉnh làm sao! Cao lớn, khỏe mạnh và biết vâng lời! Nhưng nếu cu cậu quen được nuông chiều mờ lại giở chứng trái lời ta, ta sẽ trừng phạt nó như thế này này!” Bác ta giơ cao chiếc gậy sẵn cầm trên tay đập mạnh xuống đất, chiếc gậy đụng phải chai dầu, dầu đổ xuống từ đầu đến chân bác ta.

42.

CON QUẠ VÀ CON CHIM ĐA ĐA

Con quạ bay qua đường, nhìn thấy con chim đa đa đi nghênh ngang. “Con chim đa đa này có dáng đi đẹp làm sao! Ta thử đi xem có được như vậy không.” Quạ nói vậy rồi đậu xuống sau con chim đa đa và cố gắng học dáng đi của chim đa đa một hồi lâu. Thấy vậy chim đa đa quay lại hỏi quạ làm gì thế. Quạ trả lời : “Chị đừng cười tôi nhé, tôi chưa thấy loài chim nào có dáng đi đẹp như chị, tôi đang cố học đi như chị đây.” Chim đa đa nói : “Chị thật điên rồ, chị là quạ thì phải đi như quạ. Là quạ mà lại đi như đa đa thì thật chẳng còn gì ngu xuẩn cho bằng.” Nhưng quạ không nghe lời, cứ học đi mãi cho đến khi nó quên hẳn dáng đi của loài quạ mà cũng không đi được như đa đa.

Mình thế nào cứ giữ nguyên như vậy là đẹp nhất!

CHÚ THÍCH : xin đọc thêm câu chuyện này nữa:

THÓI QUEN TAI HẠI

Một ông nọ rất thích nuôi cá. Có lần đi nghỉ mát ở Nha-trang, ông tới xóm chài xem đánh cá và thấy có một con cá biển ngũ sắc rất đẹp, bèn mua con cá với giá năm trăm đồng, mang về nuôi trong một bình nước biển.

Vốn là một người chuyên nuôi súc vật và dạy súc vật quen với đời sống của người, ông quyết tâm nuôi dạy con cá biển ngũ sắc của ông rất công phu.

Tuần lễ đầu ông nuôi cá trong trong bình chứa toàn nước biển, tuần lễ thứ hai ông pha thêm một phần mười nước ngọt, tuần thứ ba tăng số lượng nước ngọt lên hai phần mười. Cứ thế vài tháng sau con cá đã hoàn toàn quen nước ngọt và các thức ăn nước ngọt. Con cá lớn dần.

Giai đoạn hai của ông quan trọng hơn. Ông trộn một phần bùn vào với nước, sau đó cứ mỗi tuần số lượng bùn lại tăng nhiều hơn, đến nỗi con cá chỉ còn bơi trong một bình đựng bùn sền sệt. Tới tháng thứ mười, bùn được thay hẳn bằng đất và con cá nằm trên bình đất đớp mồi như một con chuột nhỏ.

Ông chủ cá chưa hài lòng. Ông xỏ giày mang cá tập cho cá đi trên đất. Mấy tuần sau hẳn ông đi đâu, dắt cá đi theo. Rồi khi cá quen, ông cắt dây, con cá lách-tách chạy theo sau như một con chó trung thành với chủ. Tới một bữa kia ông dắt cá đi xem đá banh. Khi trở về trời mưa to. Ông chạy vội-vã trên đường. Con cá ráng chạy lạch-đạch lạch-đạch phía sau Khi tìm được một mái hiên trú mưa, ông sực nhớ đến cá thì không thấy đâu nữa. Ông hốt-hoảng lội lại quãng đường vừa đi để tìm con cá thân yêu.

Khi tới một ổ gà giữa đường mà nước mưa tràn-trề, ông trông thấy con cá và khóc nức lên : con cá của ông đã chết trong vũng nước !

Nó đã chết đuối vì không biết bơi !

(Đặng Trần Huân, Chuyện Cấm Đàn Bà, Sáng tạo, 1969)

CON HỔ, NGƯỜI BÀ-LA-MÔN VÀ CON CHÓ RỪNG.

Ngày xưa có một con hổ bị sa bẫy. Nó gầm thét lăn-lộn một cách tuyệt vọng vì không sao thoát được.

May sao một người Bà-la-môn qua đấy. Con hổ kêu lên : “Hỡi ông bạn sùng đạo, xin ông cứu tôi ra khỏi chuồng bẫy này !”.

Người Bà-la-môn dịu dàng đáp : “Không được đâu ông bạn ơi, thả ông bạn ra khỏi bẫy, ông ăn thịt tôi thì sao ?”

Con hổ thề-thốt : “Không đời nào đâu ! Trái lại tôi sẽ hết lòng biết ơn và hầu hạ ông như một tên nô lệ !”

Thế rồi hổ nức-nở khóc. Người Bà-la-môn siêu lòng, mở cửa bẫy cho con hổ. Ra khỏi bẫy hổ nói liền : “Ông này mới thật diên rồ! Bây giờ ai cấm được tôi ăn thịt ông? Bị giam trong bẫy quá lâu, tôi đói quá rồi !”

Người Bà-la-môn cố xin hổ tha mạng sống nhưng hổ chỉ hứa sẽ theo quyết định của ba vật đầu tiên mà ông hỏi ý kiến về hành động của hổ.

Người Bà-la-môn hỏi cây tùng trước tiên, nhưng cây tùng lạnh-lùng trả lời : “Ông còn phàn nàn cái gì nữa? Ông không thấy tôi cho khách bộ hành nào bóng mát, nào nơi trú ẩn, vậy mà họ vẫn bẻ cành tôi xuống cho súc vật họ ăn đấy thôi. Thôi đừng than thở nữa. Hãy cho xứng với con người !”

Người Bà-la-môn đành buồn rầu đi một quãng xa về phía cánh đồng hỏi một con trâu đang quay guồng kéo nước giếng, ông cũng chỉ nhận được câu trả lời : “Họa có diên rồ thì mới tin là có sự biết ơn trên đời này! Hãy nhìn tôi đây ! Khi tôi còn sữa, họ cho tôi ăn hạt bông và bánh dầu; nhưng bây giờ đây sữa tôi cạn rồi, họ đeo ách lên cổ tôi như thế này, và cho tôi ăn rơm khô!” .

Người Bà-la-môn lòng càng tê-tái mới hỏi con đường cho biết ý kiến. Con đường đáp : “Ông còn trông mong gì nữa ông ơi! Ông coi tôi đây này, tôi giúp ích cho người, giàu cũng như nghèo, lớn cũng như bé, vậy mà đã dày xéo lên tôi như vậy họ còn ném tàn thuốc và trấu lên tôi nữa!”

Hết hy vọng người Bà-la-môn đành quay về chịu chết thì gặp con chó rừng. Con chó mới hỏi: “Ông có chuyện gì mà trông khổ sở như cá ra khỏi nước vậy?” Ông ta kể hết khúc nhôi cho chó rừng nghe. Nghe xong chó nói : “Thật rắc-rối, ông làm ơn kể lại cho tôi nghe đi, tôi lăn-lộn hết rồi !”. Người Bà-la-môn bèn kể lại, nhưng con chó rừng lắc đầu rồi trí chưa hiểu nổi : “Kỳ lạ quá, câu chuyện vào tai nọ lại ra tai kia, thôi để tôi tới tận nơi xem sao, họa chăng mới có thể phán xét được!”.

Cả hai trở lại chỗ cũ, thấy hổ đang mài nanh giữa vuốt chờ người Bà-la-môn. Con hổ gầm lên :
“Sao ông đi lâu thế? Thôi bây giờ chúng ta vào bữa!”.

Người Bà-la-môn bụng nghĩ mà chân tay run lập-cập : “Chúng ta vào bữa! Lời nói mới khéo làm sao!” Rồi người đó bảo hổ : “Xin ông chờ một chút để tôi bày tỏ sự thể cho chó rừng này nghe đã, vì chó hơi chậm hiểu.”

Hổ bằng lòng, người Bà-la-môn bắt đầu thuật lại câu chuyện và cố kéo dài thời gian. Con chó vọt chân lên cổ, vện mình vện mấy kêu lên : “Trời ơi, sao óc tôi tối thế ! Để tôi nghĩ lại xem ! Thoạt đầu như thế nào nhỉ? Ông ông ...ở trong bẫy, rồi ông hổ đi qua...?” Nghe thế hổ bèn ngắt lời ngay : “Đồ điên, tôi ở trong bẫy chứ.” Chó rừng vội kêu lên, làm bộ run sợ. “A ra thế! Phải tôi ở trong bẫy ... à không tôi đâu có ... trời ơi! Sao tôi dốt thế này ! Để tôi xem lại nào ... Ông hổ ở trong ông Bà-la-môn, rồi cái bẫy đi ngang qua, không, cũng không phải thế nữa! Thôi xin ngài đừng bữa đi vậy, đừng thềm lưu tâm đến tôi nữa, vì chắc chẳng bao giờ tôi hiểu nổi câu chuyện!”

Con hổ nổi điên vì con chó quá ngu, mới bảo :

“Mi sẽ hiểu ! Ta sẽ làm mi phải hiểu! Coi đây này, ta là con hổ ...”

“Dạ thưa ngài vâng!”

“Và kia là người Bà-la-môn...”

“Dạ thưa ngài phải !”

“Và kia là cái bẫy ...”

“Dạ thưa ngài đúng vậy !”

“Ta ở trong bẫy, hiểu chưa?”

“Dạ hiểu ... dạ chưa .. thưa ngài ...”

Hổ gầm lên vì sốt ruột :

“Cái gì?”

“Thưa ngài, ngài vào bẫy như thế nào ạ?”

“Sao? Bằng lối thường chứ còn gì nữa !”

“Trời ơi ! Đầu óc tôi lại quay cuồng rồi, xin ngài đừng nóng giận, lối thường là lối nào ạ?”

Tới đây hổ mất hết cả kiên nhẫn, nhả phóc vào bẫy rồi hét lên : “Lối này này ! Bây giờ mi đã hiểu chưa?”

Chó rừng cười gằn khéo léo đóng sập cửa bẫy lại rồi nói : “Thật là toàn hảo ! Xin phép ngài cho tôi được nói vậy. Và bây giờ thưa ngài, thiết nghĩ câu chuyện đâu lại vào đó như cũ!”

“Mạnh dùng sức, yếu dùng mưu” là vậy.

DỤ NGÔN JAKATA

44.

THẦN CÂY

Tục truyền đức Phật có lần đã tái sinh làm thần cây. Hồi đó có vị vua trị vì ở bên Benares mới tự nhủ rằng : “Trên toàn cõi Ấn-độ này, vua chúa nào cũng sống trong những tòa lâu đài có nhiều cột. Ta sẽ xây một tòa lâu đài chỉ dựng trên một cột thôi, và như vậy ta sẽ là ông vua uy nghi nhất thiên hạ”.

Trong vườn nhà vua có một cây Sal cao thẳng, cành lá um-tùm, được khắp vùng thờ cúng kể cả hoàng gia. Vậy mà bất thần nhà vua ra lệnh hạ cây đó xuống.

Dân chúng hoảng hốt, nhưng dám thợ đốn cây không dám trái lệnh vua. Họ tới vườn dâng lên cây những cành hoa thơm, thắp lên ngọn đèn, rồi khẩn : “Hỡi cây, bảy ngày nữa chúng tôi phải đốn ngài xuống theo lệnh vua ban. Xin các vị thần ngự trên cây hãy dời đi nơi khác và đừng quở trách chúng tôi bởi chúng tôi cũng chỉ thừa hành lệnh vua mà thôi”.

Vị thần cây nghe thế mới nói : “Những người thợ này quyết-định đốn cây làm nhà, ta mất chỗ ở, đời ta cũng chỉ kéo dài tới ngày cây bị chặt thôi. Đám cây Sal mọc quanh, nơi các con ta ở, tất cũng bị hủy hoại. Ta bị hủy diệt không sao, chứ lũ con ta, ta phải bảo vệ chúng.”

Đêm tối, đi trong vùng hào quang rực-rỡ, vị thần cây vào phòng ngủ của vua, chiếu sáng ngời căn phòng, rồi đứng khóc bên gối nhà vua. Nhìn thấy thần cây, nhà vua trấn tĩnh rồi hỏi : “Người là ai đứng lơ-lửng trên không mà khóc-lóc vậy ?”

Thần cây trả lời : “Tôi ở trong lãnh vực của ngài, tên tôi là Cây Phúc. Tôi đã sống sáu mươi ngàn năm nay. Mọi người thờ phụng tôi. Người ta đã xây biết bao nhiêu nhà, biết bao nhiêu thành phố, vậy mà chưa ai đụng đến tôi. Xin ngài hãy tha mạng cho tôi.”

Nghe xong, nhà vua trả lời : “Ta chưa thấy một thân cây nào to lớn vững vàng như vậy. Ta sẽ cất một tòa lâu đài, nhà ngươi sẽ là cây trụ duy nhất và sẽ ngự ở đó mãi mãi.”

Thần cây mới đáp lại : “Ngài đã quyết định tước thân tôi ra khỏi hồn tôi. Vậy xin ngài hãy chặt tôi nhẹ từng cành, từng cành, sau hết hãy chặt đến gốc !”

Nhà vua nói : “Ồ, sao nhà ngươi lại xin ta làm vậy ? Như thế nhà ngươi sẽ đau đớn lắm. Nếu chỉ chặt một nhát dưới gốc, nhà ngươi sẽ ngã xuống ngay. Sao nhà ngươi không muốn chết như vậy mà lại muốn chết dần từng mảnh?”

Thần cây bèn trả lời : “Thưa ngài, các con tôi, đám cây nhỏ, mọc chi-chít quanh tôi và được tôi che-chở. Nếu thân tôi đổ sập mạnh xuống, thì các con tôi cũng sẽ chết hết !”

Nhà vua lấy làm xúc động vì lòng hy sinh này, bèn phán : “Hỡi thần cây cao cả kia, ngươi không phải lo sợ gì nữa. Ngươi bằng lòng chết đau-đớn để cứu sống lũ con. Thôi, ta không ngươi nữa. Hãy trở về nhà đi !”

45.

CON NAI BANYAN

Xưa kia đức Bồ-đề một lần ra đời làm kiếp nai. Nai có bộ lông vàng óng, đôi mắt tròn long-lanh như hai hạt kim cương, cặp sừng trắng như bạc, miệng đỏ như cụm hoa Kamala, móng sáng và bóng như sơn mài, cái đuôi nhỏ, xinh như đuôi bò xứ Tây-Tạng, và mình thì như mình con ngựa câu.

Nai sống trong rừng với một đàn năm trăm con khác và được phong làm vua của loài nai Banyan. Gần đó có một con nai khác cũng có bộ lông vàng óng tên là nai Monkey và cũng sống với một đàn nai tương tự.

Vua xứ đó thích đi săn, ưa ăn thịt và hàng ngày truyền lệnh khắp dân tình cùng đi săn khiến họ chẳng làm ăn gì được. Mọi người mới nghĩ : “Ông vua này chẳng cho ai làm việc cả. Bây giờ có lẽ phải làm một công viên rào tứ phía, dồn nai vào đó cho ăn uống rồi dâng lên vua.”

Và họ đã thực hiện đúng như lời, họ rào quanh góc rừng hai đàn nai đang sống. Hay tin nhà vua tới xem, thấy hai con nai vàng óng, vua tha không bắn. Nhưng kể từ đó, vua thường tới công viên bắn những con nai khác đem về; đôi khi đầu bếp của vua tới bắn mang về. Hễ trông thấy người đầu bếp là lũ nai hết hoảng sợ, chạy tán loạn ra tứ phía và bị tên đầu bếp bắn bị thương. Vua nai Banyan thấy cảnh đó, mời nai Monkey tới, nói : “Này bạn, nai cứ chết dần. Tôi tính đằng nào thì chúng cũng chết, nhưng tôi không muốn chúng bị thương. Bây giờ chúng ta lần lượt cho chúng ra chỗ chết nộp mình. Một ngày nai của tôi, một ngày nai của bạn.”

Nai Monkey bằng lòng. Từ đó, lần lượt nai ra nằm chỗ xử tử, chờ chết, mỗi ngày một con.

Nhưng một hôm tới phiên một con nai trong đàn Monkey đang có thai. Nó mới tới vua nai Monkey xin : “Thưa ngài, tôi đang mang thai, xin ngài cho tôi được sống đến khi sanh rồi hai mẹ con tôi cùng xin chết.”

Vua nai Monkey trả lời : “Tôi không chấp thuận được. Ai tới phiên cũng phải đi. Thôi đi đi!”

Nghe vậy con nai cái đành sang cầu cứu vua nai Banyan. Vua nai Banyan nghe rồi nói : “Thôi được, về đi!” Rồi đi ra chỗ xử tử. Người đầu bếp trông thấy kêu lên : “Vua nai được đức vua tha mạng sống mà sao lại ra nằm đây?” Nói rồi chạy về báo tin cho nhà vua. Vua vội lên xe cùng đoàn tùy tùng đến công viên, nhìn vua nai Banyan mà rằng : “Hỡi bạn vua nai, ta đã tha mạng cho bạn mà, sao lại nằm đây?”

Vua nai thưa : “Tâu ngài, hôm nay tới lượt một con nai mang thai. Tôi chả tìm được ai thay thế, nên tự xin thế mạng tôi. Tâu ngài chuyện chỉ có vậy”.

Vua nói : “Hỡi bạn, tôi chưa từng thấy ai, ngay cả loài người, từ tâm như vậy. Tôi thật hài lòng vì bạn. Thôi hãy đứng dậy đi, tôi tha mạng cho bạn và cho con nai cái nữa!”

Vua nai hỏi : “Thưa ngài, chúng tôi được yên lành, nhưng còn đám nai còn lại thì sao?”

“Ta tha mạng cho tất cả”.

“Vậy là nai trong công viên này thoát nạn, nhưng còn ở nơi khác thì sao?”

“Chúng cũng sẽ không bị quấy rầy.”

“Hỏi đấng vua chí tôn, vậy là loài nai thoát nạn, nhưng thưa còn những loài bốn chân khác thì sao?”

“Chúng cũng không phải sợ hãi gì nữa.”

“Thưa ngài thế còn loài chim thì sao? “

“Ta cũng ban ơn cho chúng.”

“Ngài thật là đức vua chí đại chí tôn! Loài chim cũng được sống thanh bình thế còn loài cá sống dưới nước thì sao?”

“Chúng cũng được hưởng thanh bình tốt”.

Vua nai Banyan sau khi can thiệp cho muôn loài mới nói với vua người : “Ồ đấng vua chí tôn, xin ngài cứ đi vào con đường ngay thẳng như vậy. Hãy xử phân minh với những người cha, những người mẹ, với dân tỉnh, dân quê, và khi thể xác ngài tan rã, thế nào ngài cũng được nhập Niết-bàn.”

Con nai cái sanh được nai con đẹp như nụ hoa. Nai con chơi đùa trong đàn nai Monkey. Thấy vậy nai mẹ bảo con : “Thôi từ nay trở đi con có thể sang nhập bọn bên đàn nai Banyan!”

Sau đó đàn nai mới đi ăn mùa-màng của người trồng-trọt để sống. Không ai dám đánh đuổi vì nhờ ơn nai mà họ được sống yên ổn. Họ rủ nhau lên tâu vua. Vua phán : “Ta đã ban ơn cho vua nai Banyan, ta có thể từ bỏ cung điện chứ ta không quên lời hứa được ! Thôi các người đi đi! Ta cấm không ai được đụng chạm đến nai!”

Khi vua nai Banyan nghe biết chuyện, mới cho gọi tất cả nai lại, truyền : “Không ai được ăn hoa màu của người!” Rồi vua nai gửi tin tới người : “Các người không phải làm hàng rào, mà chỉ cần buộc lá cây quanh ruộng để làm dấu thôi.” Mọi người làm vậy, và không con nai nào bén mảng tới ruộng nữa.

Cứ như vậy đức Bồ-đề sống để dạy dỗ đàn nai cho đến ngày cùng đàn nai tịch diệt.

46.

CON THỎ RỪNG CHẠY TRỐN

Đức Phật Thích-ca tái sinh làm con sư tử. Kiếp trước đức Phật giúp người thì kiếp này đức Phật giúp thú vật. Có con thỏ rừng cả lo, cứ luôn luôn sợ rằng một chuyện ghê gớm nào đó sắp xảy ra cho nó và nó luôn miệng nói : “Giả sử trái đất sụp đổ, thì đời tôi sẽ ra sao?” Nói mãi rồi nó tưởng chuyện sắp xảy ra thật. Một hôm, nó đang nói : “Giả sử trái đất sụp ...” thì nó nghe thấy tiếng một tiếng động nhẹ, đó chỉ là tiếng một trái cây rụng thôi, nhưng con thỏ sợ quá, lạc cả giọng : “Đất sụp !” Rồi chạy thật nhanh! Được một quãng nó gặp một con thỏ rừng đàn anh ; thỏ anh hỏi : “Cô chạy đi đâu đấy?”

“Tôi không có thì giờ ngừng lại kể cho anh nghe, trái đất đang sụp, tôi chạy trốn đây.”

“Trái đất đang sụp thật ư?” Thỏ anh ngạc nhiên hỏi. Và nó lặp lại câu đó với thỏ khác; thỏ này cũng lặp lại câu đó với thỏ khác nữa ... cứ như vậy câu nói truyền đi cho tới khi cả trăm ngàn con thỏ cùng hét lên : “Trái đất đang sụp!” Thế rồi những con vật lớn cũng bắt đầu kêu lên. Thoạt đầu là con nai, rồi tới cừu, heo rừng, trâu, lạc đà, hổ, sau cùng tới voi.

Con sư-tử khôn ngoan nghe thấy vậy mới tự hỏi : “Làm gì có dấu hiệu nào ! Nếu trái đất sụp đổ thì phải có tiếng động chứ.” Sư tử mới bắt tất cả im lặng và hỏi : “Các người đang nói gì vậy?”

Voi trả lời : “Tôi thấy trái đất đang sụp.”

“Sao mi biết?”

“Anh hổ bảo tôi.”

Hổ nói : “Anh lạc-đà bảo tôi vậy.”

Lạc đà nói : “Anh trâu bảo tôi vậy.”

Trâu bảo nghe lời lợn rừng, lợn rừng bảo nghe lời cừu, cừu bảo nghe lời nai, nai bảo nghe lời thỏ, và đàn thỏ bảo : “Chúng tôi bảo nghe cô bé thỏ kia nói vậy.”

Thỏ con bèn nói : “Chính tôi nhìn thấy.”

Sư tử hỏi : “Thấy ở đâu?”

“Ở kia kia, bên gốc cây ấy.”

“Được rồi, tới đó với ta đi, ta sẽ chỉ cho.”

“Không, không, tôi không tới gần cây đó đâu. Tôi sợ lắm.”

Sư tử nói : “Ta cho mi ngồi trên lưng mà.” Thế là sư tử mang thỏ tới gốc cây bảo tất cả hãy chờ họ trở về. Tới cây, sư tử mới giải thích cho thỏ hiểu rằng tiếng động mà thỏ nghe thấy chỉ là tiếng một trái cây rơi xuống đám lá. Nghe xong thỏ nói :

“Tôi hiểu rồi, trái đất không sụp !”

“Thôi bây giờ chúng ta về báo cho mọi vật biết vậy nhé!”

Về tới nơi thỏ con đứng trước đám súc vật nói : “Quả thật trái đất không sụp đâu.” Thế là tất cả lập lại câu nói đó, rồi chúng tản mát đi xa dần, tiếng nói nghe cũng nhỏ dần cho đến khi tắt hẳn.

IV

NGỤ NGÔN TRUNG ĐÔNG

47.

HẠT LÚA GIỐNG VÀ CÂY LÚA MÌ

(Ngụ-ngôn Ba-Tư)

Ngày xưa có một người vào ruộng lúa mì ăn trộm mấy bông lúa chín. Chủ ruộng bắt được hỏi người ấy tại sao đi ăn-trộm. Người ấy trả lời : “Thưa ngài, tôi không hề ăn trộm lúa của ngài. Ngài chỉ trồng có hạt, cái tôi lấy không phải là hạt mà là cây lúa chín. Vậy tại sao ngài lại gọi tôi là người ăn trộm?” Hai người bèn dắt nhau lên quan tòa hỏi : “Thưa quan tòa, xin ngài cho biết hai chúng tôi ai phải ai trái?”

Quan-tòa trả lời : “Người gieo hạt phải, người không gieo hạt trái. Hạt là nguồn gốc của cây. Làm sao mà một người không gieo hạt lại có quyền hưởng cây ở hạt ấy mà ra?”

48.

ANDROCOLES VÀ CON SƯ-TỬ

Androcles, một tên nô lệ chạy trốn, hắn chạy tới một khu rừng ẩn-thân. Vừa tới đó, hắn thấy một con sư tử đang rên xiết vì đau-đớn. Hắn tính chạy đi, nhưng thấy con sư-tử không đuổi theo mà chỉ nằm rên. Androcles quay lại tới gần. Con sư-tử không nhào tới mà giờ ra cho Androcles xem cái chân dẫm máy vì gai đâm.

Androcles biết con vật đang đau đớn, mới cầm chân con vật lên, rút cái gai ra. Để đền ơn, con vật mang Androcles về hang và hằng ngày kiếm thức ăn cho chàng ta. Ít lâu sau cả hai đều bị bắt mang về La-Mã. Người nô-lệ bị xử tử bằng cách ném cho sư-tử đói ăn. Androcles bị dẫn ra quyết đấu. Trước sự dự kháng của vua và triều thần. Rồi con sư tử đói được thả ra. Con vật chạy thẳng tới mồi, nhưng khi tới gần Androcles, con vật không vồ lấy chàng ta mà lại nhảy lên, ve-vẩy đuôi mừng như con chó mừng chủ. Vua lấy làm lạ mới phán hỏi Androcles. Chàng nô-lệ kể đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, nhà vua bèn thả tự do cho cả người và vật, vì nhà vua nghĩ rằng tấm từ tâm như vậy và lòng biết ơn như vậy xứng đáng được tha tội.

CHÚ THÍCH :

Thực ra truyện “Androcles và con sư tử” không hẳn là một truyện của Đông phương. Truyện này do Aulus Gellius sống vào thế kỷ thứ hai viết ghi chú rõ là trích trong tác phẩm Aegyptiaca

của Aption. Tác phẩm Aegyptiaca đã bị thất truyền, mà sinh quán tác giả Apion thì đúng là ở miền sa mạc Lybia. Vậy truyện con sư tử biết ơn này do Aption viết xét ra cũng hữu lý lắm.

V

NGỤ NGÔN ESOPE

(Hy Lạp)

Tiểu sử ESOPE : Ông là người Hy-Lạp sống vào khoảng cuối thế kỷ bảy, đầu thế kỷ thứ sáu trước Thiên-chúa giáng sinh. Cũng như tiểu-sử Homère, tiểu sử Esope bán hư bán thực, nhiều người còn cho rằng Esope vị tất đã có thực mà chỉ là một huyền thoại và gọi những bài ngụ ngôn Esope là những bài không biết ai viết.

Theo Plutarque thì Esope dáng người xấu-xí gù lưng, da ngăm ngăm, nói cà-lăm, nhưng cực kỳ thông minh. Trước làm nô-lệ sau được phóng thích nhờ ông chủ cuối cùng là nhà hiền triết Xanthos hay Ladmon. Câu chuyện vẫn được truyền tụng về ông là câu chuyện mà người ta quen gọi là “Cái lưỡi Esope.”

Sách Quốc-văn Giáo-khoa-Thư lớp sơ đẳng của Trần-trọng-Kim, Nguyễn-văn-Ngọc, Đặng-đình-Phúc và Đỗ-Thận soạn (Nha Học-Chính Đông-Pháp xuất bản, 1938) có bài “Cái Lưỡi” như sau:

CÁI LƯỠI

Một hôm, người chủ nhà bảo tên đầy tớ rằng : “Mày ra bắt con lợn, đem làm thịt, và xem cái gì ngon hơn cả, thì đem về đây cho tao.”

Tên đầy tớ vâng lời, bắt lợn, giết, và lấy cái lưỡi đem vào hầu chủ.

Mấy hôm sau, người chủ muốn thử tên đầy tớ, lại bảo nó đi làm thịt con lợn khác và dặn rằng : “Xem có cái gì không ngon hơn cả thì đem vào.”

Tên đầy tớ làm lợn xong, lại đem cái lưỡi vào cho chủ.

Người chủ hỏi : “Thằng này láo ! Sao lần này mày lại đem lưỡi vào cho tao như lần trước?”

“Thưa ông, cũng một cái lưỡi, khi tử tế ra thì không có gì tốt cho bằng, nhưng khi độc ác, thì lại không có gì xấu cho bằng.”

Người chủ đây là Xanthos, còn tên đầy tớ chính là Esope. Theo tự điển Larousse thì Xanthos sai Esope đi chợ mua.

Sau khi đã được phóng thích, Esope đi du lịch nhiều nơi, qua thăm Ai-Cập, Babylone và mấy nước Đông Phương. Dưới triều đại Césus, nhà vua thấy ông là tác giả những bài ngụ ngôn đầy ý vị, bèn ban ơn cho ông đem đồ lễ đến đền Delphes (thờ thần Apollon). Tới đây ông nhận thấy những thầy tế tự ở đền này đều là những tên gian lận lưu manh bèn tỏ thái độ trào lộng rất là

cay đắng. Bọn tiểu-nhân này bèn lập mưu trả thù bằng cách dấu một cái cốc vàng của đền thờ vào hành lý của ông, rồi vu ông tội ăn cắp. Dân thành Delphes bị xúi giục kết tội ông phải đẩy từ tảng đá Hyampée xuống.

Kể ra lối văn ngụ ngôn ở Hy-lạp có đã xưa lắm, từ trước đời Socrate, nhưng đến Esope, ông mới soạn ra một bộ ngụ ngôn chuyên thử để dạy trẻ. Ông khéo thêu dệt thành truyện, tả chân được hết những tính nết của loài người xưa nay. Từ những tư tưởng về luân lý, đạo đức, chính trị cho đến nhân tình thế thái tham-bạo, láu lỉnh, khờ dại đều được ông phô diễn rất linh hoạt vừa dễ hiểu vừa lý thú để gợi giác quan của con trẻ. Quả nhiên về sau cả Âu Châu đều lấy sách ông là kim khoa ngọc luật cho trường ấu học; bây giờ thì dịch ra hầu hết các thứ tiếng trên thế giới.

49.

CON SƯ TỬ VÀ CON CÁO

Con Sư-tử đã già yếu lắm rồi không thể đi bắt các muông thú khác mà ăn được nữa. Nó bèn nghĩ cách nằm giả ốm ở trong hang để các giống vật khác tới thăm rồi bắt mà ăn thịt. Giống gì đến thăm cũng không khỏi chết. Có một con cáo cũng biết vậy, cũng đến thăm nhưng đứng tận đằng xa. Sư-tử thấy vậy bảo rằng : “Con cáo kia, mi đến thăm ta, bệnh ta đã bớt, sao mi không lại đây? “ Con cáo đáp rằng : “Kính ông, tôi thấy vết chân đi vào chỗ ông ở nhiều lắm mà không thấy vết ra nên không dám vào.”

Cho hay thấy gương người khác bị lừa rồi mình tất cũng không tin nữa.

50.

HAI NGƯỜI THÙ NHAU

Hai người thù nhau lần đó thế nào lại cùng đi một thuyền, một người ngồi đằng mũi, một người ngồi đằng lái. Chẳng may thuyền gặp bão sắp đắm. Người ngồi đằng lái hỏi người lái thuyền : “Nếu thuyền đắm thì đằng nào chìm trước?” Người lái đáp : “Thuyền đắm đằng mũi chìm trước.” Người ấy mới nói rằng : “Ấy vậy thì tôi còn được thấy kẻ thù của tôi chết trước”.

51.

CON LANG VÀ CON CÒ

Có con lang ăn thịt loài vật khác hóc xương trong cổ họng mới rao rằng hễ ai chữa được sẽ có thưởng. Con cò bay đến, thò mỏ vào họng con lang cạy được cái xương ra. Cò đòi thưởng, con lang nổi giận nghiến răng mà rằng : “Mày thử xem cả hoàn cầu có ai thò đầu vào miệng tao mà sống thoát được không? Như mày thế này là sướng như vua của tao rồi đó, còn đòi thưởng gì nữa?”.

Xem vậy thì nếu mình bày mẹo cho kẻ hung dữ chẳng khỏi về sau nó làm hại đến mình, bởi những kẻ dã man như vậy thì còn nghĩ gì đến phải trái nữa.

52.

DẠY CON

Có một người cha thấy lũ con đã lớn rồi mà chúng vẫn giữ thói tranh giành nhau, tuy ông đã nhiều lần khuyên răn mà chúng vẫn chứng nào tật ấy. Người cha bèn nghĩ cách lấy đồ vật làm tỉ dụ cho chúng bắt chước. Ông lấy mười chiếc đũa nhỏ buộc chặt lại rồi giao cho từng đứa con bảo thử bẻ. Các chú lần lượt ra tay mà bó đũa vẫn y nguyên không hề suy chuyển. Người cha lại cởi bó đũa ra, đưa mỗi đứa bẻ từng cái một, thì đều gãy cả. Lúc đó ông mới nhủ lũ con : “Nếu chúng bay biết đồng lòng với nhau thì cũng như bó đũa của ta, không ai làm gì được; ngược bằng mỗi đứa một bụng thì cũng như từng chiếc đũa riêng rẽ ai bẻ cũng phải gãy”.

Đũa ai bẻ được cả nắm? Hợp quần làm nên sức mạnh là vậy.

53.

CON CÁO VÀ CON DÊ

Có con cáo sa xuống giếng sâu không làm sao mà lên được, vừa lúc ấy có con dê khát nước tới trên bờ giếng. Con dê hỏi cáo nước suối có ngọt không. Con cáo cười nói là nước suối ngọt lắm, nên xuống mà uống. Con dê đương khát, chẳng kịp nghĩ gì, bèn nhảy ngay xuống, đến lúc khỏi khát mới được con cáo cho hay là cáo bị sa xuống đó không lên được. Hai con bàn nhau tìm cách thoát hiểm. Con cáo bèn bảo con dê hãy đứng hai chân trước lên từng gạch, cúi đầu xuống làm thang cho cáo lên trước, rồi cáo sẽ làm sau cho dê lên. Cáo lên được miệng giếng rồi, sung sướng lắm. Con dê thì kêu rầm lên ở dưới giếng. Con cáo dòm xuống mà bảo rằng : “Này con dê kia, mày thật già mà dại, sao mày không nghĩ sẵn đường lên rồi hãy xuống? Từ rày có muốn uống nước giếng, hãy xem cho kỹ rồi hãy xuống.”

Người ta chơi với tiểu nhân thì cũng bị hại lây như con dê vậy.

54.

GIÓ VÀ MẶT TRỜI

Ngày xưa khi muôn vật đều biết nói, Gió và Mặt-trời tranh luận nhau, vì ai cũng cho rằng mình khỏe hơn. Sau cùng họ quyết định thử sức. Họ thách nhau xem ai có thể khiến người đàn ông đang đi trên đường cởi bỏ chiếc áo choàng ra. Gió thử trước. Gió cố gắng thổi mãi, thổi mãi. Gió càng thổi mạnh, người khách bộ hành càng kéo sát tấm áo vào người cho đỡ lạnh. Sau cùng gió bỏ cuộc và bảo Mặt-trời thử. Mặt-trời mỉm cười và chiếu xuống những tia sáng ấm áp, người khách bộ hành cảm thấy dễ chịu lắm. Nhưng Mặt-trời chiếu mỗi lúc một gay gắt, người khách đổ mồ hôi, ông ta thấm mệt, ngồi nghỉ trên phiến đá và cởi chiếc áo choàng ném xuống đất.

Bạn thấy không, sự nhẹ-nhàng đã làm được những việc mà sức mạnh không làm được.

55.

CON CHÓ SÓI ĐỘI LỐT CỪU

Có một con chó sói đói quá mới đội lốt cừu đi theo đàn cừu. Trong bao nhiêu ngày nó đã giết và ăn thịt cừu khi đói bụng, vì ngay người chăn cừu cũng không khám phá ra nó. Một hôm, sau khi người chăn cừu dồn hết cừu vào chuồng, mới bắt một con cừu làm thịt ăn, tình cờ người ấy bắt ngay con chó sói dưới lốt cừu đó làm thịt.

Quả thực rằng đội lốt người khác chẳng có ích lợi gì.

56.

CON SƯ TỬ VÀ CON CHUỘT

Một hôm con chuột vô tình chạy qua vuốt con sư-tử đang ngủ làm sư-tử thức giấc. Sư tử bực vì bị quấy rầy, chộp lấy con chuột và định nuốt. Con chuột vội kêu van : “Xin ông làm ơn tha cho tôi, tôi xin suốt đời mang ơn, và không chừng tôi có thể giúp ông một ngày nào đó”. Nghĩ rằng một con vật bé nhỏ như vậy mà lại có ý định giúp mình, con sư tử buồn cười mà tha cho con chuột. Một tuần sau, chuột nghe tiếng sư tử rống lên. Chuột tìm tới và thấy sư tử bị mắc lưới của người thợ săn. Nghĩ đến lời hứa hôm nọ, con chuột bèn gặm nát lưới và cứu được con sư tử. Sư tử bấy giờ mới thấy rằng những người bạn bé nhỏ có thể là những người bạn có công lớn.

57.

CON TRAI NGƯỜI CHẶN CỪU VÀ CON CHÓ SÓI

Con trai người chăn cừu là một thằng bé tinh quái. Nó thường giả bộ kêu lớn : “Chó sói, chó sói!” để đánh lừa người làng đổ xô ra, tay cầm gậy gộc giúp nó. Sau nhiều lần nó đánh lừa như vậy rồi cười lớn khoái trí, dân làng lấy làm tức bực. Một hôm chó sói tới bắt cừu của nó thật. Và thằng bé kêu cứu một cách vô vọng. Không ai thèm để ý tới nó cả và con chó sói mặc sức bắt cừu. Chừng đó thằng bé mới hiểu ra rằng những người nói dối không ai tin nữa, ngay cả khi nói đúng sự thực.

58.

CON CHUỘT TỈNH VÀ CON CHUỘT QUÊ

Con chuột quê rất sung sướng khi con chuột tỉnh, người bà con của nó, đã nhận lời mời ăn bữa cơm. Nó đãi chuột tỉnh những món ăn ngon nhất, như đậu khô, vụn bánh mì. Chuột tỉnh không thích những món ăn đó nên chỉ ăn chút đỉnh để giữ phép lịch sự. Sau bữa ăn, nó mới hỏi chuột quê : “Làm sao mà anh ăn nổi những món ăn này qua hết ngày này sang tháng khác? Chắc ở đây anh chưa được ăn món nào ngon hơn? Anh ra tỉnh với tôi nhé, tôi sẽ mời anh ăn những món thật ngon và chừng đó chắc anh sẽ chẳng muốn trở về đây nữa đâu.” Chuột quê không những tha lỗi cho chuột tỉnh đã chê bữa ăn, mà còn bằng lòng đi theo chuột tỉnh ngay chiều hôm đó. Mãi khuya họ mới tới nơi và chuột tỉnh đóng vai chủ, mời chuột quê vào phòng ăn. Chuột tỉnh nói : “Anh mệt rồi, hãy ngồi nghỉ đây nhé, tôi sẽ đem thức ăn ngon ra anh xơi.” Rồi nó dọn ra hạt dẻ, chà-là, bánh trái cây. Chuột quê thấy món ăn ngon, muốn ở đó mãi. Nhưng chưa kịp nói gì thì nghe thấy một tiếng gầm ghê sợ và ngược nhìn lên nó thấy một con vật vĩ đại đang xông vào phòng. Nó sợ đến gần mất trí khôn, vội nhảy xuống đất và chạy quỳnh quanh

phòng tìm nơi ẩn nấp, may mà cũng kiếm được một chỗ an toàn. Nó đứng run-rẩy như vậy và quyết định sẽ trở về quê ngay. Nó tự nhủ : “Thà ăn cơm thường trong bình an còn hơn ăn sang mà nguy hiểm”.

59.

CON QUẠ VÀ CÁI BÌNH

Một con quạ đang khát nước, tìm mãi không ra nước uống. Sau nó nhìn vào cái bình thấy có ít nước ở tận dưới đáy. Nhìn thấy nước lại càng khát, nó cố nghĩ cách làm sao uống được nước đó. Sau cùng nghĩ ra được một kế, nó bèn lấy sỏi thả vào bình, nước dâng lên dần tới mức nó thò mỏ vào và uống được nước. Uống xong, nó tự nhủ thầm : “Cứ từ từ mà nên chuyện đó.”

60.

CON CHÓ VÀ BÓNG NÓ.

Một con chó miếng tha miếng thịt, băng qua một dòng nước dưới chân cầu. Chợt nhìn xuống nước và thấy bóng mình, nó cứ tưởng là con chó khác đang tha miếng thịt lớn hơn. Nó bèn ngoạm lấy cái bóng miếng thịt ấy. Lúc vừa há mồm chực ngoạm thì miếng thịt của nó rơi mất. Vì tham ăn mà thành xôi hỏng bỏng không.

61.

CON CHỒN VÀ CON QUẠ

Con chồn một hôm trông thấy con quạ mỏ cặp miếng phó-mát, mới định bụng cướp lấy. Nó bèn nói với quạ : “Chào bạn quạ, lông bạn đen bóng, trông đẹp và sang trọng làm sao! Bạn thật là loài chim đẹp. Chỉ đáng tiếc giọng bạn không được hay. Nếu giọng bạn mà hay nữa thì bạn quả là Hoàng-hậu của loài chim.”

Con quạ hơi lấy làm phật ý khi thấy con chồn nghi ngờ giọng hát của mình, bèn cất tiếng kêu. Thế là miếng phó-mát rơi xuống. Con chồn vội lấy hét to lên rằng : “Tôi đã chiếm được món tôi thích và này tôi khuyên bạn nhé, xin đừng bao giờ tin những kẻ nịnh hót!”

62.

CON CHÓ TRONG MÁNG CỎ

Một con chó ích kỷ và ưa gắt-gông nằm nghỉ trong máng cỏ vào một buổi trưa nóng nực. Khi con bò ở ngoài đồng về, mệt-mỏi muốn ăn chút cỏ khô ở máng. Nhưng con chó sủa dữ nên bò không dám ăn. Con bò tự nhủ thầm : “Ngăn cản không cho người ta những cái người ta đang cần mà mình không dùng được là điều ích kỷ bần tiện nhất.”

63.

CON QUẠ NHỎ VÀ BỘ LÔNG ĐI MƯỢN

Một con quạ nhỏ một hôm thấy mấy cái lông công. Muốn làm đẹp, nó mới cắm những lông công đó vào bộ lông của nó, rồi làm bộ điệu như con công. Nhưng những con công nhận ra ngay ra nó, đuổi nó ra khỏi đàn, và nhổ hết những lông công đi. Những con quạ khác thấy thế cũng ghét bỏ nó vì chúng nghĩ: “Lông đẹp không làm cho chim đẹp, và hãnh diện với bộ lông đi mượn thì thật ngu xuẩn”.

64.

CON THỎ RỪNG VÀ CON RÙA

Con thỏ rừng một hôm khoe khoang rằng nó chạy nhanh như bay. Con rùa nghe thấy bèn nói: “Chúng ta thử chạy thi xem”. Con thỏ cười thăm và trả lời: “Được, nhưng chúng ta hãy cử anh chồn làm trọng tài.” Con chồn bằng lòng và cuộc chạy đua bắt đầu. Con thỏ chạy, bỏ xa con rùa, và nghĩ rằng còn lâu rùa mới bắt kịp, nó bèn nằm ngủ. Nó tự nhủ: “Ta sẽ vượt rùa khi ta thức dậy.” Nhưng không may con thỏ ngủ quá giấc, đến khi tỉnh dậy ba chân bốn cẳng cũng không kịp vì rùa đã tới đích rồi. Thỏ đã nhận được bài học: “Chậm mà chắc thường thắng cuộc”.

65.

CON NGỔNG VÀ NHỮNG QUẢ TRỨNG VÀNG

Ngày xưa có một người có một con ngỗng đẻ mỗi ngày một quả trứng vàng. Người đó mỗi ngày một thêm giàu nhưng vẫn muốn giàu mau hơn, muốn nắm trọn tài sản ngay tức khắc, bèn đem giết con ngỗng. Khi mổ bụng ngỗng ra thì người đó chỉ thấy trứng vàng đậu. Lúc đó mới buồn rầu mà tự nhủ: “Ở đời cái gì cũng phải từ từ mới thành công được.”

66.

CON CHÂU CHẤU VÀ ĐÀN KIẾN

Vào một ngày đông có nắng, mấy con kiến mới đem những thức ăn dự trữ ra phơi. Con châu chấu đi qua thấy thèm lắm. Nó bèn xin kiến: “Các bạn cho tôi xin một ít đi, tôi đói lắm.” Mấy con kiến mới hỏi: “Thế cuối hè vừa qua, anh không trữ thức ăn cho mùa đông ư?”

Châu chấu trả lời: “Không, vì tôi mãi ca hát nhảy múa.”

Kiến nói: “Vậy thì hãy ca múa mà sống đi. Ai mà chơi suốt ngày này qua tháng khác tất sẽ phải khổ.”

67.

CON CHIM SƠN CA VÀ ĐÀN CON

Con chim sơn-ca cùng đàn con ở trong một cái tổ giữa ruộng lúa chín. Một hôm khi trở về, nó thấy đàn con có vẻ nôn-xao lắm. Chúng thuật lại rằng chúng đã nghe thấy ông chủ ruộng lúa nói sẽ nhờ những người hàng xóm ra cắt lúa dùm, rồi chúng xui mẹ chúng dọn nhà đi. Chim mẹ bảo các con: “Các con đừng lo, nếu ông chủ phải nhờ đến hàng xóm thì họ chưa tới gặt hôm nay đâu. Nhưng các con nên nghe kỹ lời ông ta nói mỗi khi ông ấy tới và nhớ thuật lại cho Mẹ nghe”.

Ngày hôm sau khi chim mẹ đi kiếm mồi, ông chủ trại lại tới và kêu lên : “Đám ruộng này phải gặt ngay mới được, ta sẽ nhờ bà con tới giúp ta gặt ngày mai.” Chim mẹ về, đàn chim con kể lại y như vậy. Chim mẹ liền nói : “Không sao, bà con của ông ta còn đang bận gặt lúa của họ, họ không tới đâu. Nhưng các con vẫn phải nghe xem ông ta nói gì, rồi kể lại cho Mẹ!”

Ngày thứ ba ông chủ trại ra ruộng, thấy lúa quá chín, mới quay sang nói với người con trai. “Thôi không thể chờ lâu được nữa, phải mượn thợ tối nay để mai họ ra gặt sớm.” Chim mẹ nghe thấy vậy, mới bảo lũ chim non : “Bây giờ thì mẹ con ta phải đi, khi người ta đã quyết định làm lấy công việc, không chờ ai giúp nữa, là họ sẽ làm thật.”

68.

ĐEO CHUÔNG CHO MÈO

Lũ chuột rất bực mình vì con mèo, một hôm chúng tổ chức cuộc họp để cùng giải quyết vụ này. Trong buổi họp một con chuột nhất mới đề nghị buộc một cái chuông vào cổ mèo để khi mèo tới chuột sẽ nghe thấy. Lời đề nghị được hoan nghênh nhiệt liệt. Nhưng một con chuột già đứng lên hỏi : “Hay đấy, nhưng ai là người dám nhận treo cái chuông vào cổ con mèo? “ Thấy chuột nào cũng tỏ vẻ sợ hãi, chuột già nói thêm “Áy nói thì dễ, chứ làm mới khó”.

69.

CÓN CHỒN VÀ CHÙM NHO

Một con chồn đang đói bụng, đi qua một vườn nho. Thấy những chùm nho mọng trên giàn cao, nó cố nhảy lên hái nhưng không tới. Sau cùng nó đành bỏ đi và nhủ thầm : “Mình cũng chả thích ăn, vì chắc nho đó còn chua lắm.”

70.

ÔNG CHỦ MÁY XAY, NGƯỜI CON TRAI VÀ CON LỪA

Ông chủ máy xay cùng người con trai dắt lừa ra chợ bán. Có mấy người đi qua, bảo họ là tội gì hai cha con cùng đi bộ khi một người có thể ngồi trên lưng lừa. Nghe thấy vậy người cha mới bảo con lên ngồi trên lưng và ông ta vui vẻ đi bộ theo sau.

Họ gặp ông già. Ông này mắng cậu con trai “Mày quân bất hiếu, ai lại ngồi trên lưng lừa, để cha già mà phải đi bộ!” Thăng bé xấu hổ quá, vội vàng nhảy xuống và để ba nó ngồi lên.

Đi được một quãng, họ gặp một người nữa, người đó kêu lên : “Cha gì mà ích kỷ, ngồi ghế-ghê trên lưng lừa để đưa con nhỏ phải đi bộ!”. Nghe vậy, người cha mới nhắc đưa con lên ngồi chung, nghĩ rằng thế này chắc không còn ai nói gì được nữa.

Nhưng nào đã xong, họ gặp người kế tiếp và người này phê bình còn tàn tệ hơn nữa : “Thật đáng xấu hổ, ai lại hai cha con cùng ngồi trên lưng một con vật bé nhỏ như thế. Hai người nên kiêng con vật mới phải”.

Ông chủ máy xay và cậu con nản lòng lắm nhưng vẫn muốn làm điều phải, nên cùng nhảy xuống buộc chân con lừa lại rồi khiêng con vật tới chợ. Khi họ ra tới tỉnh, cảnh đó khô hài đến nỗi mọi người đổ xô lại cười la ãm-ĩ nghe ồn-ào, con lừa sợ quá, đá đứt dây, rồi chạy bừa xuống sông và bị chết đuối.

Ông chủ máy xay bực mình hết sức, mới cùng con ra về. Ông ta nói với con :

“Cha con ta mất lừa, nhưng được một bài học là khi ta cố gắng làm vui lòng mọi người, rồi cuộc ta chả làm vui lòng được một ai ngay cả chính ta nữa.”

VI

NGỤ NGÔN PHÁP

Trước khi giới thiệu một số ngụ ngôn La Fontaine của Pháp, soạn giả muốn giới thiệu vài truyện đầu trích trong cuốn “Truyện Hồ Lang” do Nguyễn-văn-Vĩnh dịch tự cuốn “Roman de Renard” bởi nhân vật con Hồ (chồn, cáo) vốn là nhân vật quá quen thuộc trong những truyện ngụ ngôn Tây-phương, nhất là Pháp.

Trong bài tựa, Emile Vayrac viết về cuốn “Roman de renard” đại ý như sau :

Về đời trung cổ tại Pháp có “Sự tích con Hồ” (Roman de Renard). “Sự tích con Hồ” thoạt đầu được dân gian kể ra cốt cầu lấy vui chứ không có ý răn dạy gì cả. Rồi một mặt thì các nhà văn-tự thừa những câu chuyện khẩu truyền trong dân gian mà sáng tác lại với đôi chút văn chương nhưng vẫn không có luân lý; mặt khác cũng vào hồi đó – có lẽ từ thế kỷ thứ XI – đã có những người hát về rong (ménestrels), những kẻ tung dao múa rối (jongleurs) cũng đua nhau với các nhà văn-tự mà đặt thơ kể lại sự tích con Hồ. Rồi từ đất Pháp những truyện này lan ra khắp Âu-châu.

Bản in Pháp văn trước nhất là bản Méon xuất hiện 1.826 gồm 32 chi (branche), cộng thành 30.362 câu thơ. Sau có một bản phụ biên nữa của ông Chabaille (in tại Paris năm 1835) sao lục thêm được sáu chi gồm 1.570 câu nữa. Tuy nhiên có nhà khảo cứu phê bình chỉ nhận là có khoảng 25 hay 28 chi mà thôi vì trong các sự tích đó có nhiều sự tích liên lạc với nhau có thể hợp lại làm một được. Các sự tích cũng dài, vẫn khác nhau; sự tích ngắn nhất 90 câu, sự tích dài nhất 3.438 câu (truyện Kiêu chỉ có 3.256 câu). Mỗi sự tích có thể biệt lập.

Bộ Sự tích con Hồ của Pháp này là sự nghiệp chung của nhiều nhà sưu tập. Văn chương của bộ truyện không đều, chỗ thì nét vẽ gọn-gàng hoạt động, lời đối thoại đậm-đà ý vị, chỗ thì điệp từ điệp ý vụng-về kém điêu luyện nhưng vẫn giữ cái đặc sắc của phàm dân không ai mà bắt chước được và cái chủ điểm trong những sự tích đó là ở chỗ vui-vẻ, không lúc nào buồn. Những việc bất hạnh lạ-lùng, những thủ đoạn thâm độc của các vai chủ động trong truyện đều được tường thuật bằng giọng khiến người đọc chỉ thấy tức cười chứ không phải ngậm-ngùi thương-xót ai cả.

Thành ra độc giả cầm quyển sách đọc chỉ nghĩ đến việc vui cười chứ không nghĩ đến điều gì nữa hết.

Như trên đây đã nói, soạn giả chỉ giới thiệu mấy đoạn đầu của Truyện Hồ-lang. Truyện này do Emile Vayrac dịch tự cổ văn nước Pháp và Nguyễn-văn-Vĩnh dịch một cách rất thần tình thoát sang Việt văn, đăng trọn trong Tứ Dân Văn Uyển, số 8, tháng II, năm 1935.

Truyện Hồ Lang

71.

MẤY CÂU GIÁO ĐẦU TRUYỆN HỒ LANG TỪ DƯỚI BIỂN LÊN

*Các ngài đã từng nghe qua,
Nhiều câu cổ tích người ta kể thường.
Ba-li bắt hiếp Hiên-nương,
Gây nên chinh chiến một phương địa cầu.
Tích-tăng ngân thụ có câu,
Nghe xem vui vẻ từ đầu đến đuôi.
Nào là chuyện ngược chuyện xuôi,
Chuyện con lang dữ, chuyện đười cái dài.
Chuyện trong cho đến chuyện ngoài,
Duy có câu truyện thật dài Hồ Lang.
Kể như những nỗi hai chàng,
Thù nhau muôn kiếp ai nhường nhịn ai.
Đánh nhau vỡ sọ rách tai,
Cũng nòi kiện tướng, cũng vai anh hùng.
Hai bên ý khí bất đồng,
Cãi nhau ý-oảng tranh hùng mấy phen.
Xem như câu truyện trước tiên.
Bởi đâu cừ địch liên miên mấy đời.
Muốn nghe tôi kể mà chơi,
Mới hay gốc ngọn nguyên lai thế nào.
Hồ lang là truyện làm sao,
Đọc qua Âu-cúp ách nào vui hơn.
Vì Hồ nên lăm nguồn cơn,
Bởi chàng nham hiểm oán hờn gây nên.
Quyển vàng còn chữ đề trên,
Bao nhiêu tích lạ liên miên mấy hồi.
Vị dầu chưa đọc đến nơi,
Ai tin cho được những lời ba hoa.
Tưởng chừng say rượu nói ngoa,
Chứ đâu có truyện can qua lạ-lùng.
Sách còn in đó phải không ?
Mắt kia đọc chữ thì lòng phải tin.
Phải đâu là chuyện hảo-huyền
Sách đà có chữ thì nên theo lời.*

Không thì chết tuyệt nói chơi !

72.

HỒ LANG TỪ DƯỚI BIỂN LÊN

Khi hai đức thủy tổ của loài người là ông A-Dong và bà Ê-Va, đã trái lệnh chúa Trời, bị ngài trừng phạt đuổi ra ngoài cõi Lạc Uyển. Chúa Trời làm ra như thế để cho mà biết cái giận của Ngài và cái lòng chí công chí chính. Nhưng Chúa Trời tính vốn hiền từ, đày-đọa hai ông bà Thủy tổ mãi như thế không đành. Tội nghiệp thân thể trần-truồng như nhộng, ngày tháng dất nhau đi lưu lạc trong một cõi khổ sở, nhọc xác tìm đủ bữa ăn nhiều khi phải để bụng còn đói. Mà nào có vậy thôi, phần thì nhớ đến tội xưa còn hổ thẹn, phần thì nhớ cảnh vui thú thuở trước ở trong cực lạc thế giới mỗi ngày là một ngày vui, bây giờ biết bao giờ lại thấy.

Chúa Trời thấy vậy cũng thương tình muốn ban cho một kế để tự mình khéo ra lại thu được lại ít nhiều cái sướng cũ ? Chẳng may bà Ê-Va cũng vì một nét ngây dại, lại một phen nữa làm sai hậu ý Chúa Trời và đổi cuộc thi ân mới cũng hoá ra đày đọa. Vì nếu không phạm tội lần thứ hai này nữa, thì có lẽ loài người ta lại được trở về cực lạc như xưa.

Một hôm trời vừa mưa, vừa lạnh, vừa u ám buồn tênh, ông A-Dong và bà Ê-Va ra ngồi bờ biển, có vẻ buồn bã, im hơi lặng tiếng, phần thì đói rét cực khổ, phần thì hối hận tiếc nhớ cảnh xưa. Bấy giờ đức Chúa Trời ngài mới hiện hình ra một ông cụ râu tóc bạc phơ, đến nơi an ủi. Ngài đưa cho A-Dong một cái roi bằng gỗ mà phán rằng :

- Này, mi cầm lấy roi này : khi cần dùng đến cái gì, thì cứ đập lên mặt nước biển. Nhưng ta dặn, hễ mi muốn tránh khỏi tai vạ, thì chớ hề có để cho con vạ mi nó đập.

Bà Thủy-tổ nhà ta, mới thoạt nghe lời dặn, đã thấy nóng tay muốn đập ngay một cái xem ra làm sao rồi. Chúa Trời vừa đi khỏi, bà đã bắn khoả nóng ruột, hơi thở thốn-thức, kéo A-Dong ra biển mà giục-giã liền :

- Ông còn chờ chi nữa ? Đập đi, mau! Xem phép này biển ra quái lạ thế nào.

Ông A-Dong từ từ đi ra, bước chân xuống nước, giơ roi ra đập một cái.

Tức thì một con cừu cái nổi lên, be be đến chịn vào đuôi ông thủy tổ làm cách chịu lụy theo đòi. Ông bèn bảo bà :

- Bà nó khá giữ con cừu này cho cẩn thận. Rồi nó sẽ cho ta sữa, mỡ sữa và bánh sữa, cùng mọi thứ bánh ngon làm bằng sữa.

Nhưng bà thủy-tổ nào có nghe lời ông, chỉ theo ý riêng mình, vội-vàng dằng lấy cây roi, hăm hăm hử hử, đập luôn cái nữa xuống nước, ông A-Dong chưa kịp ngăn cản mà cũng chưa kịp hiểu sự xảy ra thế nào cả.

Tức thì một con Lang từ dưới nước nhảy lên. Nó không đến bán hàng bà Ê-Va thì chớ mà lại còn nhe răng mà trộ bà, rồi thì nó nhảy xô định vồ luôn con cừu. Con này sợ hãi chạy ngay, con lang lại đuổi.

Bà thủy mẫu ta đã tưởng mất cừu, kêu khóc và nổi cơn khùng giận vì không làm gì được. Nhưng ông A-Dong dằng ngày lấy cái roi rồi nhún cơn tức giận đập luôn một cái xuống nước.

Bấy giờ thấy từ dưới nước nổi lên một hình thù vật gì giống như con lang. Ông A-Dong giật mình, ngẩn mặt ra mà tự hỏi rằng : Chết chửa ! Chúa ban cho ta cái roi báu mà ta không biết giữ, hay là Chúa đã phò phép hại ta trong roi rồi đó.

Bà Ê-Va thấy ông ngạc-ngần phần thì lấy làm chuyện buồn cười, phần thì thoả bụng, đã cười nhạt mà rằng :

- Ô kìa ! Tưởng là tài giỏi hơn ai ! Tưởng ông giận tôi lúc nãy để làm gì, chẳng hoá để mà làm cũng như tôi, thì giận làm gì !

Ông A-Dong không cần phải trả lời đã có con vật mới hiện lên nó phân giải hộ. Thì ra đó là con chó. Vừa hiện lên nó đã đuổi theo ngay con lang, vừa đánh vừa cắn đầu, nhay rách tai, và bắt phải nhả con cừu ra để mình đem về cho chủ là ông A-Dong vậy.

Con lang xấu hổ về việc ăn cắp không nên, chạy một mạch vào rừng.

Con chó và con cừu thì thung-dung mà trở lại với người, từ thuở ấy đến nay không bao giờ rời xa người nữa. Trong các loài vật không có loài nào có nghĩa hơn hai loài ấy.

Ông A-Dong, một bên con chó, một bên con cừu, lấy làm toại chí, thề rằng từ rày không bao giờ đưa roi cho bà Ê-Va nữa. Nhưng bụng thì tính như vậy, chứ nào có biết giữ kín thế nào cho bà thủy-mẫu chúng ta không bao giờ lấy được, hoặc nhân khi đi vắng, hoặc thừa khi ông ngủ.

Thì ra cứ mỗi lần ông dùng đến roi phép thì hoá ra một con vật có ích, dễ nuôi, dễ giữ. Phàm các loài lục súc là do từ đó.

Vậy mà mỗi khi bà lấy trộm được roi mà đập xuống nước biển, thì lại nổi lên một con ác thú, hôi thối, hiểm độc, vừa hiện lên là đi theo ngay với con lang vào trong rừng.

Bao nhiêu con của ông A-Dong thì thành vật chăn nuôi; bao nhiêu con của bà Ê-Va thì thành ra ác thú ở trong rừng rợ.

Trong bọn vật rừng đó thì có con chó Sói, tức là thủy tổ của giống Hồ, là giống khôn ngoan mưu mẹo hơn cả trong các loài vật. Những thủ-đoạn man trá kỳ khôi của nó rồi sẽ kể ra trong sách này vậy.

73.

GIỚI THIỆU BỐN VAI CHỦ ĐỘNG

Lang công tức là con chó rừng. Hồ công tức là gã chó Sói. Hai chàng cùng một tính nết, cùng ưa những miếng thịt-thà, cùng một cách ăn ở. Ngoạ giả nghề đi ăn trộm ăn cướp, không còn biết nghề gì.

Bởi vậy mà chơi thân với nhau lâu lắm. Tuy thật tình không cùng giống cùng nòi mà có khi vẫn cùng nhau nhận họ. Lang thường gọi Hồ : “Cháu tráng kiện của ta.” Hồ lại gọi Lang : “Bác thân yêu của cháu.” Trước mặt bao giờ nó cũng khiêm nhường kính trọng. Trong cách đối đáp với nhau, thì Hồ làm ra cách yêu mến Lang thật sự, có ý mua chuộc lấy lòng tin, lòng thương của bác.

Lang công thì là một vị quyền thế, hùng dũng, can đảm, nhưng phải đều trí khôn hơi kém, mà phân khả phủ không được mau. Tính khí thì dễ-dàng mà thành thực. Trong cái dữ ác, trong cách tham ăn, vẫn có vẻ thật-thà ngây-dại.

Hồ thì trái hẳn, vừa yếu đuối vừa hèn nhát, nhưng được cái trí khôn quý quái tinh ma, thích riêng một việc lừa đảo. Phản trắc, nham độc, sẵn lòng tàn nhẫn nhưng trước hết là trí trá, ham thích ở sự lừa gạt. Cái óc luôn luôn trù tính những mưu gian kế hiểm, có khi không cần đến mưu kế mà cũng nghĩ mưu kế, thật là một cái sở thích trái ngược, ngay cả đối với bạn cũng thi mưu kế phản trắc mà chơi. Chưa từng bao giờ ai có bắt được nó nói thật. Gián hoặc có khi nó đến nước nói thật, thì chớ tưởng là nó vô ý đâu. Đó cũng là một mưu của nó, nói thật cho người ta tin một lần để lần sau mà dễ nói dối.

Lang bà là vợ Lang công; và Hồ bà là vợ Hồ công, thật là hai tay phụ nữ xứng đáng với hai đức lang quân ấy lắm. Vả lại giống nhau như thể chị em cùng cha cùng mẹ vậy. Một mẹ thì là tính mèo hay giả dối vồn-vã, bàn tay êm như nhung tơ mà trong có móng nhọn. Một mẹ thì tính một ở đâu cũng gặm cũng đục ngặm cho mục nát lúc nào không ai hay biết. Một cô thì đối trá, một cô thì điều chác; một cô hay ăn cắp, một cô hay gian tham; một cô thì phàm ăn, một cô thì tục nuốt; một cô thì lẳng-lơ, một cô thì đĩ tính; chẳng cô nào thua cô nào nết gì; hai cô theo nhau chằm-chập. Giả sử ai mà phải chấm xem cô nào ăn giải nhất thì thật là khó nghĩ.

Bốn vai chủ động này thật là một hội một bè, tương đặng tương xứng, khó lòng mà tìm thấy một vai thứ năm nữa để vào chơi cho đặng.

Hồ sinh lừa bác thân yêu nhiều quá, đến nỗi lâu ngày bác dẫu xuẩn ngốc cũng phải biết. Bởi vậy mà cái tình thân ái cũ về sau đã biến đổi ra một cuộc chiến đấu, một cuộc chiến đấu liên-miên không lúc nào ngơi, không lúc nào hoãn : thật là một cuộc tranh đấu của trí khôn lấy mưu kế làm khí giới mà chống cự với sức mạnh và can đảm.

74.

HỒ ĂN TRỘM ĐÙI HEO CỦA LANG THẾ NÀO

Lang chông, Lang vợ với lũ Lang con vừa thời xong bữa sớm. Mâm cơm thật là xứng với khách ăn, món trân cam đã lắm, cỗ lại đầy. Các ngài đã xơi hết một con chiên. Lang bà khéo lắm, vừa bớt lại được đôi bầu dục với cỗ lá lách tính để dành đến sớm hôm sau cho Lang ông lót dạ. Khi

nào trong hang đủ lương thực, thì chủ ông vẫn quen điểm tâm như thế rồi ngài mới đi kiểm chác.

Người ta thường nói no cơm ấm cật mới dừng hồng mao, khi ấy cả nhà Lang có vẻ hoan-lạc lắm.

Bỗng có ai gõ cửa, Lang ông lăm-bấm rằng :

- Chẳng hay đứa phải gió nào đến quấy ta giữa lúc nghỉ trưa thế vậy! Mà hôm nay lại là ngày rất bõ giấc ngủ trưa.

Tuy nhiên ông cũng nhăn nhó mà đi ra lối cửa. Vừa hậm-hực, vừa làu-nhàu, Lang ta đành mở cửa xem ai. Đương tức giận hóa ra mừng rỡ. Thì ra chú Hồ ! Tội nghiệp chú Hồ đi chẳng vững, củ-rủ cù-rủ, lông thì xù xù bần-thỉu, mình mẩy đầy những mụn nhọt, hai mắt lờ đờ, hai tai sụp xuống. Ông hỏi :

- Cháu làm sao thế vậy? Lử-khử lờ-khờ, khiến cho bác mất cả cuộc vui khi nhìn thấy cháu.

- Bác ơi ! Cháu đau, cháu đau nặng.

- Hôm nay cháu đã ăn sáng chưa?

- Thưa chưa, mà cháu cũng không đói. Hai hôm nay cháu chưa ăn gì.

- Bà Lang đâu, dậy đi, mau mau dọn ra cho cháu quý của ta đôi bầu dục và cỗ lá lách bà tính để dành cho tôi ăn lót dạ sáng mai. Bà khéo chân, khéo tay hết sức nghe. Phải cố làm sao cho thằng bé tỉnh-táo trở lại mà ăn cho ngon.

- Xin bác chớ phiền lòng ! Cháu cảm ơn bác ! Cháu không đói. Lá lách cháu không muốn, bầu dục cũng không.

Lạ một điều, là Hồ ta nói thế cũng chẳng là nói mê. Đói thì đói thật vì đã hai hôm chưa được ăn gì. Hai ngày rờng-rã, nó đã đi lung đi sắn khắp xứ mà chưa được món gì vào miệng. Dĩ chí không biết là nhọc mệt hay đói bụng nhiều.

Vậy mà nói thế là thật. Lá lách cũng không thèm mà bầu dục cũng không muốn. Cái tham ăn của nó bây giờ trú ở nơi khác. Số là khi nó ngẩng đầu lên, nó đã trộm nhìn thấy ba chiếc đùi heo to tướng treo lủng-lẳng trên xà nhà thì bụng những muốn được đùi heo mà nhắm. Hồ ta nghĩ : lá lách ra gì ! bầu dục mà ra gì ! một miếng đùi heo bằng một trăm bộ lá lách, trăm bộ bầu dục. Ta đây nào có quen những đồ dư món ế. Ta không thèm những của thừa-thãi lặt-vặt.

Lang bà vốn có lòng thương cháu Hồ, vội vã sửa sang đôi bầu dục và cỗ lá lách đem ra. Hồ ta tuy thoái thác tận từ, nhưng cũng lăm vậy. Nhưng trong khi hàm nhai răng gặm, thì hai con mắt chẳng bận việc gì đưa lên nhìn trộm mấy cái đùi heo to tướng. Cái thèm như lửa đun, như gió thổi bần-hoăn ở trong dạ khác nào một con ác thú trong cũi.

Mãi về sau, không thể sao cầm lòng cho được, Hồ ta mới tâng lờ vừa ngó thấy, nhoẻn miệng cười mà tự nhủ rằng :

- Ai mà điên rồ lại để các anh ở đây ! Các anh nay đẹp như kia, ở sao được chốn nguy hiểm !

Rồi nó mới nói với bác nó :

*Thật là gọi quỷ trêu ma,
Bác tôi sao khéo rõ mà hớ-hênh !
Biết bao hàng xóm láng giềng,
Đùi heo lủng-lẳng chẳng kiêng kẻ thèm.
Ai mà lại chẳng tò mò tem,
Người ta phỏng mắt mà đem đi đời.
Khôn hồn giấu biến đi thôi,
Ai có hỏi đến mắt rồi nói phăng.*

Vả lại ngộ ai trong họ hàng thân thuộc, thấy ngon xin một vài miếng, thì hai bác nữ nào từ chối chẳng cho.

Lang ông nói :

- Ai có thèm thì lấy mắt mà ăn cho đã, bất cứ là ai, nghe.*
- Bác ơi, bác vốn là người tốt bụng, cháu đã biết bác. Bác nói vậy chứ mà ai đã xin, bác nào từ chối không cho. Chi bằng đừng để có cơ nguy hiểm đó cho mấy chiếc đùi heo của bác.*
- Thôi cháu để yên, để yên, đừng lo sợ chi cho bác.*

*Dầu ta có cháu có em
Nom thấy có thèm nuốt dãi cho qua.
Dẫu nó có mẹ có cha,
Vợ con rỏ dãi cũng là không thương.*

- Cháu nghe lời bác nói, thì tưởng chừng bác là người cay nghiệt vô tình. Nhưng cháu đây thì đã biết bác không phải người như thế. Bác là người chia cơm xẻ áo với anh em, với chúng bạn. Miếng ăn đâu đã vào miệng bác cũng có thể lè ra mà cho đi được. Nhịn miếng thịt khách chính là bác. Thì còn phải nói xa-xôi gì nữa. Vừa mới rồi đây bác đã vì cháu mà nhịn bữa lót dạ sáng mai. Đã chắc đâu sáng mai bác có món ăn khác. Biết đâu lại chẳng phải bụng rỗng mà đi kiếm mồi. Ấu là bác nên tin cháu. Ai hỏi đùi heo đâu thì bác cứ nói rằng kẻ trộm lấy rồi. Rồi thì đem giấu một nơi kín đáo một mình mình biết mà thôi, khi nào muốn ăn thì đi đến đó mà ăn. Thôi nhưng tùy ý bác. Bác khôn ngoan hơn thằng Hồ ngậy đại này.

Nói đoạn từ giã bá phụ thân yêu và bá mẫu, rồi thì đi. Đi không xa, vào núp trong một bụi cây gần đó. Yên chỗ nằm rồi thì nó thư nhàn mà tiêu các bữa cơm trưa bác nó vừa cho ăn giữa lúc đương đói vậy. Nhưng không ngủ được. Nào cái thèm thường, nào cái ngon trước làm nó xấu rã, khiến cho suốt ngày hôm ấy Hồ không ngủ.

Khi trời đã tối mịt, nó mới ở bụi chui ra, thủng-thủng đi bước một, sẽ rón-rén chân mà lân-la cho đến cửa nhà Lang, ghé mắt nhìn vào lỗ thìa khóa thì thấy trong nhà đèn lửa đã tắt sạch, ai nấy ngủ kỹ, ngáy khè.

Nó bèn nhẹ-nhàng mà nhảy tót lên mái nhà. Khẽ vạch lá tranh ở ngay chỗ đui heo lên, rồi khéo nâng, khéo hứng, khéo ngậm hơi thở, dẻo tay như một người khán hộ khẽ nhấc một người thương đau, mà kéo ba chiếc đui heo ra ngoài, xách thẳng về hang nó ở.

Cả một nhà bữa ấy vui vẻ? Hồ chồng, Hồ vợ, một lũ Hồ con, hôm ấy no bụng. Cái nỗi sung-sướng không sao kể siết. Ăn no chán mà hãy còn thừa. Miếng nào không thể ăn được nữa, thì đem dẫu dưới ổ rơm.

Sớm tinh sương Lang ông thức giấc, ngược mắt nhìn lên mái nhà thủng thấy trời, đui heo thì đâu mất sạch, bèn gọi vợ mà rằng :

- Mẹ Lang nó ơi, chúng ta bị miếng đau rồi !

Lang bà cũng vùng trở dậy, hốt-hoảng khác nào ma bắt. Mình mẩy trần truồng, đầu tóc rũ-rượi, mụ chạy khắp nhà, xô đẩy đồ đạc đổ lổng-chổng xéo cả lên con, thật là một con mẹ dại. Mụ kêu :

- Đứa nào xỏ chúng ta miếng này được đây?

Vợ chồng không còn ngờ cho ai được nữa, chỉ việc tức giận, rú lên như bị ma hành hình dưới thập điện. Xuýt nữa thì uất quá đâm cuồng cắn xé lẫn nhau. Lũ lang con, không hiểu chuyện gì, chỉ nghe trong nhà có nạn lớn, cũng đồng thanh kêu khóc inh-ỏi.

Đương om-xòm như thế thì Hồ ta vui vẻ tiến vào.

- Bác ơi, cái gì thế bác? Sao mà than khóc cả nhà? Hay là có tang cha, tang mẹ, chết con, chết em chi đó?

- Cháu ơi nhà ta như thế, không phải là không có cơ. Đui heo mất rồi, mất hẳn cả ba. Bác đau lòng khôn xiết, tức giận vô cùng. Ví bằng bác bắt được đứa nào ăn trộm thì bác xé nhỏ nó ra. Cha mẹ con chó !

Hồ ta ngẩng đầu lên, tảng lờ mới nom thấy đui heo đã mất. Rồi thì cười mà rằng :

- Bác tôi, rõ khéo ! Nói vậy mới thật là khôn. Ừ mà phải. Cứ nói toang lên rằng mất trộm thì rồi không ai nghĩ đến ăn trộm, mà cũng không ai đến gạ xin bác nữa.

- Tội nghiệp nào phải là ta nói hão. Thật sự mất rồi.

- Bác ơi cháu nghe bác nói, thật lại mừng lòng ! Cháu sướng lắm, cháu bằng lòng lắm, bác.

- Cháu ta thật là quái lạ !

- Có lạ gì, thưa bác. Như vậy là cháu có lòng hiếu thảo. Cháu được người bác cao sang, cùng cháu hằng vẫn lấy bụng hải hà tư cấp. Nay thấy bác khôn ngoan trong việc giữ cửa, trách nào cháu chẳng mừng lòng.

Hôm nay cháu sang thăm bác, chính là để tạ ân bác. Hôm qua cháu đã nhờ bác mà qua khỏi bệnh. Bệnh cháu khỏi là nhờ cách ân cần săn nom của bác hơn là bởi cái bữa ăn lót dạ mà bác đã nhin miệng để cho cháu. Ở đời được có người thân thật tình âu yếm vẫn la ụa.ũ

Cháu đã nhờ bác mà qua được cơn thất vọng. Cả đêm hôm qua cháu nghĩ đến hoài. Khi cháu lại đây, cháu còn đang tính không biết lấy cách gì mà gọi là báo đáp một đôi phần. Bây giờ thì cháu nghe như đã báo ơn bác được chút đỉnh rồi, vì bác đã nghe lời cháu mách.

Người ta thường nói, một lời khuyên nhỏ có ích, cũng ngang với một việc thi ân. Cháu chẳng dám xấu, cũng tưởng rằng cái câu mà cháu khuyên bác chiều hôm qua là về hạng đó. Cháu nghĩ rằng cháu đã giúp hầu bác một việc, một việc nhỏ mọn vậy. Ở đời làm được nên điều gì có ích cho ai, trả được ân người, hoặc nhẹ được đôi ba phần nợ ân, cũng là phỉ chí. Phàm người đã sinh ra làm người quân tử, phải biết gánh nợ ân là nặng, nhẹ được chút nào thanh thoi chút ấy

...

- Cháu ơi, xin cháu bác chớ nặng lời ! Đùi heo của bác quả thị quân gian đã lấy mất.
- Phải, phải, thưa bác. Nói vậy là trúng môn rồi. Kẻ kêu đau thường là không đau đâu cả. Cháu đã biết đùi heo bác giấu kín rồi, giấu cho bạn bè, giấu cho thân thích.
- Thằng này hay chữa ! Mày xỏ tao đã xong chưa? Tao nói vậy mà chưa tin là thật ư?
- Vâng, xin bác cứ vậy mà nói. Bác nói một cách hùng-hồng, ai mà chẳng phải tin.

Lang bà lúc ấy không thể nhịn được, cãi góp :

- Cháu Hồ thật là mê-mẩn ! Cháu lại không nhìn cái lỗ to tướng kẻ trộm đã chọc ở trên mái nhà kia ư?
- Vâng ! Cháu lạ gì hai bác cùng khôn khéo đa mưu. Ừ mà cháu xem lỗ thủng thật là khéo bắt chước. Ai cũng phải tin là tay kẻ trộm. Vậy mới biết hai bác theo lời cháu một cách khôn ngoan. Nhưng hai bác cũng đã quá tay đôi chút. Giả sử hai bác chọc thủng mái nhà nhẹ tay một tí thì hơn. Như thế kia giọt lại mái nhà khá đắt. Cần gì phải làm sạt nửa mái nhà mới khiến cho người ta tưởng ba cái đùi heo đã chui qua đó.

Lang ông gầm gừ mà rằng :

- Lại chẳng qua đó thì qua đâu ! Quân trộm cắp khốn nạn ! Giả sử ta báo thù được nó thì tức này mới nguôi đi được.
- Bác ta thật là diệu biện ! Nói như vậy mới là nói chứ.
- Này cháu Hồ ! Lúc này không phải lúc ta muốn cười đâu. Nếu mày cứ khẳng khẳng một niềm không tin ta nói thật, thì ta phát giận đây.
- Thưa bác xin bác đừng giận làm gì uổng công bác ạ. Vô ích ! Sự thật cháu đã biết rồi. Vậy thì xin bác yên tâm ! Chớ lo ngại chi cả ! Không khi nào cháu lại có phản bác. Cháu cũng như hết thấy mọi người, cũng xin tin rằng ba cái đùi heo của bác bị trộm lấy mất. Thôi thì cháu lạ hai bác, cháu xin về. Vậy là may cho hai bác. Khi nào hai bác sờ đùi heo mà thấy ngon miệng, thì xin hai bác nhớ cho rằng cũng có chút công của cháu.

Đó mới là thủ đoạn mới ra đời của Hồ nhi. Từ thuở ấy đến giờ, nó đã học biết bao nhiêu mưu khôn thuật khéo nữa. Cho nên nó còn xỏ được nhiều miếng cay độc cho bác Lang nó và cho kẻ khác.

NGỤ NGÔN LA FONTAINE

Tiểu sử La Fontaine

Nguyễn Văn Vĩnh trong tập Thơ Ngụ Ngôn La Fontaine do ông dịch (Fables de La Fontaine, Anlexandre di Rhodes, 1924), ông có giới thiệu tiểu sử La Fontaine bằng mấy dòng vừa vui vừa chính xác như sau:

“Ông Jean de La Fontaine, sinh tại Château Thierry năm 1621, chết tại Paris năm 1695. Cụ thân sinh ra ông vốn là kiểm lâm, trước định cho ông đi học để làm nhà thầy, song ông không đủ tư cách theo đạo tu hành, cho nên lại bỏ trường nhà dòng mà học khoa hình luật. Cha thấy tính lông bông bèn lấy vợ và nhường chức kiểm lâm cho, nhưng ông La Fontaine không phải là một bậc quan lại hoàn toàn tư cách, mà cũng chẳng phải là một người giữ được gia đạo. Sau bỏ cả chức, quên cả vợ. Nguyên ông La Fontaine có ba tật, khiến nên người gia trưởng rất xấu: một là tật mê gái; hai là tật biếng lười; ba là tật làm thơ.

Thích làm thơ từ thuở 22 tuổi. Về sau gặp được quan Hộ-bộ Fouquet là một người quyền thế to, lắm của mà lại hay hậu đãi những người hay chữ và có tài, mới cấp cho ông La Fontaine mỗi năm 1000 livres. Cứ ba tháng một kỳ lĩnh tiền, bắt phải vịnh một bài thơ làm biên lai.

Từ lúc ông La Fontaine yên được nơi ăn chốn ở mới làm ra những thơ này, dung-dị như trò đùa giỡn, mà xem ra nghĩa lý sâu sắc vô cùng, ngày nay ở bên nước Pháp lấy làm sách học, ai ai đều biết thuộc lòng.”

Thoạt ông chỉ mới đem sách ngụ-ngôn tản văn của Esope dịch ra thành thơ tiếng Pháp, được 6 quyển đề là Fables d’Esope mises en vers par M. de la Fontaine (Ngụ-ngôn Esope diễn ca của La Fontaine). Sau lại nối thêm thành 12 quyển hợp làm một bộ tổng danh là : Fables de La Fontaine (Ngụ ngôn La Fontaine)

Nghệ thuật dịch của Nguyễn-văn-Vĩnh chỉ cốt đúng tinh thần chứ không quá nệ vào từng chữ.

Cũng vẫn trong quyển sách đó (Fables de La Fontaine, Alexandre De Rhodes, 1924) mỗi bài ngụ ngôn dịch đã được họa sĩ Mạnh-Quỳnh minh họa. Mạnh-Quỳnh là một họa sĩ nổi tiếng thời đó về tài minh họa, đặc biệt là minh họa những truyện ngụ ngôn cho các em thiếu nhi. Chính ông đã minh họa cho báo Cậu Ấm của Thái-Phỉ Nguyễn-Đức-Phong là tờ tuần báo nhi đồng nổi tiếng đầu tiên của ta vào thời tiền chiến. Hai nhân vật nhi đồng trọc cười quen thuộc của các em do ông sáng tạo trong tờ Cậu Ấm ngày đó là thằng Vá và thằng Vếu.

Sau đây chúng tôi chọn lọc ba bức minh họa của Mạnh-Quỳnh, nét vẽ rất có cá tính và luôn luôn nhiễm sắc thái dân tộc.

1. Bức thứ nhất minh họa bài Con Ve Con Kiến Họa sĩ, tuần tự từ dưới lên trên và từ trái sang phải, cho ta thấy vẻ nhớn-nhờ của chú ve sầu đàn hát (xin chú ý đó là hình chiếc đàn nguyệt) vào những ngày hè quang-đăng thanh-thời; rồi sang mùa đông mưa phùn gió bắc, chú Ve áo tơi nón lá đến nhà chị Kiến nói khó vay mượn; và sau chót hình ảnh chị Kiến cần-cù, kho đụn đầy nhà. Xin chú ý hình ảnh chị Kiến xinh-xắn, thắt đáy lưng ong và chít khăn mỏ quạ. Ca dao ta có câu :

*Những người mà xấu như ma,
Chít khăn mỏ quạ cũng ra con người.*

Đó là cách chỉ khăn của cô gái quê vào những ngày mùa đông tháng giá hay những ngày gió lộng, trông vừa kín đáo vừa nhũn nhặn.

2. Bức thứ hai minh họa bài Chó Rừng và Chó Giữ Nhà : hình chó rừng gầy ốm tròn mắt ngạc nhiên nhìn và nghe chú chó nhà béo tốt kể chuyện; hình ông chủ béo tốt khăn lượt, áo sa đi đâu về được chú chó nhà chạy ra vẫy đuôi mừng đón; hình chú nhỏ, con chủ, âu yếm đùa với chó.

3. Bức thứ ba gồm nhiều cảnh minh họa bài Con Chuột Nhắt, Con Mèo và Con Gà Trống Non toàn là những hình ảnh được nhân cách hóa với một tinh thần hài hước ý nhị : hình ảnh chú Miêu nhi áo gấm sênh sang, ngồi ghế bành ngậm xì gà vẻ mặt vô cùng đắc ý; hình ảnh chú Hùng Kê vỗ cánh, dựng mào gáy; hình ảnh chú chuột nhỏ ra khỏi nhà lần đầu thấy sự hốt-hoảng ba chân bốn cẳng chạy về thuật lại, Thử-bà lo-lắng nghe câu chuyện con kể, bà mặc áo cánh, yếm cổ thìa (y-phục cổ truyền của những bà mẹ Việt-nam); hình ảnh chú miu sắp chọc tiết một chú chuột nhắt, còn các chú khác thì bị trói gô để đó làm của ăn của để; hình ảnh tang-tóc của gia đình nhà chuột dưới túp lều tranh, vợ bận đồ sô gai khóc trước bàn thờ chồng, con nheo-nhóc khóc cha ở góc nhà.

75.

HAI NGƯỜI TRANH NHAU CON SÒ

*Hai người đi trẩy hội chùa,
Qua nơi bãi cát, gặp sò nổi lên.
Tay cùng trở mắt cùng nhìn,
Mồm cùng muốn lẩm, cùng vin lý già.
Người cúi nhặt, kẻ liền la:
Khoan khoan! Hãy hỏi ai là đáng ăn?
Cứ theo như lẽ công bằng,
Ai mà thấy trước thì ăn đỡ thềm.
Người kia phải đứng mà xem!”
Đáp rằng : “Nếu vậy thì nên công bình,
Nhờ trời tôi mắt cũng tinh.”
Cãi rằng : “Mắt tớ còn nhanh gấp mười;
Tớ thề tớ thấy trước rồi.”
“Nhưng mà tao ngửi thấy mùi đã lâu!”
Trong khi cãi cọ cùng nhau,
Xảy quan án nọ đi đâu qua đường.
Đôi bên đem chuyện thân tường,
Xin qua phán xử đôi đường trắng đen.
Cầm sò quan đứng quan nhìn,
Tách đôi mảnh vỏ hút liền ruột trong.
Khi quan vừa nuốt trôi xong,
Ngàn bèn lên giọng Bao-công phán truyền:
Xử cho bên bị, bên nguyên,*

*Quân phân đôi vỏ, hai bên xử hoà.
Còn tiền phí tổn thì tha.*

Thơ rằng :

*Kiền tụng xưa nay tốn kém to.
Chẳng qua đục nước chỉ nuôi cò.
Mới hay gan ruột quan moi hết,
Trơ lại còn đôi cái vỏ sò!*

76.

GÀ ĐỂ TRỨNG VÀNG

*Tham thì thâm cổ nhân dạy thế,
Lấy truyện gà ra để răn đời.
Đem câu bịa đặt kể chơi
Một hôm gà nọ để rơi trứng vàng.
Chủ ngỡ có bảo tàng trong bụng.
Mổ phăng ra chắc cũng mau giàu.
Ai ngờ có cóc chi đâu !
Gà thường cũng vậy khác nhau chút nào.
Chủ biết dại kêu gào tiếc của,
Làm gương soi cho đũa tham tâm.
Mới đây lắm kẻ nghĩ lầm,
Được mưòi lại muốn ngay trăm ngay nghìn
Trơ ra hết nhẵn, ngồi nhìn.*

77.

CHÓ SÓI VÀ GIÀN NHO

*Chó sói kia ở nơi rừng ấy,
Đương đói lòng lại thấy giàn nho.
Mấy chùm vừa chín vừa to,
Nước da đỏ thắm, thơm-tho ngọt-ngào.
Cậu sói cũng ước ao được bữa,
Nhưng giàn cao không với đến nơi.
Chê bai sói lại được lời:
- Nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu.*

78.

TRIỀU ĐÌNH VUA SƯ TỬ

*Một ngày kia Mãnh-Sư Hoàng-đế,
Muốn thử xem quyền thế tầy bao.
Bèn vờ bách thú lâm trào,*

Mỗi loài phái một viên vào Long-cung.
Sắc vàng tống đi cùng một đạo,
Đóng ấn son Quốc-bảo rõ-ràng.
Chiếu rắng suốt một tháng trăng,
Hội bàn trước chốn ngai vàng liên miên.
Lúc mở hội khai diên tư yến,
Có phượng tuồng nhân tiện làm trò.
Mãnh-sư có ý làm to,
Để đem quyền thế mà phô chư hầu,
Truyền hội nghị ở lầu Ngũ-phụng,
Những thệt xương lũng-củng bốn bề.
Sức nòng hôi-hám gớm ghê,
Gấu kia bưng mũi dường chê nặng mùi.
Ngự hiểu ý, giận sôi sùng-sục,
Cho xuống ngay Địa-ngục mà chê.
Khỉ ta hiển nịnh tức thì :
- Muôn tâu Thiên-thảo cực kỳ thông minh.
Khen móng nhọn, khen dinh thơm phức
Trăm thức hoa, hương nức không bằng
Ngờ đâu lời nịnh tán xằng,
Mãnh-sư lại giận giết phăng khỉ già.
Vua sư tử thật là phàm-phũ,
Hắn cũng dòng Kiệt, Trụ chi đây,
Lại gần chó sói hỏi ngay
- Mùi gì tâu thật trẫm hay thử nào !
Sói đại thần trí cao khéo chối,
Cúi tâu : - Thần ngạt mũi thấy chi !
Khôn ngoan nên chẳng can gì,
Chuyện hay đã dạy, nên ghi vào lòng.
Ai muốn vững triều trung quyền chức,
Nịnh không nên, cương trực cũng đừng.
Cứ làm ra mặt người rùng.

79.

SƯ TỬ , CON LANG VÀ CON HỔ

Sư tử sọm lại đau phong thấp,
Muốn tìm thầy cứu cấp bệnh già.
Lệnh vua đã tỏ ý ra,
Dẫu làm chẳng được ai mà từ-nan.
Vua sư tử phán toàn các giống,
Kén lương y đem cống tại triều.
Thôi thì cầm thú bao nhiêu,
Thợ thầy đã lằm lại nhiều thuốc thiêng.

Duy Hồ xác dám kiêng không đến,
Ở lý nhà một chuyến mà chơi !
Lang ta hiển nịnh tức thời,
Quì tâu Hồ nọ mệnh Trời dám sai,
Sư tử thoạt nghe bài số tấu.
Cơn giận đâu nổi ngậ ngay lên :
- Bá quan vâng thừa lệnh truyền:
Nã Hồ đem đến ngự tiền mau đây !
Hồ biết ý, nghĩ ngay nước cãi :
- Dạ muôn tâu Quảng-Đại Cao-Minh
Hạ thần quả thật oan tình,
Vốn đang tìm chốn anh-linh khẩn cầu.
Nên chưa kịp vào chầu trước điện,
Nay mới về xin hiển phương hay.
Hạ thần nay đã gặp thầy,
Dạy rằng thánh thể bệnh này dễ yên.
Kém chân hỏa là tên trong sách,
Vị tuổi già huyết mạch khí suy.
Bây giờ họa có lang bì
Dùng làm áo phủ tức thì bệnh yên.
Lang thần muốn ghi tên trong sử,
Nghĩa vua tôi nên giữ phen này
Thôi thì da nọ lột ngay,
Cho đòi phùng tượng vào ngay áo liền.
Phương thuốc lạ, Ngự khen Hồ giỏi,
Truyền bá quan đem trói Lang thần
Thịt kia nướng chả Trẫm ăn,
Da kia may áo làm chẵn Trẫm nằm.
Nghĩ câu truyện nên ngâm mãi mãi,
Bọn nịnh thần chớ hại lẫn nhau.
Nịnh mà hưởng phúc dễ đâu,
Nịnh mà nên họa là câu nói thường.
Ai ôi ! nên biết thương nhau mấy,
Ke(gièm pha chớ cậy chi mình !
Lạ gì những thói triều đình.

80.

CON THỎ VÀ CON RÙA

Đi cho sớm việc gì tất-tả
Chuyện thỏ rùa nghĩ đã hay thay!
Rùa kia gọi thỏ bảo : Này
Thì cùng ta chạy từ đây qua đường.
Thỏ bảo rùa chị thường hoá đại

Hãy uống song thuốc tẩy vài liều,
Họa chẳng ta có nhận keo,
Rùa càng thách tợn, giải treo thật nhiều.
Thở tức khí bao nhiêu cũng đất,
Đem giải kia mà đặt bên đường.
Những gì lọ kể dài-dang;
Ai ngồi chủ cuộc, phân tường nói chi.
Thở ra sức chỉ đi ba bước,
Là đến nơi lấy được như không,
Vội chi mà chẳng thông dong,
Vừa đi vừa bỡn cũng không chậm gì,
Đứng gậm cỏ có khi cũng sớm,
Mặc kệ rùa, Thở hợm ta đây,
Chàng-dàng chân dép chân giày,
Trong khi rùa nọ ai hay vội-vàng.
Biết thân nặng lại càng cố gắng,
Cứ từ từ rảo cẳng bước lên.
Sá chi thân phận rùa hèn,
Thở càng đứng-đỉnh ở bên về đường.
Nhường chạy trước thêm càng danh giá,
Muốn lúc nào mà chẳng đến nơi.
Vừa đi vừa nghỉ vừa chơi,
Nghe hơi gió thổi, xem trời keo mây.
Rùa thắm-thoát đến ngay trước đích,
Thở vội-vàng một mạch chồn chân.
Nhưng mà chưa được đến gần,
Thì Rùa đã tới nơi ăn giải rồi.
Lại còn nhieếc một hồi : - Chú Thở,
Đã bảo mà, nhanh có làm chi !
Vội chẳng nhà cũng đội đi
Như ta đây nữa, chú thì bước sao?

81.

CON NHÁI MUỐN TO BẰNG CON BÒ

Con nhái nom thấy con bò,
Hình dung đẹp-đẽ mình to béo tròn.
Nhái bằng quả trứng tí hon,
Lại toan cố sức bằng con bò vàng.
Ngậm hơi, cổ bạnh, bụng trương;
Kêu : Chị em đến xem tường cho ta.
Đã bằng chưa chị trông, nà !
Bạn rằng còn kém – Nhái đà phồng thêm;
Hỏi rằng : Được chưa, chị em ?

*Đáp rằng : Chưa được, phòng thêm ít nhiều !
- Chị ơi còn kém bao nhiêu ?
Bạn rằng : - Còn phải phòng nhiều, kém xa !
Tức mình chị nhái oắt ta,
Lại phòng bụng quá vỡ ra chết liền.
Ở đời lắm kẻ thực điên,
Sức hèn lại muốn tranh tiên với người.
Đại thay những thói đua đòi !
Vinh gì cuộc rượu trận cười mà ganh.
Để cho cơ nghiệp tan-tành.*

82.

CON LỪA MANG HÒM SẮC

*Một con lừa lưng mang hòm sắc,
Thấy người tôn đã chắc tôn ta
Vênh-vang bộ mặt giở ra,
Chấp lễ, chấp bái như là thần đây.
Có người kia lần này biết ý.
Bảo lừa đừng nghĩ thế mà sai.
Hòm đâu có hòm lạ đời !
Ai tôn đâu chú, chú đòi lên râu.
Người lễ bái là cầu ông Thánh,
Sự anh linh uy mãnh của ngài.
Quan mà đốt đặc vô tài,
Thì dân lạy cái áo ngoài mà thôi.*

83.

HAI THẰNG TRỘM VỚI CON LỪA

*Vị con lừa của vừa ăn trộm
Hai đứa gian đánh lộn cùng nhau.
Thằng này muốn để về sau
Thằng kia muốn bán cho mau lấy tiền.
Khi hai cậu huyện thuyên ẩu đả,
Anh đấm đau anh đá cũng già.
Xảy thằng ăn cắp thứ ba
Ở đâu lại phỗng lừa ta tẩu liền.
Con lừa đó như in một xứ,
Mấy ông vua tranh cự cùng nhau.
Tự dựng người ở đâu đâu,
Cướp phăng xứ ấy đem câu giải hòa.
Thế là trơ mắt tỏ ra.*

84.

CON VE VÀ CON KIẾN

Ve sầu kêu ve ve,
Suốt mùa hè,
Đến kỳ gió bắc thổi.
Nguồn cơn thật bối-rối.
Một miếng cũng chẳng còn,
Ruồi bọ không một con.
Vác miếng chịu khúm-núm,
Sang chị Kiến hàng xóm,
Xin cùng chị cho vay,
Giảm ba miếng qua ngày.
- Từ nay sang tháng hạ,
Em lại xin đem trả.
Trước thu, thề đất trời!
Xin đủ cả vốn lời.
Tính Kiến ghét vay cậy,
Thói ấy chẳng hề chi.
- Nắng ráo chú làm gì?
Kiến hỏi ve như vậy.
Ve rằng : luôn đêm ngày,
Tôi hát thiệt gì bác?
Kiến rằng : Xưa chú hát !
Nay thử múa coi đây.

85.

THẦN CHẾT VÀ LÃO TIÊU PHU

Lão tiêu vác củi cành một bó.
Tuổi đã nhiều niên số lại cao,
Lặ-lè chân đá chân xiêu.
Lom-khom về chốn thảo mao khói mù.
Tủi thân-phận kỳ khu khó nhọc,
Đặt bó sài ở dọc lối đi.
Than rằng sung sướng nổi gì,
Khắp trong thế giới ai thì khổ hơn?
Bữa no đói luôn cơn buồn-bã,
Vợ nào con vất-vả trăm chiều.
Hết thuế lính lại thuế sưu,
Quanh năm khách nợ còn điều gì vinh?
Hỡi thần Chết thương tình chẳng tá,
Đến tôi đi cho đã một đời.
Chết đâu dẫn lại tức thời,

Hỏi: - Già khi nầy kêu vời lão chi?
Lão tiều thấy cơ nguy cuống sợ
- Nhờ tay ngài nhắc đỡ lên vai.

Thơ rằng:

“Đành chết là hết nợ
Sao mà ai cũng sợ ?
Mới hay bụng thế gian,
Khổ mà sống còn hơn.”

86.

CHÓ RỪNG VÀ CHÓ GIỮ NHÀ

Chó rừng kia xương ngoài da bọc,
Bới chó nhà săn-sóc trông nom.
Bữa kia gặp một chó xồm,
Tròn quay béo mượt, phải hôm chạy quàng.
Chó rừng cũng tính choang một mẻ,
Vồ anh kia mà xé thịt ra.
Ngặt rằng chó lớn thực-thà,
Ví bằng đấu sức ai đà dám đoan
Rằng chó rừng quyết toan được trận,
Sơn cầu ta đành phận khiêm cung.
Lại gần rủ-rỉ nói cùng,
Khen anh chó nọ mượt lông đẩy mình.
Chó rằng : - Ví tiên sinh muốn vậy,
Có khó chi việc ấy mà thềm,
Ngài nên từ chốn sơn nham,
Là nơi kham khổ ở làm chi đây.
Gầy lổ thịt một dây cùng kiệt,
Các ông đây thăm-thiết đói dài.
Được bữa hôm, khó bữa mai,
Tháng ngày chăm-chăm, miệng nhai vẫn thềm,
Cứ theo ta thử xem một chuyến.
Chó rừng bèn gạ chuyện một khi:
Muốn được vậy phải làm gì?
Đáp rằng: - Công việc khó chi đâu mà:
Đồ rách-rưới đi qua cửa ngõ,
Thì sủa ran đuổi nó đi xa,
Ngày ngày miệng hót chủ nhà,
Vầy đuôi mừng rỡ ai mà chẳng thương.
Chỉ có vậy bữa thường cơm cháo,
Thịt cùng gà xương-xấu thiếu chi,
Lại còn chủ mển vuốt-ve.
Chó rừng ưng vậy theo đi nửa đường,

Chợt nom thấy một khoang cổ chó,
Hỏi khoang gì, thì nó chối không.
Hỏi đi hỏi lại kỳ cùng,
Cho ra cái vết trụi lông là gì.
Chó một mực lì lì chẳng nói :
Cái vật này, ngài hỏi làm chi?
Tái tam hỏi lại hỏi đi,
Thì ra vết xích còn ghi rành rành.
- Chết nổi ! Thế ra anh phải buộc !
Muốn chạy rong không được hay sao?
Chó rằng : - Buộc mãi đâu nào.
Họa là mới xích chẳng bao lâu mà.
- Dẫn chẳng mấy cũng là phải xích,
Cái tự do gì thích cho tầy.
Thôi thôi, mặc bữa no say,
Ngàn vàng hồ để sánh tà thành-thời !
Chó rùng chạy riết một thôi.

87.

CON CHUỘT NHẮT, CON MÈO VÀ CON GÀ TRỐNG NON

Chuột nhắt xưa nay quanh xó cửa,
Ra khỏi nhà bỡ ngỡ một phen.
Về khoe với mẹ huyên-thuyên :
- Con qua rặng núi đến miền biên cương ;
Con chạy nặng khác đường chuột lớn,
Đi dong chơi hung tợn khắp đường.
Nơi kia con gặp hai chàng :
Mỗi chàng phúc hậu đường đường khô ngô.
Chàng kia thì tiếng to mà dữ,
Bộ hung-hăng nghiêng ngửa mặt mày.
Trên đầu cục thịt đỏ gay,
Hai tay vùng vẫy như bay lên trời.
Xòe nan quạt đuôi thời to tướng,
Khiếp khiếp chưa ! hình dáng kỳ khôi !
(Chuột con kể chuyện lời thôi,
Tưởng rằng vật lạ xa-xôi đâu về !
Ai ngờ chú Hùng Kê chính đấy,
Chuột nhắt ta nom thấy hã-hùng.)
- Hai tay phành-phạch vẫy vùng,
Con xưa nay vốn thị hùng mà ghê.
Đuôi quắt đít chạy về một mạch,
Miệng chữi thăm, thề ketch đến già.
Ví chẳng không gặp hấn ta,

Thì con hẳn tiếp được nhà hiền kia.
Lông bóng nhoáng, râu ria đường bệ,
Đuôi lại dài tam thể trên mình.
Lừ-ừ coi bộ hiền lành,
Duy đôi mắt biếc long lanh khác thường.
Cùng giống chuột nghe dường ái mộ *
Y như ta cũng có hai tai.
Lại gần con đã kiếm bài,
Làm quen với hẳn một hai thân tình.
Thì thẳng nọ thình lình lên giọng,
Kec-ke-ke ! trong họng kêu ra.
Vội-vàng con phải lánh xa.
Thử-bà nghe nói nghĩ mà sờn lông :
- Chết con ạ ! Chớ trông ngoài mã !
Bộ hiền lành chính gã Miêu-nhi.
Xưa nay độc ác gian phi,
Cùng nòi nhà chuột nó thì hại luôn.
Còn gà nọ thì con há sợ,
Hắn cùng ta có nợ xưa nay.
Đã không làm hại nhà này,
Mà thường giống chuột lại hay ăn gà !
Thằng mèo nó coi ta như gỏi,
Hại loại mình mòn-mỏi bấy lâu.
Đỏ lòng xanh vỏ có câu,
Con nên ghi lấy về sau đừng lầm.

88.

CON LỪA ĐỘI LỐT SƯ TỬ

Con lừa kia đội da sư tử,
Khấp một vùng tường dữ đều kinh.
Tuy rằng là vật đáng khinh,
Mà ai cũng sợ oai linh con lừa.
Rủi phải khi tai thò một mẩu,
Lòi ngay ra điên đảo khi-man.
Chó kia chạy đuổi sủa ran,
Làm cho ai nấy nổi cơn tức cườì.
Cách giả hình mấy người đã biết,
Thấy mãnh sư chạy riết trong đồng.
Thì ai cũng thấy lạ-lùng,
Mãnh sư để chó đuổi cùng thế nhưng?
Xét lắm kẻ lầy lùng trong cõi,
Cũng chẳng qua giả dối như lừa.
Nghênh-ngang hống hách gió mưa,

Chẳng qua đội lốt để lừa người ngây.

Chú thích: Đọc thêm truyện này trong Chiến quốc sách (Nguyễn-Văn-Ngọc và Trần-Lê-Nhân, Cổ-Học Tinh-Hoa) để so sánh:

HỒ MƯỢN OAI HỒ

Vua Tuyên-vương làm vua cả nước Sở. Chiêu-Hề-Tuất chỉ là một người bày tôi vua Tuyên-vương, thế mà người phương Bắc ai nghe thấy nói Chiêu-Hề-Tuất cũng phải kinh sợ. Vua lấy làm lạ, một hôm hỏi công thần vì cơ sao. Không ai trả lời nổi. Chỉ có Giang-Nhất thưa được rằng:

“Con hổ hay bắt các giống thú để ăn thịt. Một hôm bắt được con hồ, Hồ bảo : “Liệu đó! Chớ có động chạm đến ta mà chết ngay bây giờ. Ta là trời sai xuống, cầm quyền coi hết cả bách thú; người mà ăn thịt ta, là người trái mệnh trời, hại đến thân ngay lập tức, không tin, thử để ta đi trước, người theo hầu sau, xem có con thú nào trông thấy ta mà không sợ hãi tìm đường trốn mau không.” Hồ cho là nói thật, bèn theo hồ đi. Quả nhiên bách thú trông thấy đều sợ mà chạy cả.

Hồ vẫn không biết rằng bách thú sợ mình mà chạy, cứ tưởng là sợ hồ. Ngay nhà vua nước mạnh, quân nhiều mà lại giao cả quyền thế cho Chiêu-Hề-Tuất, người phương Bắc sợ Chiêu-Hề-Tuất, nhưng kỳ thực là sợ vua cũng như bách thú sợ hổ vậy.”

89.

CON CHÓ RỪNG VÀ CON CÒ

*Chó rừng tham ăn hay nuốt vội,
Nhân một khi vui hội anh em.
Miếng ngon đương lúc miệng thèm,
Chưa trôi miếng gỏi đã thêm miếng đầu.
Phải cái xương mắc râu trong họng,
Phúc mười đời cò bồng đi qua.
Chó rừng mới gật chị ta,
Đến ngay thò mỏ gắp ra một hòn.
Xong công việc cò còn tính giá,
Chó rừng đà chẳng trả tiền công.
Lại còn ơn vố như không :
- Đầu mày trong cổ họng ông mới rồi.
Đã thoát khỏi thì thôi, phúc đức!
Lại chửa mừng còn chực đòi công.
Bội ơn! Cút thẳng cho xong,
Chớ hề đến trước mặt ông mà ngày .*

90.

CON GÀ TRỐNG VÀ CON HỒ

Trên cành cây con gà trống đậu
Đã khôn ngoan lại láu việc đời.
Hồ ly đến ngọt mấy lời :
- Đôi ta hết giận tới thời hòa an.
Nay trong khắp thế gian thân ái.
Tình anh em tôi lại thừa anh.
Xuống đây hôn cái tỏ tình,
Trăm nơi còn phải chạy nhanh mới cùng.
Rồi mặc sức vẫy-vùng đi lại,
Tôi với anh hết hại lẫn nhau.
Từ đây anh chớ lo âu,
Khi nào có việc muốn cầu đến em,
Gọi một tiếng ngày đêm cũng lại,
Xuống đây hôn gọi ngãi đồng bào.
Gà rằng : - Mừng rỡ xiết bao!
Tin này biết lấy cách nào tỏ vui?
Lời anh nói thì tôi thêm trọng,
Kìa ngó xa thấy bóng chó săn
Hai anh đương chạy tới gần,
Ý chừng cũng một tin thân ái này.
Đợi tôi đó xuống ngay lập tức,
Để bốn ta cùng được hôn nhau...
Hồ ly nghe chữa dứt câu
Vội-vàng một mạch cắm đầu chạy nhanh.
- Thôi anh nghỉ để dành khi khác,
Kẻo em còn chạy các nơi xa.
Nói rồi cẳng bốn chân ba,
Nghĩ mưu không đất, hồ ta giận mình.
Gà thấy hấn thất kinh đặc ý :
Lừa thẳng gian thích chí đường bao !

91.

HAI CON LA

Hai con la cùng đi đường cái,
Con tải tiền con tải cỏ khô.
Gã kia vinh hạnh dường phô,
Ví ai mang đỡ chảng cho đỡ nào.
Dáng đủng-đỉnh làm cao với chúng,
Cổ leng keng chuông đụng suốt ngày.
Ai ngờ gặp buổi không may,
Giặc đâu kéo đến dòm ngay túi tiền.
Vồ la nọ giặc liền bắt lấy,
Năm dây cương kéo lại một nơi.

La găng sức, cự với người,
Chúng đâm nát thịt tời-bời một khi.
Than : - “Danh vọng làm chi cho cực,
Gã hèn kia sao được yên thân,
Mà ta đau-đớn như rần”.
La kia nghe thoảng lại gần đáp ngay :
- Hễ cây cao, gió lay càng dữ ...
Mang cỏ khô ví thử như ta,
Thì chi đến nỗi đau mà.

92.

CON SƯ TỬ VÀ CON MUỐI MẮT

Sư tử một hôm mắng con Muối
- Bước đi đồ hôi thối nhỏ-nhen
Muối ta đâu có chịu hèn,
Tức cùng sư tử trao liền chiến thư :
- Mi chớ tưởng vua mà ta sợ,
Đừng làm cao, mi chớ hợm đời.
Con bò to gấp mấy mươi,
Ta còn kéo nổi như chơi đi cùng.
Nói vừa đoạn muối xông lên trước,
Rúc tù và, rồi vượt trận tiền.
Vừa làm tướng vừa thổi kèn,
Trước còn bay vọt lên trên tít mù;
Sau nhào xuống, nhảy xô vào cổ,
Sư tử ta xấu hổ phát điên,
Mép sàu bọt, mắt quắc lên,
Miệng gầm, chân nhảy, sợ rên một vùng.
Việc kinh hãi khắp trong thế giới,
Ai hay đâu bởi cái muối con.
Đuổi sư khắp núi cùng non,
Khi thì đốt gáy, lúc bon cắn đầu,
Khi bay lọt vào đâu lỗ mũi,
Sư tử ta hậm hụi phát khùng.
Ngụy ranh quay cổ lại trông,
Thấy nanh cùng vuốt cũng không làm gì.
Muối nhoét miệng cười khi mấy tiếng,
Sư tức mình lại nghiêng hàm răng.
Đuôi thì ngoe nguẩy vung-văng,
Mà ra phải chịu một thẳng muối ranh.
Anh giận lắm thì anh thêm nhọc,
Cậy hùng cường làm cóc gì tôi !
Muối ta thẳng trận phản hồi,

Khải hoàn một trận vang trời vo vo.
Chạy cùng xứ báo cho chúng biết,
Mạng nhện đâu lại kết ngang đường.
Muỗi ta vướng phải ai thương?
Ta nên lấy chuyện làm gương hai điều :
Cuộc tranh cạnh có nhiều thù nghịch,
Kẻ nhỏ thường nên kệt kẻ to.
Nhiều khi việc lớn chẳng lo,
Mà ra chút việc nhỏ-nhỏ chẳng xong.

93.

CON DƠI VÀ HAI CON CÀY

Dơi bay quạng xảo khi chúí cổ,
Choạng ngay vào cửa tổ con cày.
Cày này ghét chuột xưa nay,
Chạy ra đã định vồ ngay dơi già :
- Giống mi đã cùng ta làm hại,
Sao cả gan dám lại nơi đây ?
Phải chăng chính chuột là mày,
Nếu không chẳng phải đời cày nhà tao !
Dơi van lạy : - Lượng cao soi xét,
Tôi thực không phải kiếp chuột mà.
Ai đâu đặt để sai ngoa,
Giời sinh tôi quả vốn là kiếp chim.
Còn đôi cánh hiển nhiên thượng tại,
Chúc vạn niên điểu loại cao bay !
Lời cung nghe lọt tai cày,
Tức thì phóng xá cho bay về nhà.
Cách khi đó một vài hôm nữa,
Dơi lại choàng vào cửa hang cày,
Cày này tính ghét chim bay,
Té ra dơi lại gặp ngày nguy nan.
Cô dài mõm đã toan ra bắt :
- Mày là chim ta quật chết tươi.
Dơi sao cũng khéo mau lời :
- Xin ngài nhìn kỹ hình tôi chim nào.
Chim có đủ vũ mao mới phải,
Tôi vốn là thú loại xưa nay.
Chúc xin Thử quốc lâu dài !
Hoàng thiên hại hết những loài miêu nhi !
Khen dơi biến trá cũng kỳ,
Nhờ mưu khôn thoát hiểm nguy hai lần.

Thơ rằng :

*Liệu gió khen ai khéo phất cờ,
Đổi lời cầu thoát lúc nguy cơ,
Sẵn câu vạ tuế trên đầu lưỡi,
Chúc Hán khi xưa, chúc Ngụy giờ.*

94.

HỘI ĐỒNG CHUỘT

*Một con mèo tên là Trạng Mỡ,
Bắt chuột nhiều long-lở hàm hang.
Mèo đâu dữ dội lạ đường !
Để cho đến nỗi sạch quang trong ngoài.
Họa còn sót một hai chú lỏi,
Đố dám thò ra khỏi cửa hang.
Chú nào cũng đói họng gang,
Trông thấy Trạng Mỡ coi dường yêu tinh.
May được buổi tiên sinh chạy gái,
Chốn cao xa trên mái nhà người.
Chuột thừa đương lúc thành-thời,
Họp nhau bàn việc kim thời nguy nan.
Chú chuột già ra bàn ngay trước :
- Liệu mau mau trong nước hiểm nghèo,
Đem chuông mà buộc cổ mèo,
Để cho khi hấn leo trèo tìm ta,
Leng keng nghe hiệu là ta chạy.
Ai cũng khen mà lạ Cự Trùm.
Duy còn một việc đeo chuông,
Nghe như hơi khó tìm phương thi hành.
Hỏi lũ chuột, thì anh từ cáo.
Anh lại rằng : - Đây lão đại gì?
Đã đành nơi chết ai đi,
Ngẩn-ngơ một lát rồi thì hội tan.
Té ra cuộc luận bàn thực hã,
Có lạ gì bàn láo xưa nay
Chẳng là việc chuột thế này,
Việc dân việc nước cũng hay bàn xằng.*

Thơ rằng :

*Nghị luận còn dở-dang,
Triều đình đông nhan-nhân.
Thi hành lâm cục trung,*

Bá quan đà tận tán .

95.

HAI CON DÊ CÁI

*Khi nào dê đã ăn no,
Thì dê hay thích tự do chơi bời.
Đi tìm những chốn xa khơi,
Những vùng khuất nẻo, những nơi vắng người.
Núi cao cây cỏ tốt tươi,
Dưới khe sâu thẳm, đá đôi ba hòn.
Các cô đến đấy nhả bon,
Chẳng ai ngăn được dê non chạy quàng.
Một hôm dê cái hai nàng,
No-nê bỏ nội cỏ vàng đi dong.
Hai bên bờ suối nước trong,
Tình cờ đâu lại đi cùng tới bên.
Có cầu nho-nhỏ bên trên,
Đôi cày họa mới đi len nhau vừa.
Dưới khi dòng nước chảy bừa,
Đứng trên nom xuống nghĩ mà ghê thay !
Dịp cầu tấm ván lung-lay,
Vậy mà dê nọ bước ngay một đầu.
Dê kia nào có hãi đâu,
Đưa chân cũng bước đầu cầu bên kia.
Thoắt coi nào có khác chi.
Vua Pha-Nho với vua Louis hội đồng.
Hai nàng bước một thông-dong,
Giữa cầu thoắt đã đi cùng tới nơi.
Kiêu căng ai lại nhường ai,
Cũng nòi đáo để, cũng vai anh hùng.
Cô này cậy cháu nhà tông,
Dê này Bách-Lý là ông sáu đời.
Con dòng cháu giống phải chơi !
Cô kia khi ấy tức thời nghĩ ra :
Tổ tiên ngũ đại nhà ta,
Là dê Tô-Vũ ông cha kể truyền
Cũng là cháu phụng con tiên,
Hai cô cùng dẫn bước lên nhịp cầu.
Nào ai có nhượng ai đâu,
Ganh nhau cho đến đâm đầu xuống khe.
Câu này chẳng những chuyện dê,
Bước đường danh lợi người đi cũng dường.*

96.

MẶT TRỜI VÀ LOÀI ẾCH

*Vua ngược ác một hôm lấy vợ,
Cả bàn dân mừng rỡ yến diên
Duy Ê-dốp bảo là điên,
Ô hay ! Lũ ngốc tự nhiên mừng xằng !
Bèn đem chuyện kể rằng khi trước,
Vua Thái-dương muốn rước dâu về.
Chuôm ao ếch nhái sợ mê,
Inh tai chẳng chuộc, trong khe dưới ngòi :
- Than ôi ! Nếu mặt trời sinh đẻ,
Ếch nhái ta hồ để ở yên,
Một trời đã nóng như diên,
Vị bằng nửa tá bể liền cạn khô.
Cá và ếch sẽ vô đâu ở ?
Cói với lau biết ở nơi nao ?
Loài ta biết tính thế nào ?
Nước-nôi khô ráo, sống sao phen này ?
Lời nói phải mà hay đáo để !
Ếch khôn ngoan người dễ đã tày.*

Nguyên văn của La Fontaine:

*L'une certaine chèvre au mérite sang paire,
Don't Polyphème fi présent à Galatée;
Et l'autre la chèvre Amalthée,
Par qui fut nourri Jupiter.*

La Fontaine đã dùng những điển tích dê trong thần thoại, nào là loại dê cao quý đã từng được Polyphème (con thần Neptune) mang tặng nữ thần Galatée những mong mua chuộc được tình yêu; rủi thay Galatée lại yêu chàng chăn chiên Acis; chàng này bị Polyphème giết chết vì ghen. Nào là Amalthée, một con dê khác, còn cao quý gấp bội vì nó đã từng nuôi Jupiter, vị chúa tể chư thần.

Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch thoát mấy câu này và cũng lấy những điển tích tương xứng của Đông-phương. Truyện Tô Vũ chăn dê thì đúng nhưng truyện Bách Lý Hề thì không.

Nguyên Bách Lý Hề vào thời Đông Chu là người nước Ngụ, thuở hàn vi đã có lần phải đi ăn xin, có lần chăn trâu thuê, bị bắt ở Sở phải đi chăn ngựa cho vua Sở, mãi sau gặp thời được phong tướng giúp Tần Mục Công lập nên nghiệp bá.

Vậy truyện Bách Lý Hề chỉ có liên lạc với trâu và ngựa thôi. Song le việc dùng chệch điển tích một chút ở đây cũng chẳng sao và chúng ta vẫn chiêm ngưỡng tài dịch thoát ý rất tài tình của Nguyễn-văn-Vĩnh.

97.

CÔ HÀNG SỮA

*Cô Bê-rét đi mang liễn sữa.
Kê đệm bông ở giữa đỉnh đầu.
Chắc rằng kẻ chợ xa đâu,
Nhẹ nhàng thoăn thoắt chẳng âu ngại gì.
Chân hôm ấy thì đi dép một,
Váy xắn cao ton-tốt bước nhanh
Gọn-gàng mà lại thân xinh
Vừa đi vừa tính phân minh từng đồng.
Sữa bấy nhiêu, bán xong ngần ấy,
Trúng một trăm mua lấy về nhà,
Ấp đều có khó chi mà,
Khéo ra mấy chốc đàn gà đầy sân.
Cáo nọ dẫu mưu thần chước giỏi,
Có tha đi cũng giỏi mười con,
Bán đi mua một lợn non,
Ta cho ăn cám béo tròn như trâu.
Đem ra chợ bầy đâu chẳng đắt,
Bán lợn đi lại dắt bò về.
Thừa tiền mua một con dê,
Để cho nó nhảy bốn bề mà coi.
Cô Bê-rét nói rồi cũng nháy.
Sữa đổ nhào hết thấy còn chi,
Nào bò, nào lợn, nào dê,
Nào gà, nào trứng cũng đi đàng đời.
Cô tôi thấy cửa rơi lênh-láng,
Lủi-thủi về chịu mắng với chồng.
Đành rằng mấy gậy là cùng,
Để câu chuyện sữa kể rong hết làng.
Nghĩ lắm kẻ hoang đường cũng lạ,
Ước xa-xôi hay quá phạm mình.
Tề-mân, Sở-mục hùnh danh,
Ví cùng Bê-rét rành-rành cũng như.
Rõ mở mắt trơ trơ mà mộng,
Chuyện mơ hồ mà động đến lòng.
Của đời hết thấy thu xong.
Trường-thành đắp nổi, A-phòng về ta.
Khi một mình ấy ta thách hổ*

*Vua nước Tàu đập đồ như chơi.
Vận may lại thuận lòng người,
Muôn dân mến phục ngai Trời ngồi trên.
Sịch một tiếng tỉnh liền giấc mộng,
Té vẫn mình bố ngỗng xưa nay.*